

# LUẬN ĐẠI THỪA CHUỖNG TRÂN

大乘掌珍論

Mahāyāna Karatalaratna Śāstra

Mahāyāna Jewel in the Hand Treatise



Bồ-tát Thanh Biện tạo

Pháp sư Huyền Trang dịch



Quảng Minh dịch chú

*Dịch phẩm Đại thừa Chương trần luận này, con xin thành kính:  
Hiển cúng Bồ-tát Long Thọ, Luận sư Thanh Biện, Pháp sư Huyền Trang  
Hiển cúng Sa-môn Thích Minh Hạnh, Đại sư Thích Minh Phát  
Hiển cúng các bậc Giáo thọ sư, chư tôn thiên đức Tăng Ni Việt Nam  
Kính dâng lên và hồi hướng công đức cho Cha Mẹ hiện tiền.*



LEGDAN

**Bhāviveka**

# MỤC LỤC

## DẪN NHẬP

## QUYỀN THƯỢNG

### I. Giới thiệu:

#### 1. Lý do tạo luận

1.1 Vì lợi ích tất cả chúng sinh

1.2 Trí tuệ có được từ sự nghe

### II. Sự trống rỗng của pháp hữu vi

#### 1. Tông

##### 1.1 Luận điểm

1.1.1 Định nghĩa về thế tục đế

1.1.2 Định nghĩa về thắng nghĩa đế

1.1.3 Loại trừ hư vọng

##### 1.2 Dụ

##### 1.3 Nhân

##### 1.4 Sự thiết lập tỷ lượng

#### 2. Phản ứng sự chỉ trích

##### 2.1 Phản ứng sự chỉ trích chủ nghĩa hư vô

2.1.1 Phản ứng sự chỉ trích về sự phá hủy các quy ước

2.1.2. Trả lời một số đối thủ nhất định

2.1.3. Trả lời về sự mâu thuẫn giữa tự tánh và duyên sinh

2.1.4 Trả lời những người chủ trương tự tánh

2.1.5 Trả lời những chỉ trích về nhân và dụ

- 2.1.6 Trả lời lập luận hư vô về nhân
- 2.1.7 Trả lời những chỉ trích về năng lập
- 2.1.8 Phản hồi sự phê bình về chức năng của ngôn ngữ
- 2.1.9 Trả lời cho những luận giả thông duệ và kiêu ngạo
  - 2.1.10 Trả lời những người không chấp nhận sai sót trong luận điểm
  - 2.1.11. Trả lời một số đối thủ khác
  - 2.1.12 Trả lời những phê bình về dụ
  - 2.1.13 Trả lời một số người có ý tưởng khác với tánh Không
  - 2.1.14 Đáp lại phái Số Luận
- 2.2 Những bình luận về y tha khởi tánh của phái Tương ưng
  - 2.2.1 Giải thích tánh Không của luận sư Tương ưng
  - 2.2.2 Trả lời giải thích của phái Tương ưng
    - 2.2.2-1 Hỏi về cách giải thích của phái Tương ưng
    - 2.2.2-2 Diễn giải lại tánh y tha khởi
    - 2.2.2-3 Y tha khởi tánh như thế tục đế
  - 2.2.3. Trả lời một số nhà lý thuyết
- 3. Tiểu kết
  - 3.1 Tánh Không của tất cả pháp
    - 3.1.1 Tánh Không của mười hai xứ
    - 3.1.2 Tánh Không của các pháp khác
    - 3.1.3 Tánh Không theo các chấp của ngoại đạo
  - 3.2 Trí tuệ có được từ tu tập
  - 3.3 Trí tuệ vô tướng

## QUYỂN HẠ

### III. Tánh Không của pháp vô vi

## 1. Tông

1.1 Định nghĩa về pháp vô vi

1.2 Nhân

1.3 Dụ

1.4 Sự thiết lập tỷ lượng

## 2. Trả lời các phản đối

2.1 Pháp vô vi trong các trường phái Phật giáo

2.1.1 Trả lời các sư Tỳ-bà-sa

2.1.2 Phản hồi những lời chỉ trích về đồng phẩm

2.1.3 Phản hồi những lời chỉ trích về dụ

2.1.4 Phản hồi những lời chỉ trích của sư Tỳ-bà-sa

2.1.5 Phản hồi lời chỉ trích của luận giả Chánh lý về chủ nghĩa hư vô

2.1.6 Phản đối sự không có trạch diệt của sư Tỳ-bà-sa

2.1.7 Phản ứng với lời chỉ trích của Kinh bộ về hư không

2.1.8 Đáp lại sự phản đối của Đồng điệp bộ về tánh Không của hư

không

2.1.9 Những phê bình về chân như của phái Tương ưng

2.1.10 Đáp lại con đường giải thoát của Nhất thiết hữu bộ

2.2 Phản đối pháp vô vi trong các trường phái không thuộc Phật giáo

2.2.1-1 Phản hồi triết học Số luận

2.2.1-2 Phản đối phái Số luận về Thân ngã

2.2.2-1 Phản đối học thuyết Thắng luận

2.2.2-2 Phản đối học thuyết Thắng luận (2)

2.2.3 Kỳ-na giáo (Jaina) và những học thuyết khác

## IV. Phần kết luận

1. Trí tuệ có được từ tư duy

2. Trí tuệ có được từ thiền định

### 3. Trí vô phân biệt

#### 3.1. Khái niệm về trí vô phân biệt

#### 3.2. Thảo luận về chân như của phái Tương ưng

## DẪN NHẬP

Chương Trân Luận 掌珍論, gồm 2 quyển: thượng và hạ, nói đủ là Đại Thừa Chương Trân Luận 大乘掌珍論, do ngài Thanh Biện trú tác, ngài Huyền Trang đời Đường chuyển dịch<sup>1</sup>, thu vào Đại Chánh Tạng tập 30, No. 1578. Nội dung bàn về nghĩa Không, dùng phương pháp lý luận Nhân Minh, bài bác sự thấy biết sai lầm của Ngoại đạo, Tiểu thừa và Đại thừa Hữu tông để chứng thực nghĩa của Đại thừa Không tông - hết sức đề xướng dùng trí Không, xa lìa sự phân biệt có không, mà hoàn thành tám chánh đạo, sáu ba-la-mật.

Thanh Biện 清辨 (490-570), tiếng Phạm là Bhāvaviveka, Bhāviveka, Bhavya. Hán âm là Bà-tỳ-phê-già (婆毘吠伽), Bà-tỳ-bệ-ca (婆毘薛迦), cũng gọi Minh Biện (明辯), Phân Biệt Minh (分別明), cao tăng Ấn độ sống vào thế kỷ thứ 6, luận sư của học phái Trung quán thuộc Phật giáo Đại thừa tại Nam Ấn độ. Có thuyết cho rằng sư thuộc Vương tộc nước Mạt-lợi-da-na (末利耶那, Malyara) ở Nam Ấn độ. Lại có thuyết nói sư thuộc chủng tánh Sát đế lợi (Kshatriya) ở nước Ma-già-đà (摩伽陀, Magadha) ở Bắc Ấn độ.

Sư từng đến Trung Ấn độ thờ ngài Tăng Hộ (僧護, Saṃgharakṣita)<sup>2</sup> làm A-xà-lê (Ācārya), chuyên cần tu học kinh điển Đại thừa và giáo thuyết của Bồ-tát Long Thọ (Nāgārjuna). Sau đó, sư trở về Nam Ấn Độ tuyên dương nghĩa Không,

---

<sup>1</sup> Theo Khai nguyên thích giáo lục 開元釋教錄, vào triều đại Đường, ngài Huyền Trang chuyển dịch Chương Trân Luận từ ngày 8 đến ngày 13 tháng 9, năm Trinh Quán 貞觀 thứ 23 (19 - 24 tháng 10 năm 649), [80 năm sau khi Thanh Biện viên tịch,] tại viện Dịch Kinh, chùa Đại Từ Ân, sa-môn Đại Thừa Huy 大乘暉 bút thọ.

<sup>2</sup> Tăng Hộ: Còn dịch là Chúng Hộ 眾護, Tăng-già-la-sát 僧伽羅刹, là đệ tử của Long Hữu (龍友, Nāgamitra); cao Tăng cùng thời với Vô trước (Asaṅga), Thế thân (Vasubandhu); kế thừa và truyền bá tư tưởng Trung Quán của Long Thọ và Thanh Mục (Pingalanetra); môn hạ có Phật Hộ và Thanh Biện.



mở màn cho cuộc tranh luận về Không, Hữu với ngài Hộ Pháp (護法, Dharmapāla) thuộc tông Du-già ở nước Ma-yết-đà (磨羯陀). Ngài Hộ Pháp thừa kế học thuyết của các Bồ-tát Vô Trước, Thế Thân, chủ trương ‘Hữu là tận cùng của Không’, ngài Thanh Biện thì noi theo học thuyết của bồ-tát Long thọ, chủ trương ‘Không là tận cùng của Hữu’, hai bên bác bỏ nhau và thành tựu cho nhau. Trên văn tự thấy như hai ngài phá nhau, vì bên nói Hữu bên nói Không. Song, các ngài chỉ có một bản ý là hiển bày lý Chơn không - Diệu hữu, nên nói thành tựu cho nhau.

Là người sáng lập hệ phái Trung quán Y tự khởi (中觀依自起派, Mādhyamika-svāntantrika), cũng được gọi là Độc lập luận chứng phái (獨立論證派), một trong hai trường phái của Trung quán, Sư cũng đả kích Phật Hộ (佛護, Buddhapālita), người sáng lập hệ phái Trung quán Cụ duyên (中觀具緣派, Prāsaṅgika-mādhyamika), bằng một phương pháp suy luận biện chứng trên cơ sở Nhân minh học (Hetuvidyā), Nhận thức học (Pramāṇavāda). Vào thế kỷ thứ 8, trường phái của Sư được Tịch Hộ (Śāntarakṣita) biến thành phái Trung quán Duy thức (中觀唯識, Mādhyamika-yogācāra).

Tổ của phái Trung quán là ngài Long thọ; ngài dựa theo kinh Bát-nhã mà viết ra luận Trung quán, tuyên thuyết nghĩa ‘Duyên sinh tức Không’. Bài tụng Quy kính trong phần Bản tụng của luận Trung quán nêu ra Bát bất: chẳng sinh (Anutpāda), chẳng diệt (Anirodha), chẳng thường (Azāzvata), chẳng đoạn (Anuccheda), chẳng một (Anekārtha), chẳng khác (Anàrtha), chẳng đến (Anāgama), chẳng đi (Anirgama), để bác bỏ kiến giải cho các pháp là ‘hữu sở đắc’, mà thuyết minh duyên khởi tức là pháp tương đối. Cho nên có thể nói, phái Trung quán là tông phái thông đạt nghĩa các pháp duyên sinh, khiến cái thấy có - không đều dứt bật, nhường chỗ cho chánh quán Chơn không Trung đạo hiện tiền. Trong lịch sử Phật giáo Ấn độ, phái Trung quán và phái Du-già là hai giáo phái lớn đối lập nhau trong Phật giáo Đại thừa. Bắt đầu từ ngài Long thọ ở thế kỷ thứ 2, qua các

ngài Đề-bà, La-hầu-la, Bạt-đà-la, Thanh Mục v.v., đến các luận sư Hộ Pháp, Phật Hộ, Thanh Biện v.v. ở đầu thế kỷ thứ 6, nối nhau hoằng truyền ý chỉ Không quán Trung đạo. Trong đó, hai ngài Phật Hộ và Thanh Biện cùng theo học luận sư Chúng Hộ (眾護, Sajgharaksita), nghiên cứu học tập giáo thuyết của ngài Long thọ, nhưng sự thấy biết của hai vị lại khác nhau, mỗi vị tự viết luận phê bình luận thuyết của đối phương, do đó, phái Trung quán bị chia làm hai: phái Y tự khởi (依自起派)<sup>3</sup> theo học thuyết của ngài Thanh Biện và phái Cụ duyên (具緣派)<sup>4</sup> theo học thuyết của ngài Phật Hộ.

Xem xét về hệ phổ của phái Trung quán, như sau:

Long Thọ 龍樹 (Nāgārjuna, 150–250) → Đề-bà 提婆 (Āryadeva, 170–270)

→ La-hầu-la 羅睺羅 (Rāhulabhadra, 200–300) → A & B

A. (1) Y tự khởi phái 依自起派 : Thanh Mục 青目 (Piṅgala, 301-400) → Thanh Biện 清辨 (Bhāvaviveka, 490-570) → Quán Thệ 觀誓 (Avalokitavrata, —700—) → Cát Tường Hộ 吉祥護 (Śrīgupta) , Trí Tạng 智藏 (Jñānagarbha, 700–760).

(2) Trung quán Du-già hành phái 中觀瑜伽行派 : Tịch Hộ 寂護 (Śāntirakṣita, 725-790) → Liên Hoa Giới 蓮華戒 (Kamalaśīla, 740-796) → Giải Thoát Quân 解脫軍 (Vimuktisena) → Sư Tử Hiền 師子賢 (Haribhadra, —800—) → Bảo Tịch 寶寂 (Ratnākaraśānti, —1000—) → Thắng Địch 勝敵 (Jitāri, —1000—).

B. Cụ duyên phái 具緣派 : Phật Hộ 佛護 (Buddhapālita, 470–540) → Nguyễn Xứng 月稱 (Candrakīrti, —650—) → Tịch Thiên 寂天 (Śāntideva, 650-700)

---

<sup>3</sup> Y tự khởi phái 依自起派, còn gọi là Tự tục phái 自續派, Tự lập lượng phái 自立量派.

<sup>4</sup> Cụ duyên phái 具緣派, còn gọi là Ứng thành phái 應成派, Tùy ứng phá phái 隨應破派.

→ Trí Sinh Tuệ 智生慧 (Prajñākaramati, 950-1030) → A-đề-hạp 阿底峽 (Atīśa, 982–1054)

Phái Trung quán Cự duyên do ngài Phật Hộ (佛護, Buddhapàlita) sáng lập vào khoảng năm 470 đến 540 Tây lịch. Ngài Phật Hộ là người nước Thản-bà-la (坦婆羅, Tajbara) thuộc miền Nam Ấn Độ. sau khi thờ luận sư Chúng Hộ làm thầy, ngài đến ở chùa Đản-đa-phát-lợi (檀多弗利, Dantapuri) soạn bộ Căn bản Trung luận chú (根本中論註), chủ trương thuyết ‘Các pháp cứu cánh Không’. Vào thế kỷ thứ 7, có luận sư Nguyệt Xứng (月稱, Candrakīrti )ra đời, soạn các bộ Trung luận chú (中論註), Lục thập tụng như lý luận thích (六十頌如理論釋), Tứ bách luận chú (四百論註), Nhập Trung quán luận (入中觀論), v.v., đề xướng thuyết của phái Cự duyên, đồng thời, kịch liệt bình phẩm bộ Trung luận chú thích (中論註釋) của ngài Thanh Biện. Tư tưởng học thuyết của ngài Nguyệt Xứng sau đó truyền vào Tây Tạng và được truyền bá rất rộng. Về sau, lại có luận sư Tịch Thiên (寂天, Śāntideva) viết Bồ đề hành kinh (菩提行經), Đại thừa tập Bồ tát học luận (大乘集菩薩學論), thuật theo chỉ thú Trung quán của tiền nhân.

Phái Trung quán Y tự khởi lấy học thuyết của ngài Thanh Biện làm chính. Thanh Biện soạn Bát-nhã đăng luận (般若燈論), giải thích giáo chỉ Trung quán, đồng thời phê bình luận thuyết của ngài Phật Hộ. Ngoài ra, ngài Thanh Biện còn soạn Trung quán thật đăng luận (中觀寶燈論), Trung quán tâm luận tụng (中觀心論頌), Trung quán tâm luận tụng chú (中觀心論頌註), Nhiếp trung quán nghĩa luận (攝中觀義論), Đại thừa chương trân luận (大乘掌珍論), v.v. Về sau có luận sư Quán Thệ (觀誓, Avalokitavrata) soạn Bát-nhã đăng luận chú để hoằng dương thuyết của thầy mình. Truyền thuyết về Tam tạng Địa-bà-ha-la (地婆訶羅) đời Đường cho rằng đương thời chùa Na-lan-đà có luận sư Trí Quang, bảm thừa giáo thuyết của Đề-bà, Thanh Biện, dựa vào kinh Bát-nhã và Trung luận, xướng

lập ‘Tâm cảnh câu hữu’ qua tam thời giáo, để đối kháng với thuyết của ngài Giới Hiền, một vị luận sư nổi tiếng đương thời. Theo đây thì Trí Quang cũng là một vị luận sư quan trọng của phái này.

Cả Phật Hộ và Thanh Biện đều phát triển lập trường tương ứng của mình bằng cách trứ tác các luận giải về Trung quán luận tụng (中觀論頌, Mādhyamika Śāstra); các bộ luận này đều không còn nguyên bản tiếng Sanskrit, chỉ còn bản tiếng Tây Tạng. Thanh Biện hiển nhiên là một học giả trác việt; vì tác phẩm Tư trạch minh luận (思擇明論, Tarkajvāla) của ông là một trình bày toàn diện quan điểm của phái Số luận (Sāṃkhya), Thắng luận (Vaiśeṣika) và Phệ-đàn-đa (Vedānta), thường có những trích dẫn nguyên bản. Trong Nhiếp Trung quán nghĩa luận (攝中觀義論, Mādhyamārtha-saṃgraha), Thanh Biện chấp nhận cái ‘tuyệt đối’ của Tiểu thừa và hệ thống triết học ngoại đạo, xem đó là trạng thái của Di danh chân đế (Paryā paramārtha). Điều này đã khiến ông trở thành một học giả Trung quán tông có tư tưởng tự do, không giống như Nguyệt Xứng luôn gìn giữ tự gia tông phong. Bên cạnh những luận giải này và Bát-nhã đăng luận (般若燈論, Prajñā pradīpa), chú thích về Trung quán luận tụng, Thanh Biện đã trứ tác một chuyên luận độc lập, đó là Nhập trung luận đăng luận (入中論燈論, Madhyamakāvātāra-Pradīpa) và một chuyên luận khác là Trung quán nhân duyên luận (中觀緣起論, Mādhyamika Pratītya Samutpāda).

Bắt đầu từ thế kỷ thứ 7, thứ 8, hai phái Trung quán và phái Du-già dần dần có khuynh hướng dung nhiếp lẫn nhau, rồi hình thành phái Trung quán Du-già, do đó sự đối lập của phái Cự duyên và phái Y tự khởi, theo tình hình diễn tiến của mỗi phái, cũng tự nhiên tan hòa vào giữa ngọn triều giao lưu của hai đại phái là Trung quán và Du già.

Các tác phẩm của Thanh Biện có thể kể ra:

1. Đại thừa chương trần luận (Mahāyānatālaratnaśāstra), Huyền Trang dịch;

2. Bát-nhã đấng luận thích (Prajñāpradīpa/ Prajñāpradīpa-mūlamadhyamakavṛtti), Ba-la-phả Mật-đa dịch;
3. Trung quán tâm luận tụng (Madhyamakahrdayakārikā), Tạng ngữ;
4. Trung quán tâm quang minh biện luận (Madhyamakahrdayavṛttitarkajvālā), chú giải Trung quán tâm luận tụng (Madhyamaka hrdayakārikā), Tạng ngữ;
5. Trung quán nhân duyên luận (Madhyamikapratītyasamutpāda-sāstra), Tạng ngữ;
6. Nhập trung luận đấng luận (Madhyamakāvātārapradīpa), Tạng ngữ;
7. Nhiếp trung quán nghĩa luận (Madhyamārtha-saṃgraha), còn bản Tạng ngữ và Phạn ngữ;
8. Dị bộ tông tinh thích (Nikāyabheda-vibhaṅgavyākhyāna), chỉ còn lưu lại trong Tạng ngữ, nói về các tông phái Phật giáo sau khi Phật diệt độ đến thời Thanh Biện, rất giống Dị bộ tông luân luận (Samayabhedavyūhacakraśāstra) của Thế Hữu (vasumitra).

Mở đầu Chương tranh luận, Thanh Biện đề xuất hai luận thức về pháp hữu vi và pháp vô vi:

*Chân tánh hữu vi không (tông),*

*Vì duyên sinh (nhân), như huyễn (dụ).*

*Vô vi không có thật (tông),*

*Chẳng khởi (nhân), tợ không hoa (dụ).*

Đây gọi là Chương tranh tỷ lượng hay Thanh Biện tỷ lượng. Luận Nhân minh có Tông, Nhân và Dụ gọi là tam chi hay tam chi tác pháp. Một cái tác pháp hay một tỷ lượng có 3 phần là: Tông, Nhân và Dụ. Ba chi tỷ lượng của Nhân Minh có một nguyên tắc cơ bản là, người lập luận và người vấn nạn phải có một nhận thức

chung, tức hữu pháp (vật thể, chủ ngữ) và năng biệt (thuộc tánh, vị ngữ) phải cực thành (hai bên lập và địch cùng chấp nhận). Ví dụ lập luận thức: Âm thanh là vô thường (Tông), vì có đặc tánh được tạo ra (Nhân), như cái bình (Dụ). Trong luận thức này, âm thanh là hữu pháp, vô thường là năng biệt, chúng phải được hai bên cùng hiểu rõ, mới có thể dùng điều kiện hai bên cùng chấp nhận mà thành lập tự Tông hai bên không chấp nhận.

Thanh Biện cố gắng chứng minh luận điểm rằng, tất cả pháp hữu vi đều trống rỗng và tất cả pháp vô vi đều không thực, ngang qua luận chứng về tánh Không của ông trong Chương trần luận. Vì ông chỉ nhằm mục đích chứng minh sự thiếu hữu tánh trong mọi vật trên mặt thẳng nghĩa, chứ không phủ nhận hữu tánh của chúng đã được khẳng định theo quy ước thông thường. Cả hai luận điểm được chỉ rõ bởi bổ ngữ “*về mặt bản tánh chân thật*”. Các nhân để chứng minh những luận điểm này được cả hai bên tranh luận công nhận: (1) Nhân phải là thuộc tính của tông ‘hữu pháp’, tức là ‘các pháp hữu vi’ có thuộc tính là ‘sinh ra từ các duyên’, và ‘các pháp vô vi’ có thuộc tính là ‘không phát sinh’; (2) Nhân phải có mặt trong những gì đồng phẩm tánh với tông (: đồng phẩm), tức là ‘sinh ra từ các duyên’ đồng phẩm với ‘trống rỗng’, và ‘không phát sinh’ đồng phẩm với ‘không thực’ theo thẳng nghĩa; (3) Nhân phải vắng mặt hoàn toàn trong tất cả những thứ khác phẩm tính với tôn (: dị phẩm), tức là dị pháp dụ như: ‘không trống rỗng’ với ‘không phát sinh’ hoặc ‘thực’ với ‘phát sinh’ đều không có trong cả hai suy luận. Liên quan đến các thí dụ khẳng định, ‘huyễn ảo’ thường được gọi là ‘sinh ra từ các duyên’ và trống rỗng của một hữu pháp, và ‘hoa đóm giữa trời’ như là ‘không phát sinh’ và hoàn toàn không tồn tại. Vì các nhân và các dụ đã được thiết lập rõ ràng, Thanh Biện cân nhắc cả hai tỷ lượng, và do đó, bằng chứng về tánh Không đã được thiết lập.

Thanh Biện định nghĩa thế tục đế là thực tại của kinh nghiệm thế gian, bao gồm cả ngôn ngữ, dành cho những chúng sinh chưa giác ngộ, mặc dù thực tại như

vậy bắt nguồn từ những chấp trước của họ sinh ra từ vô minh. Dựa trên lý thuyết cho rằng kinh nghiệm thế gian là kết quả của việc kích hoạt các bản chất nội tại, Thanh Biện chấp nhận rằng mọi thứ có tự tánh ở cấp độ thực tại này. Hơn nữa, sự hiểu biết của Thanh Biện về thắng nghĩa để chứa đựng ba ý nghĩa: 1) từ góc độ bản thể học, thắng nghĩa là đối cảnh được hiểu là thật tánh của sự vật; 2) từ góc độ nhận thức luận, thắng nghĩa để là trí vô phân biệt, chỉ cho cách các hành giả Phật giáo nhìn nhận thực tại; 3) những giáo lý phù hợp với ‘sự không sinh khởi’ là thắng nghĩa. Theo định nghĩa thứ nhất và thứ hai, thực tại thì siêu việt kinh nghiệm thế gian và ngôn ngữ, do đó, các pháp không có tự tánh. Thanh Biện phát triển một khái niệm thứ ba, thực tại tối hậu thứ cấp, tạo ra một trục quan trọng giữa hai thực tại này. Thực tại tối hậu thứ cấp trở thành một đặc điểm quan trọng trong lý thuyết giải thoát của ông.

Theo Thanh Biện, thực tại tối hậu thứ cấp đóng vai trò như một trục xoay để chuyển nhận thức của một người từ thực tại thông thường sang thực tại tối hậu. Long Thọ trong Trung quán luận, dựa trên kinh Đại Bát-nhã, chỉ ra rằng người ta phải dựa vào thực tại thông thường để nhận ra thực tại tối hậu. Dựa trên quan niệm này, việc giải thích hai thực tại là một đặc điểm xác định trên tất cả các lý thuyết giải thoát của Trung quán. Long Thọ có xu hướng hiểu thực tại thông thường từ quan điểm xuất thế, nó chỉ có nghĩa là 'quy ước', và do đó, trong hệ thống hai thực tại của ông, lý duyên khởi là thực tại quy ước, và Không là thực tại tối hậu. Theo hệ thống này, mệnh đề “*dựa vào thực tại thông thường để đạt được thực tại cuối cùng*” có nghĩa là chừng nào người ta còn nhận ra thực tại thông thường một cách đầy đủ, thì người ta cũng có thể nhận ra thực tại tối hậu, bởi vì thực tại thông thường và thực tại cuối cùng là không thể phân biệt được.

Trái ngược với Long Thọ, Thanh Biện coi thực tại thông thường là một ảo tưởng từ nhận thức dựa trên ý nghĩa của thế tục. Ảo tưởng ấy là sự si mê của chúng sinh, bởi vì sự thật của các pháp hoàn toàn bị che phủ bởi vô minh. Việc áp dụng

sự hiểu biết về thực tại thông thường này vào sự giải thoát sẽ dẫn đến một xung đột lý luận, vì người ta không thể dựa vào ảo tưởng để đạt được sự giác ngộ. Ứng dụng nhận thức luận cho cả hai thực tại khiến chúng trở thành hai cảnh giới riêng biệt và để lại một khoảng trống. Thực tại tối hậu là trí vô phân biệt và là cảnh giới giác ngộ nơi những bậc giác ngộ an trú. Ngược lại, thực tế thông thường là ảo tưởng của người thường và là thế giới chung mà chúng ta đang sống. Cần phải có thứ gì đó để kết nối hai thế giới này. Nếu không, lý thuyết giải thoát của Trung quán sẽ không được thành lập. Đối với Thanh Biện, thực tại tối hậu thứ cấp đóng vai trò cầu nối để nối khoảng cách giữa hai thực tại, và để thiết lập lý thuyết giải thoát của Trung quán. Thực tại tối hậu thứ cấp bao gồm những giáo lý phù hợp với thực tại tối hậu và ba loại trí tuệ: tuệ hành (śrutamayī), tư tuệ (cintāmayī) và tu sở thành tuệ (bhāvanāmayī), để kết nối hai thực tại.

Dựa trên tuyên bố của luận bản này, Thanh Biện phân chủ đề thành hai phần chính: pháp hữu vi và pháp vô vi. Trong hai phần này, Thanh Biện đưa ra giải thích của mình theo triết học Trung quán để phê phán các trường phái Phật giáo khác như Nhất thiết hữu bộ, Kinh lượng bộ và Du-già hành, và các ngoại giáo bao gồm Số luận, Thắng luận, Chánh lý cùng những trường phái khác. Ông cũng đưa ra tiểu kết ở cuối mỗi phần, và một tổng kết ở cuối luận bản.

Trước hết, Thanh Biện đưa ra một định nghĩa ngắn gọn về hai thực tại, trong đó chứng minh rõ ràng rằng lập luận về tánh Không là từ thắng nghĩa để chứ không phải thế tục đế: *“Chân nghĩa của tự thể gọi là ‘chân tánh’, nói cách khác, đó là thắng nghĩa đế. Theo thắng nghĩa đế, hữu vi được thiết lập như là tánh Không, chẳng phải là thế tục đế.”* Sau đó, Thanh Biện định nghĩa thế tục đế: *“Những gì hiện hữu mà người thế gian công nhận, tôi cũng chấp nhận là thế tục hữu. Nhân tố và duyên tố sinh khởi thế gian hiện lượng, cũng được công nhận là hiện hữu.”*

Xét trên thắng nghĩa đế, các pháp hữu vi đều là Không, không thực hữu, bởi vì chúng được sinh ra từ các duyên, giống như sự vật được sinh ra từ ảo thuật.



Cũng trên mặt thẳng nghĩa, các pháp vô vi như hư không, Niết-bàn, v.v. đều không tồn tại, vì chúng là vô sinh, giống như hoa đốm giữa hư không.

Luận chứng này chủ yếu là để thuyết phục các hành giả tiểu thừa quay về chân nghĩa của Không. Có những tranh luận và xoa dịu những tranh cãi đã xảy ra với lập luận của Thanh Biện. Ông không phủ nhận giá trị của kinh nghiệm, nhưng phản đối việc coi kinh nghiệm thế gian như một thực tại tối hậu. Vì vậy, luận chứng này không bị bác bỏ bởi những gì thấy nghe hay biết, bởi vì kinh nghiệm thu được từ sự thấy nghe hay biết chỉ giới hạn ở hiện tượng huyễn ảo. Ông cũng nhấn mạnh rằng đề xuất của mình không vi phạm chánh giáo và nhận thức thông thường.

Có lẽ một số người sẽ đặt câu hỏi: Theo như tư tưởng của Không tông, không có chủ thể nào không bị phủ định cả, bởi vì Không tông không chấp nhận có bất kỳ thực thể nào. Loại câu hỏi này là vô nghĩa, bởi vì không cần phải một chấp nhận một pháp nào đó là thực hữu thì sau đó ta mới phủ nhận nó được, mà chỉ cần chấp nhận nó thực hữu theo cách nói thông thường là đủ. Những người chủ trương Thực tại luận có thể đề xuất một luận chứng trái ngược rằng: tất cả những gì phát sinh tác dụng, chẳng hạn như giác quan, thì đều là thực hữu (không phải phi thực hữu theo kiểu lông rùa, sừng thỏ hay đứa con của thạch nữ). Rõ ràng, đây là quan điểm sai lầm, bởi vì ngay cả những sự vật ảo thuật vẫn có thể phát sinh tác dụng như thường. Sự phản bác này cũng không hợp lý.

Một luận điểm phản bác khác cho rằng, tự thân mệnh đề ‘tất cả đều Không’ cũng là Không, bởi vì luận chứng này cũng phải tùy thuộc vào bản chất của các pháp là ‘sinh ra từ các duyên’. Sự lên án này sẽ không ảnh hưởng đến lập trường của Không tông, mà ngược lại sẽ giúp chúng ta nắm bắt được khái niệm về tánh Không và ứng dụng quy luật phổ quát, ‘tất cả pháp đều trống rỗng’. Thanh Biện còn đi xa hơn trong việc minh định lập trường của mình khi phát biểu rằng, tánh Không không có nghĩa là khẳng định vạn pháp không tồn tại, mà chỉ muốn phủ

nhận quan điểm cực đoan khẳng định vạn pháp tồn tại theo kiểu giáo điều. Thanh Biện cũng phân biệt lập trường của mình đối với Duy thức tông, và đã đúng khi chỉ ra rằng, tánh Không không làm vô hiệu hóa sự vật hay hủy diệt sự vật, mà chỉ hiển bày bản chất chân thật của các pháp là vô tự tánh. Điểm này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Long Thọ.

Quyển thượng là sự thảo luận về ‘tánh Không của các pháp hữu vi’, có thể được chia thành hai phần.

Phần đầu tiên là các cuộc tranh luận giữa Thanh Biện và những người tin vào lý thuyết ‘tự tánh của các pháp’ trong cả Phật giáo và các tôn giáo khác của Ấn Độ, cũng như là những phản bác của Thanh Biện đối với những phê bình về tánh Không trong triết học Trung quán. Những cuộc tranh luận đó có thể được phân loại thành bốn phần để chứng minh: 1) Những phản bác của Thanh Biện đối với những chỉ trích về việc bác bỏ thế tục đế; 2) Sự xung đột giữa tự tánh và lý duyên khởi (pratīyasamutpāda); 3) Lý thuyết về tự tánh; 4) Chức năng của ngôn ngữ và tự tánh.

Phần thứ hai là những phê bình của Thanh Biện về tánh y tha khởi (paratantra) như nó được dạy trong phái Du-già hành. Các bài phê bình có thể được tách thành hai phần chi tiết: (1) Thanh Biện tiếp nhận lý thuyết về y tha khởi với hệ thống độc đáo của ông là ‘chân không và tục hữu’, và cho rằng tánh y tha khởi có thể được chấp nhận theo quy ước chứ không phải là tuyệt đối. (2) Sau khi chấp nhận tánh y tha khởi từ quan điểm thế tục, Thanh Biện tiếp tục diễn giải lại tánh y tha khởi theo sự hiểu biết của riêng mình. Có nghĩa là, mặc dù ông chấp nhận tánh y tha khởi chỉ thuộc thế tục, ông ấy không chấp nhận lý thuyết Duy thức của Du-già hành chỉ thuộc thế tục.

Quyển hạ là các cuộc thảo luận xung quanh tánh Không của các pháp vô vi, trí tuệ có được từ sự quán chiếu (cintāmayī), trí tuệ có được từ thiền định (bhāvanāmayī), và cuối cùng là trí vô phân biệt (nirvikalpajñāna).

Đầu tiên, về khái niệm các pháp vô vi, Thanh Biện phân loại nó thành hai loại: pháp vô vi theo Phật giáo và các pháp vô vi trong các tôn giáo khác. Theo Phật giáo, các phê bình của Thanh Biện tập trung vào ba pháp vô vi của Nhất thiết hữu bộ và tánh viên thành thật (pariniṣpanna) của Du-già hành. Sau khi chỉ trích các trường phái Phật giáo, Thanh Biện tiếp tục mở rộng các bài phê bình của mình về các pháp vô vi của các trường phái phi Phật giáo như Số luận, Thắng luận và Kỳ-na giáo.

Sau cuộc thảo luận về trí tuệ có được từ nghe pháp (śrutamayī prajñā), Thanh Biện cung cấp những giải thích ngắn gọn hơn về hai trí tuệ khác và trí vô phân biệt. Đối với trí tuệ có được từ tư duy (cintāmayī prajñā), Thanh Biện nhấn mạnh vào tầm suất trau dồi khái niệm về tánh Không có được từ văn tuệ. Đối với trí tuệ có được từ thiền định (bhāvanāmayī prajñā), thiền định về tánh Không là trọng tâm chính. Cuối cùng, Thanh Biện nêu rõ trí vô phân biệt và phê bình khái niệm chân như (bhūtatathatā) trong trường phái Du-già hành. Trên cơ sở của một quá trình tự luận như vậy, Chương tranh luận của Thanh Biện ủng hộ tầm quan trọng của trí tuệ có được từ nghe pháp, mà cần đạt được ngang qua lý luận logic, bằng cách sử dụng các luận chứng của nó.

Đại thừa Chương tranh luận được Huyền Trang dịch sang tiếng Hán trong thế kỷ thứ 7. Bản Phạn luận này đã bị mất và không có bản dịch tiếng Tây Tạng nào được tìm thấy.

Một bản dịch tiếng Pháp từ bản Hán của học giả Louis de La Vallée Poussin: “Madhyamaka, II. L’auteur du Joyan dans la main. III.” *Mulanges Chinois et Bouddhiques (Bruxelles) 2 (1932-33)*, trang 60~138.

Một phần luận này được dịch sang tiếng Anh bởi Sastri, N. Aiyaswami, “*Karatalaratna, or The Jewel in the Hand, A Logico-Philosophical Treatise of the Madhyamaka School by Acārya Bhāvaviveka*”; và một ấn bản tiếng Phạn được tái

tạo lại từ bản Hán bởi N. *Aiyaswami Sastri*: Karatalaratna (Santiniketan: Visva-Bharati, 1949), trang 33~104.

Một phần luận này cũng được dịch sang tiếng Anh bởi Fong, Lai Yan (CBETA, T30, no. 1578, 269a13-273a5), trong luận án tiến sĩ: *The Proof of Emptiness – Bhāvaviveka’s Jewel in the Hand*.

Có thể tìm thấy bản dịch tiếng Anh luận này trong luận án tiến sĩ của Hsu, C. Y. (2013): *Bhāviveka’s Jewel in the Hand Treatise: Elucidating a Path to Awakening Utilizing Formal Inference*; University of Calgary, Calgary, Alberta, Canada.

Phật giáo nhấn mạnh vào sự thực hành hơn là suy luận logic. Mặc dù suy luận logic trên thực tế đã được đề cập và thảo luận rất sớm trong Phật giáo, câu hỏi về sự liên quan giữa suy luận logic và con đường dẫn đến giác ngộ vẫn bỏ ngỏ. Do đó, một số học giả cổ đại đã chỉ trích lôgic học chỉ đơn thuần là một phương pháp luận để tranh luận mà không có bất kỳ liên quan nào cho sự giải thoát của một người. Trên thực tế, rất ít văn bản Phật giáo thảo luận về mối quan hệ giữa logic và con đường dẫn đến giải thoát. Thanh Biện là một học giả có cái nhìn sâu sắc về mối quan hệ như vậy. Đối với ông, logic không chỉ là một phương pháp luận để tranh luận, mà còn là một bước đầu tiên hướng tới sự giải thoát. Dựa trên cách giải thích độc đáo về hai thực tại, Thanh Biện đã xây dựng một quá trình chuyển tiếp đến sự giải thoát thông qua việc thiết lập các tỷ lượng trong tác phẩm Đại thừa Chương trần luận.

Luận Đại thừa Chương trần

Thiết lập hai tỷ lượng

Về hữu vi, vô vi

Qua ba chi tác pháp

Bác bỏ các nghĩa khác

Của bộ phái, ngoại đạo  
Bằng quy mâu biện chứng  
Từ tư tưởng Trung quán  
Lập thực tại thường nghiệm  
Mở ra đường giải thoát.  
Nay con được dịch chú  
Mong đáp đền bốn ơn  
Xin nguyện cho những ai  
Có duyên đọc luận này  
Thì biết đạo chân thật  
Của đức Bà-già-bà  
Có được những thắng giải  
Sanh đức tin trong sáng.  
Nguyện đem công đức này  
Hương về khắp tất cả  
Đệ tử và chúng sinh  
Đều trọn thành Phật đạo.

San Francisco, ngày 4 tháng 7 năm 2021

Phật tử **Quảng Minh** kính bút

# LUẬN ĐẠI THỪA CHƯƠNG TRÂN

## QUYÊN THƯỢNG

Bồ-tát Thanh Biện tạo.

Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang phụng chiếu dịch.

Việt dịch: Quảng Minh.

### I. Giới thiệu

#### 1. Lý do tạo luận

##### 1.1 Vì lợi ích tất cả chúng sinh

[268a29] Để làm lợi ích cho khắp cả hữu tình, hành giả phải phát đại nguyện Vô thượng Bồ-đề. Nhìn khắp thế gian, tôi thấy đủ loại tầm tứ không đúng, là do bị quấy động bởi loạn tâm tương tục, bị vây mắc bởi màng lưới tà kiến, bị bao trùm bởi cũi lồng sinh tử và bị bắn trúng bởi tên độc vô lượng ưu khổ. Vì thế, những hành nghiệp mà chúng sinh tạo tác đều tách rời trí tuệ sáng suốt.

[268b04] Trong khi nương tựa nguyên lý ‘thắng nghĩa đế’ - sự an lạc, tịch tĩnh, dứt mọi hý luận<sup>5</sup>, giống như bầu trời trong sáng - tôi luôn canh cánh bi nguyện trong lòng, không nỡ thấy chúng sinh tích tụ mọi khổ đau.

[268b05] Vì muốn giải thoát sự ràng buộc chắc chắn của phiền não trong dòng tương tục mình người, vì để an trú trong ý lạc tăng thượng mà kiên cố hơn

---

<sup>5</sup> Hý luận, tức là những khái niệm nhị biên. Hý luận là ngôn ngữ của tư tưởng, là tư tưởng được diễn dịch, đối chiếu bằng tứ cú: có – không – cũng có cũng không – không phải có không phải không (hoặc: một – khác – cũng một cũng khác – không phải một không phải khác). Từ căn bản tứ cú này mà cứ diễn dịch đối chiếu thêm mãi, nên có từ ngữ “tứ cú bách phi”. Tư tưởng như vậy và ngôn ngữ diễn đạt tư tưởng như vậy gọi là hý luận. Trí tuệ thuộc lãnh vực này gọi là trí tứ cú, gọi là phân biệt, là tà kiến, không thể gọi là trí tuệ. Không hý luận thì đặc như thật trí, cái trí không có tác ý, tầm tư và thọ tưởng.

kim cương, không thể lay chuyển và hủy hoại, tôi thệ nguyện ở lại trong biển cả sinh tử vô biên. Không sợ hãi khi phải nhận chịu vô lượng khổ đau và tai họa, tôi phát khởi sự tinh tiến bất hoại, giống như một viên kim cương.

## 1.2 Trí tuệ có được từ sự nghe

[268b09] Để đạt được sự tỉnh thức, hành giả nên quán xét như vậy, “Tôi phải chứng được trí vô phân biệt xuất thế, mới có thể biết chính xác về sự sai biệt của tụ căn<sup>6</sup>, thắng giải, giới, hành của tất cả hữu tình, mà trước kia tôi chưa hiểu; mới có thể phá tan màng lưới phiền não có tập khí hay không tập khí mà dấy khởi trong dòng tương tục mình người, làm gốc rễ cho mọi khổ đau. Cũng có thể vì người khác mà phát thệ nguyện chân chánh, và kiên cố thọ trì giới hạnh của đại sĩ<sup>7</sup>. Nhưng muốn chứng được trí vô phân biệt xuất thế, phải tích tập khả năng phá hủy màng mắt ‘tất cả tà kiến’ bằng thuốc An-thiền-na<sup>8</sup> ‘cái nhìn không sai lệch về Không’. Để tích tập thuốc An-thiền-na ‘cái nhìn không sai lệch về Không’, phải dựa vào ‘trí tuệ có được từ sự nghe’<sup>9</sup>, thì có thể loại bỏ tụ tánh của mọi đối tượng nhận thức.”

---

<sup>6</sup> Tụ căn 聚根: Sáu căn tụ tập.

<sup>7</sup> Giới hạnh của Bồ-tát. Hành giả Bồ-tát phải tích cực thực hành Bồ-tát hạnh, nghĩa là mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi ý niệm đều hướng về chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh.

<sup>8</sup> An-thiền-na 安膳那: Phạm: Añjana. Còn gọi là An-thiền-na, An-xà-na. Một thuyết cho là tên thuốc mắt, màu đen. Thuyết khác lại cho là một loại thực vật, lá nó có thể hòa với thuốc mắt mà dùng. Cứ theo nói, dùng nó thoa lên mí mắt, mắt sẽ trở nên đen, người khác không có cách nào nhận ra được. Ngày nay, người Ấn Độ thường dùng thuốc ấy thoa lên mí mắt của trẻ con, vì họ tin nó có hiệu lực làm cho mắt khỏe, đồng thời, cho rằng mắt đen sẽ khiến người ta yêu thích. Ngoài ra, rừng An thiền ở vùng phụ cận thành Sa-chi-đa thuộc trung Ấn Độ, là nơi ngày xưa Đức Phật đã nói pháp, vì nơi này có nhiều cây An-thiền-na (An-thiền-na) xanh tốt mà được đặt tên như thế. [X. kinh Đại Bát Niết Bàn (bản Bắc) Q.38; kinh Đại Nhật Q.3; Du Già Sư Địa Luận Lược Toàn Q.15; Tuệ Uyển Âm Nghĩa Q.hạ].

<sup>9</sup> Văn tuệ 聞慧: Tiếng Phạn là Śrutamayī prajñā, nghĩa là trí tuệ phát sinh do nghe chánh pháp được nói ra từ Đức Phật hay từ các bậc Thánh trí. Các vị Thánh đệ tử do nghe Đức Thế Tôn giảng dạy về Tứ thánh đế, liền hiểu rõ về sự thật đối với Khô, Tập, Diệt, Đạo, khiến cho tuệ giải thoát phát sinh, các lậu hoặc đều bị rơi rụng, nên gọi là văn tuệ.

[268b16] Do đó, có người nương vào văn nghĩa rộng mở, dùng phương pháp quyết trạch chính xác, đã thể nhập pháp tánh<sup>10</sup>, lại còn nỗ lực tu thắng tiến gia hành; lại có người tâm sinh biếng nhác đối với công việc rất nhọc nhằn là quyết trạch khối lượng văn nghĩa rộng mở ở hiện tại; hoặc có người tuy chưa thể nhập pháp tánh nhưng là bậc lợi căn; vì muốn cho họ dễ chứng đắc chân không, mau thể nhập pháp tánh, nên tôi biên soạn khái lược Luận Chương Trân này.

[268b21] *Chân tánh hữu vi không,  
Vi duyên sinh, như huyễn.  
Vô vi không có thật,  
Chẳng khởi, tợ không hoa.*<sup>11</sup>

[268b23] Có nhiều [định nghĩa về] tánh biến kế sở chấp liên quan đến sự kế đặc và phân biệt trong tự tông và tha tông<sup>12</sup>, nhưng sơ lược có hai cảnh sở tri: 1. Hữu vi; 2. Vô vi. Những kẻ phàm ngu làm tăng thêm đủ loại mạng lưới tà kiến, bởi vì họ không biết rõ một cách chính xác về lý thắng nghĩa đế, về tánh không điên đảo của hữu vi và vô vi, và họ vọng chấp về tự tánh và sai biệt của các pháp.

[268b27] Ví dụ có một họa sĩ vô trí ở đời, vẽ hình quý Dạ-xoa rất đáng sợ, hoặc vẽ hình một phụ nữ [quyến rũ]. Bởi vì mắt có vấn đề hay tâm ý rối loạn,

---

<sup>10</sup> Nhập pháp tánh 入法性: Đi vào tự tánh của các pháp, nhận ra bản chất của các pháp.

<sup>11</sup> Lập trường của Thanh Biện: y thể tục đế (samvṛti-satya) tất cả đều có. Y thắng nghĩa đế (paramārthasatya) tất cả đều không. Các nhà Duy thức dẫn bài tụng của Thanh Biện trong Chương Trân Luận: 眞性有爲空/ 如幻緣生故/ 無爲無有實/ 不起似空華. (Chân tánh, hữu vi không/ Như huyễn duyên sinh cố/ Vô vi vô hữu thật/ Bất khởi tợ không hoa.), và chỉ trích những sai lầm luận lý (tợ tỷ lượng) trong bài tụng này. Kinh Lăng Nghiêm, quyển 5 (T0n945, tr. 124c12): 眞性有爲空/ 緣生故如幻/ 無爲無起滅/ 不實如空花. (Chân tánh hữu vi không/ Duyên sinh cố như huyễn/ Vô vi vô khởi diệt/ Bất thật như không hoa.): Trên phương diện chân tánh, các pháp hữu vi là không. Vì duyên sinh, nên chúng như huyễn. Vì các pháp là vô vi, nên chẳng sinh chẳng diệt. Chúng chẳng có thực, như hoa đốm giữa hư không.

<sup>12</sup> Tự tông là luận điểm của mình, và tha tông là luận điểm của người.



người họa sĩ tưởng bức tranh là thật có. Vì chấp là thật có nên tự sinh khởi sợ hãi [quỷ Dạ-xoa], hoặc sinh khởi tham nhiễm [người nữ]. Đối với cảnh giới ấy có nhiều kế đặc, tăng thêm sự phân biệt và màng lưới các kiến. Một người biết rõ một cách chính xác về lý thắng nghĩa đế, về tánh không điên đảo của hữu vi và vô vi, thì người đó giống như một họa sĩ hữu trí ở đời, không dính mắc vào tự tánh chân thật của bức tranh, và do đó, người họa sĩ này khác hẳn với người họa sĩ nói trên. Cảnh giới sai biệt của hữu vi và vô vi qua màng lưới tà kiến, khiến người ta tự quán lấy mình, như con tằm nằm trong kén tự quán<sup>13</sup>. Bởi vì cảnh giới ấy chẳng thật có, nên có cái tuệ vô phân biệt thì được thú nhập<sup>14</sup> và các hành thành tựu.

## II. Sự trống rỗng của pháp hữu vi

### 1. Tông

[268c06] Để hiển bày ý nghĩa đó, trước hết biện luận về hữu vi. Vì người thế gian khởi nhiều thứ phân biệt đối với cảnh giới này, nên mệnh đề được phát biểu là: “*Chân tánh, hữu vi Không, Như huyễn vì duyên sinh.*”<sup>15</sup>

#### 1.1 Luận điểm

---

<sup>13</sup> Kinh Đại thừa Nhập Lăng-già, No. 672, quyển 4, tr. 611a29: “Phàm ngu không rõ được, Theo lời mà thủ nghĩa, Như tằm ở trong kén, Vọng tưởng tự buộc ràng.” (Thích Nữ Trí Hải dịch) Kinh Đại Bảo Tích, No. 310, tr. 482c09: “Các chúng sinh là kẻ theo phiền não hoặc hành, là kẻ nào hại người, là kẻ bị thai trứng vô minh bao gói, là kẻ như tằm nằm trong kén tự quán trối, là kẻ trong pháp giới không có phương tiện, là kẻ chẳng khéo quan sát chỗ nên làm, là kẻ chấp ngã kiến, là kẻ hành tà đạo, là kẻ an trụ độn hành, là kẻ khó xuất ly.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch) Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 2, tr. 373b05: “Ba cõi đều vô thường, Các hữu chẳng có vui, Có đạo bản tánh tướng, Tất cả đều rỗng không, Pháp dễ hoại lưu chuyển, Thường có những ưu hoạn. Kinh khiếp các tội lỗi, Già bệnh chết suy não, Là những cái không biên. Dễ hoại, oán lán lướt, Bị phiền não buộc ràng, Như tằm ở trong kén, Sao có người tuệ thông, Mà phải ưa chỗ đó?”

<sup>14</sup> Thú nhập 趣入: Được cái lực tịnh tín tăng thượng.

<sup>15</sup> Trong thực tế, những thứ có điều kiện (hữu vi) là trống rỗng, như ảo ảnh, vì chúng được tạo ra bởi các điều kiện (duyên sinh).

### 1.1.1 Định nghĩa về thể tục đế

[268c08] Ở đây, những gì hiện hữu mà người thế gian công nhận, tôi cũng chấp nhận là thể tục hữu. Nhân tố và duyên tố sinh khởi thế gian hiện lượng<sup>16</sup>, cũng được công nhận là hiện hữu.<sup>17</sup> Các pháp hữu vi như mắt, v.v. thuộc thể tục đế, và những người chăn trâu, v.v. cũng đều nhận biết các pháp hữu vi như mắt, v.v. là thật hữu. Để tránh mâu thuẫn với lập trường của tự tông, chúng ta chấp nhận ‘hiện lượng’ mà mọi người công nhận, cho nên ‘chân tánh’ được sử dụng để hạn chế luận điểm.

### 1.4.1 Định nghĩa về thắng nghĩa đế

[268c12] Chân nghĩa của tự thể gọi là ‘chân tánh’, nói cách khác, đó là thắng nghĩa đế. Theo thắng nghĩa đế, hữu vi được thiết lập như là tánh Không, chẳng

---

<sup>16</sup> Có ba công cụ nhận thức: hiện lượng (pratyakṣapramāṇa), nhận thức bởi trực giác; tỷ lượng (anumāna), nhận thức bằng loại suy hay luận lý học; Thánh giáo lượng (āgama), nhận thức được truyền bởi Thánh giáo. Du-già sư địa luận, quyển 15, tr. 357a15~358c05: Hiện lượng, có 3: 1. Chẳng phải không hiện thấy; 2. Chẳng phải đã tư duy, nên tư duy; 3. Chẳng phải cảnh giới thác loạn. Tỷ lượng: Luôn có mặt tư trạch, là cảnh giới đã tư duy, nên tư duy. Thánh giáo lượng: Là ngôn giáo được thuyết từ bậc Nhất thiết trí, hoặc nghe từ bậc Nhất thiết trí, hoặc hành theo pháp của bậc Nhất thiết trí. Hiển dương Thánh giáo luận, tr. 532c13: “Hỏi: Hiện lượng như vậy gồm có những gì? Đáp: Lược nói có bốn thứ: 1. Sắc căn hiện lượng; 2. Ý thọ hiện lượng; 3. Thế gian hiện lượng; 4. Thanh tịnh hiện lượng. *Sắc căn hiện lượng*: Là sắc tướng và cảnh giới sở hành của năm căn, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng. *Ý thọ hiện lượng*: Là các cảnh giới sở hành của ý căn<sup>16</sup>, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng. *Thế gian hiện lượng*: Hai hiện lượng ở trên gọi chung là thế gian hiện lượng. *Thanh tịnh hiện lượng*: (1) Thế gian hiện lượng cũng được gọi là thanh tịnh hiện lượng. (2) Một khi có thanh tịnh hiện lượng thì chẳng có thế gian hiện lượng, nghĩa là trí xuất thế đối với cảnh sở hành: có biết là có, không có biết là không có, hữu thượng biết hữu thượng, vô thượng biết vô thượng; trí ấy không chung với [tri thức] thể tục nên gọi là thanh tịnh hiện lượng.” Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý, No. 1630, tr. 12b27: “Hiện lượng nghĩa là không phân biệt. Nếu có chánh trí đối với sự lý các pháp sắc, thanh v.v... có sự phân biệt không vương các tướng danh ngôn, chủng loại, hiện hiện sinh khởi riêng biệt. Đó gọi là hiện lượng.” (: không phân biệt là chỉ cho sự phân biệt không dính mắc một bộ phận, chứ không phải hoàn toàn không phân biệt như cây đá.) [Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý, H.T Thích Thiện Siêu dịch.]

<sup>17</sup> Sự hiện hữu của các yếu tố như 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới; đó là những nhân tố và duyên tố để tạo ra những trải nghiệm cảm xúc, tâm lý của chúng ta.

phải là thể tục đế.<sup>18</sup> Bất cứ thứ gì được kết hợp và hỗ trợ bởi các duyên và có sự tạo tác, thì gọi là hữu vi, đó là mười hai xứ, trừ một phần pháp xứ.<sup>19</sup> Hư không, trạch diệt, phi trạch diệt và chân như tánh [thuộc về vô vi].<sup>20</sup>

#### 1.4.2 Loại trừ hư vọng

[268c15] Ở đây, [điều kiện phân biệt] còn là để loại trừ pháp hữu vi được hiển hiện bởi hư vọng, như huyễn ảo, v.v.<sup>21</sup>, mà tha tông chấp nhận [là hư vọng]. Nếu các pháp hữu vi [như huyễn ảo, v.v.] được thiết lập như là Không, thì thiết lập xong trở thành lỗi<sup>22</sup>. Trong khi người ta coi hữu vi được biến kế sở chấp là tự tánh

---

<sup>18</sup> Thắng nghĩa đế (paramārtha-satya), cũng gọi là đệ nhất nghĩa đế hay chân đế; chân lý thuộc phạm trù siêu nghiệm, tuyệt đối; tức chân lý tuyệt đối. 2. Thế tục đế (samvṛti-satya), chân lý theo quy ước hay tập quán; chân lý tương đối. Trong Bát-nhã Đăng Luận Thích, Thanh Biện đã nói: “Thế đế là ngôn thuyết thế gian, như nói ‘sắc, v.v... có tướng khởi, trú và diệt’, như nói ‘Đề-bà-đạt-đa đi đến’, ‘Tỳ-sư-nô-mật-đa-la ăn uống’, ‘Tu-ma-đạt-đa tọa thiền’, ‘Phạm-ma-đạt-đa giải thoát’. Đại loại như vậy là ngôn thuyết thế gian, gọi là thế đế. Những gì không thể diễn tả gọi là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là gì? Đó là ‘đệ nhất’ mà có ‘nghĩa’, gọi là đệ nhất nghĩa.<sup>18</sup> Lại là nghĩa chân thật của trí Vô phân biệt tối thượng, gọi là đệ nhất nghĩa. Chân thật: là không có đặc tánh của tha duyên, v.v... Trí Vô phân biệt trú ‘chân thật’ nơi cảnh giới sở duyên, gọi là đệ nhất nghĩa. Những tướng khởi, trú, diệt bị bác bỏ; tùy thuận sở thuyết về sự vô khởi, vô trú, vô diệt, và ba tuệ văn, tư, tu, đều là đệ nhất nghĩa. Vì sao tuệ là đệ nhất nghĩa? Vì tuệ có thể làm nhân duyên đệ nhất cho sự ngăn trừ [điên đảo], tạo tác phương tiện cho sự bất điên đảo, cho nên tuệ còn được gọi là đệ nhất nghĩa.” (tr. 125a05)

<sup>19</sup> Năm căn, năm cảnh và một phần pháp xứ, đều là sắc uẩn, nhưng chỉ có một xứ được gọi là sắc xứ; và tự thể của mười hai pháp đều là Pháp, nhưng một xứ đặc biệt được gọi là pháp xứ.

<sup>20</sup> Về các vô vi, theo Ngũ uẩn luận, có bốn: hư không vô vi, trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi, chân như vô vi. Theo các luận Bách pháp, Du-già, thêm bất động vô vi, tướng thọ diệt vô vi, thành sáu.

<sup>21</sup> Các pháp là như huyễn ảo, chiêm bao, sóng nắng, ảnh tượng, bóng sáng, tiếng dội, bóng trăng trong nước, thành Tâm hương, biến hóa. Huyền ảo là như không gian nổi lên hoa đóm, do con mắt bị bệnh màng mắt mà thấy có hoa đóm. Chiêm bao là cảnh khi mơ ngủ. Sóng nắng là những đợt sóng do hơi nắng bốc lên, làm cho con nai phát sinh ảo tưởng là nước. Ảnh tượng là hình ảnh trong gương. Bóng sáng là do ánh sáng mà tạo ra những bóng ảnh in trên vách, trên đất. Tiếng dội là tiếng dội lại y hết tiếng kêu trong hang núi. Bóng trăng trong nước là khi nước trong và lặng thì thấy được bóng trăng. Tâm hương thành: thành Càn-thát-bà; thần Càn-thát-bà thường dùng ảo thuật mà tạo ra những cảnh thành đô, nhưng những thành ấy trong phút chốc thì tiêu diệt. Biến hóa là nhà ảo thuật làm ra trò ảo thuật mà người thích.

<sup>22</sup> Luận điểm sẽ phạm lỗi về những gì đã chấp nhận. Nhân minh học Phật giáo phân biệt có tất cả 33 lỗi lầm logic, chia thành:

a) 9 lỗi của tôn (lập tôn cũng như nói lập thuyết vậy, và tôn thường được diễn đạt thành mệnh đề gồm có chủ ngữ logic và vị ngữ logic).

thật có của Thắng nghĩa đế, thì chúng được thiết lập [bởi chúng tôi] ở đây là Không. Thí dụ như nhãn xứ là một loại hữu vi, được lập luận rằng, tự tánh của nó là Không, đứng về mặt thắng nghĩa đế. Có sự sai biệt giữa Không và hư vọng hiển hiện mà vô tánh, đó gọi là lập ‘tông’.

## 1.5 Dụ

[268c20] Các huyễn sự khác nhau như nam, nữ, dê, nai, v.v. do các duyên khác nhau sinh ra, chúng không có tự thể mà biểu hiện như là thực hữu. Pháp năng lập và pháp sở lập<sup>23</sup> đều là thực hữu, bởi vì là đồng pháp dụ<sup>24</sup>, cho nên nói là như

---

b) 14 lỗi của nhân. Nhân là đạo lý được viện ra để chứng minh tôn hay là thuyết được lập ra là đúng đắn, không sai lầm.

c) 10 lỗi của dụ hay ví dụ được dùng để minh họa, khiến cho tôn và nhân thêm sức thuyết phục.

<sup>23</sup> Năng lập sở lập 能立所立: Cũng gọi Năng thành lập, sở thành lập. Tiếng dùng trong Nhân minh. Từ ngữ gọi chung Năng lập và Sở lập. Năng lập, tiếng Phạm là Sādhana; Sở lập, tiếng Phạm là Sādhyā. Theo luận thức Nhân minh, nghĩa lý được trình bày rõ trong luận thức, gọi là Sở lập, ngôn từ giải thích rõ nghĩa lý ấy thành lập luận thức, gọi là Năng lập. Bàn về Năng lập, Sở lập có nhiều thuyết khác nhau. Ngài Di Lặc và Vô Trước chủ trương thuyết Hai sở lập và Tám năng lập, còn ngài Thế thân thì chủ trương thuyết Ba năng lập. A. Hai sở lập: 1. Tự tánh: Có lập là có, không lập là không. 2. Sai biệt: Hữu thượng lập vô thượng, thường lập vô thường, hữu sắc lập vô sắc, hữu kiến lập vô kiến v.v... môn sai biệt nhiều vô lượng. B. Tám năng lập: 1. Lập tông (mệnh đề): Trọng điểm tranh luận giữa người lập luận và người vấn nạn, đứng về mặt nghĩa lý, người lập luận nêu rõ tông của mình, chẳng hạn khi tranh luận về âm thanh là thường hay vô thường, có thể lập Tông: Âm thanh là vô thường. 2. Biện nhân (lý do): Vì muốn thành tựu tông nghĩa của việc thành lập Tông nên phải biện minh lý do của nó. 3. Dẫn dụ (thí dụ): Để giúp cho tông nghĩa được thành tựu, người lập luận dẫn dụ các sự kiện mà từ trước đã được mọi người thừa nhận để minh chứng rằng lý do lập luận của mình là đúng đắn. 4. Đồng loại: Khi dẫn dụ, luận giả nêu lên các pháp đồng loại tương tự. 5. Dị loại: Khi dẫn dụ, luận giả nêu ra các pháp dị loại bất đồng. 6. Hiện lượng: Dùng ngũ quan nhận thức sự vật chung quanh, như mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi v.v... là biết ngay không cần suy nghĩ, là cái nhận biết bằng trực giác. 7. Tỷ lượng: Hiểu biết bằng suy xét, so sánh, tức là tầng trên của hiện lượng. Hiện lượng chỉ mới là cảm nhận thấy, nghe, chứ chưa phân biệt gì cả, còn tỷ lượng là tác dụng phân biệt, so sánh cái này, cái kia để tìm ra 1 sự thực. 8. Chánh giáo lượng: Viện dẫn những lời dạy của bậc Nhất thiết trí để chứng minh thêm cho lập luận của mình. Trong 8 năng lập nói trên, 5 hạng mục trước gọi là Ngũ chi tác pháp, hoặc Ngũ phần tác pháp (luận thức 5 phần: Tông, Nhân, Dụ, Hợp, Kết), còn 3 hạng mục sau gọi là Tam lượng. Ngoài ra, cũng có thuyết chủ trương Tứ năng lập, tức là: Lập tông, Biện nhân, Đồng loại (đồng dụ) và Dị loại (dị dụ) trong 8 năng lập kể trên. Còn Tam năng lập là 3 chi: Tông, Nhân, Dụ; đây cũng là pháp thức của các nhà Tân nhân minh như ngài Trần Na và ngài Thương yết la chủ v.v... Lại cũng có thuyết lấy Tông làm Sở lập; Nhân, Dụ làm Năng lập; lấy Tông làm Sở lập, Nhân làm Năng lập, Dụ là Trợ năng lập. [X. Nhân minh Chánh lý môn luận bản; luận Hiền dương thánh giáo Q.11; Nhân minh nhập chánh lý luận sơ Q.thượng phần đầu; Nhân minh luận sơ minh đăng sao Q.1 phần cuối].

huyền. Theo những gì chúng tương ứng, giả thuyết rằng pháp năng lập và pháp sở lập là giống nhau. Vì giả thuyết rằng, chúng thì giống nhau, nên thật khó để chấp nhận tất cả pháp đồng dụ ở trên là thực hữu. Như khi ví von ‘khuôn mặt cô gái đoan nghiêm như mặt trăng’, người ta không nên tranh luận rằng ‘những gì thuộc về mặt trăng cũng thuộc về khuôn mặt cô gái’.<sup>25</sup> Theo quy tắc kết thúc kệ tụng<sup>26</sup>, ‘đồng dụ’ được đưa ra. Thứ tự như vậy, là do nửa bài tụng ấy đã tóm tắt [mệnh đề], cho nên không có lỗi.

## 1.6 Nhân

[268c26] Hữu pháp của sở lập (: tông) đều ‘từ duyên sinh’. Để thiết lập ‘nhân’ này, tôi nói ‘duyên sinh’. Bởi vì các pháp đều được sinh khởi do nhân và duyên, nên nói là duyên sinh: nó có cái nghĩa ‘được sinh khởi và biểu hiện do các

---

Sở lập pháp 所立法 (sādhya-dharma) có nghĩa là cái được thành lập. Ở đây, nó đề cập đến luận điểm, "tất cả pháp hữu vi đều không có tự tánh." Năng lập pháp 能立法 (sādhanadharma) có nghĩa là những gì có thể chứng minh. Nó đề cập đến lý luận, "được tạo ra bởi quan hệ nhân quả" trong mệnh đề. Chỉ một lý do xác đáng mới có thể chứng minh luận điểm hợp lệ trong logic học Phật giáo.

<sup>24</sup> Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý 因明入正理論, No. 1630, tr. 11b13: “Dụ có hai thứ: 1. Đồng pháp. 2. Dị pháp. Đồng pháp là nếu ở nơi những thứ đó rõ ràng có phẩm tánh đồng với nhân, thì quyết định có phẩm tánh đồng với tôn, nghĩa là nếu ở thứ gì có tánh cách bị làm ra (nhân) thì thấy nó là vô thường (tôn). Ví dụ như cái bình v.v... Dị pháp là nếu ở nơi những thứ đó tánh cách của tôn sở lập không có, thì tánh cách của nhân cũng hoàn toàn không có, nghĩa là, nếu thứ gì là thường (tôn), thì thấy nó không có tánh cách bị làm ra (nhân), ví dụ như hư không. Trong đây nói ‘thường’ là biểu thị ‘chẳng phải vô thường’ (chứ không phải thật có một thật thể thường riêng); nói ‘chẳng phải làm ra’ là biểu thị không bị làm ra, cũng như nói có chẳng phải có, gọi là phi hữu (chứ không phải có một thật thể phi hữu riêng).” (喻有二種。一者同法。二者異法。同法者若于是處顯因同品決定有性。謂若所作見彼無常。譬如瓶等。異法者若于是處說所立無。因遍非有。謂若是常見。非所作如虛空等。此中常言表非無常。非所作言表無所作。如有非有說名非有。) (H.T Thích Thiện Siêu dịch)

<sup>25</sup> Ẩn dụ ý niệm (conceptual metaphor): Là ẩn dụ dựa trên kinh nghiệm của con người đối với thế giới, trong đó một miền (thông thường là miền cụ thể) được áp dụng để hiểu một miền khác (thông thường là miền trừu tượng hơn), miền thứ nhất được gọi là miền nguồn (source domain) và miền sau gọi là miền đích (target domain). Trong trường hợp này, "khuôn mặt cô gái đoan nghiêm như mặt trăng": ‘khuôn mặt’ là miền đích, và ‘mặt trăng’ là miền nguồn, được sử dụng để xây dựng khái niệm về khuôn mặt. Phần cần được làm nổi bật từ mặt trăng là ý nghĩa của vẻ đẹp, và phần không được bao gồm trong phép ẩn dụ là nghĩa của từ ‘tròn’, ‘sáng’, hoặc những ý nghĩa khác.

<sup>26</sup> Kết tụng pháp 結頌法.

duyên’. Để loại bỏ dị phẩm<sup>27</sup>, thiết lập ‘dị pháp dụ’. Bởi vì không có dị phẩm, mục đích của việc loại bỏ đã được thực hiện, do đó [một thí dụ đối nghịch] không được nêu. Trong một cuộc tranh luận, cũng không có lỗi nếu dị phẩm tạm thời được sử dụng để thiết lập nhận thức tỷ lượng<sup>28</sup>.

## 1.7 Sự thiết lập tỷ lượng

[269a02] Ở đây, làm thế nào để thiết lập tỷ lượng? Về mặt ‘chân tánh’, thì tánh chất của nhãn xứ là Không, vì nó được sinh khởi do các duyên. Những thứ được sinh khởi do các duyên thì có bản chất trống rỗng về mặt ‘chân tánh’. Như người chẵn bò, cô gái, v.v. là đối tượng hiểu biết thông thường của mọi người. Sau khi có oai thần, chú thuật, dục lực được thực hiện trên các loại thảo mộc, cây cối và đá, v.v. , các duyên ấy hiển hiện ra các tướng: nam, nữ, voi, ngựa, cung điện, khu vườn, nước, lửa, v.v., và các huyễn sự ấy đánh lừa những kẻ ngu ngốc. Bản chất của các huyễn sự ấy là không có thật, lẽ ra không nên điên đảo. Thế nên, Đức Thế Tôn nói: *“Tất cả pháp tánh không thể nhận biết bằng mắt. Các pháp duyên sinh đều vô tự tánh. Người có trí biết duyên sinh thì biết pháp tánh, biết pháp tánh*

---

<sup>27</sup> Dị phẩm 異品 = dị loại 異類 (vipakṣa), thí dụ như nước và lửa là dị loại. Tiền đề phủ định trong câu hỏi có giá trị phổ quát cho tất cả các pháp, nên bất kỳ thí dụ nào được dẫn chứng không thể nào khác hơn một chi phần đồng phẩm 同品 (: đồng loại 同類). Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý, tr. 11b07: “Thế nào gọi là đồng phẩm, dị phẩm? Nghĩa là, những gì có nghĩa lý và phẩm tánh đồng với pháp sở lập (tôn) thì gọi là đồng phẩm. Như lập tôn: ‘Vô thường’. Cái bình v.v... có phẩm tánh vô thường, ấy gọi là đồng phẩm. Dị phẩm có nghĩa là, ở nơi những thứ không có phẩm tánh đồng với tôn sở lập. Nếu thứ gì thường thì thấy không phải bị làm ra, ví dụ như hư không v.v...” Luận thức của Thanh Biện, do vậy không có chi phần dị loại, trong đó chứng cứ luận lý vắng bóng; đó là phần thiết yếu của suy luận đúng đắn theo các nhà luận lý học.

<sup>28</sup> Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý, tr. 12b29: “Tỷ lượng là dựa vào các tướng để quán sát nghĩa lý. Tướng có ba thứ như trước đã nói (tức ba tướng của nhân). Do ba tướng đó làm nhân, mà đối với nghĩa lý được đem so sánh, có chánh trí phát sinh, biết rõ chỗ ấy có lửa, hoặc vô thường v.v... Đó gọi là tỷ lượng.” Tr. 11b06: “Nhân có ba tướng (ba đặc tánh, ba mặt). Đặc tánh thứ nhất là: Nó phải có mặt (liên hệ) khắp tiền trần hữu pháp của tông (nói cách khác, nó phải là thuộc tánh của tông hữu pháp). Đặc tánh thứ hai là: Nó quyết định phải có mặt trong những gì đồng phẩm tánh với tông (đồng phẩm). Đặc tánh thứ ba là: Nó phải vắng mặt hoàn toàn trong tất cả những thứ khác phẩm tánh với tông (dị phẩm).”

thì biết tánh Không, biết tánh Không tức là bậc Trí Kiến.” Ngài dạy thêm: “Các pháp từ duyên sinh thì vô sinh, bởi vì chúng không có tự tánh sinh. Nói duyên sinh tức là nói tánh Không, và người biết tánh Không thì không phóng dật.”<sup>29</sup>

## 2. Phản ứng sự chỉ trích

### 2.1 Phản ứng sự chỉ trích chủ nghĩa hư vô

#### 2.1.1 Phản ứng sự chỉ trích về sự phá hủy các quy ước

[269a13] Ở đây, tất cả luận giả Bất Không<sup>30</sup> đều nêu vấn nạn: “Nếu thiết lập tất cả hữu vi đều Không, thì sẽ không có sắc, v.v., giống như sử dụng sừng thỏ như là đối tượng để phát sinh nhận thức hiện lượng. Điều này không hợp lý. Do đó, không nên tạo ra các nhận thức hiện lượng mà sở duyên của chúng là tương tự sắc<sup>31</sup>, v.v. Tuy nhiên, những sở duyên ấy thực sự có mặt trong trải nghiệm trực tiếp của mỗi cá nhân. Thế nên, tông của ông mâu thuẫn với pháp tánh, có lỗi trái hại nhận thức hiện lượng<sup>32</sup> và có lỗi trái hại sự hiểu biết thông thường<sup>33</sup>. Có nghĩa là, ông nhấn mạnh rằng, những thứ mà người chần bò, cô gái, v.v. có thể nhận biết được qua con mắt, v.v. là hư vô.

---

<sup>29</sup> Đại Tạng Kinh, No. 635, Phật Thuyết Hoàng Đạo Quảng Hiển Tam Muội Kinh 佛說弘道廣顯三昧經. Còn gọi là Vô Nhiệt Nã Long Vương Thỉnh Vấn Kinh 無熱惱龍王請問經, hay là A Nậu Đạt Long Vương Thỉnh Vấn Kinh 阿耨達龍王請問經. Tây Tạng Đại Tạng Kinh, Toh 156, *klu'i rgyal po ma dros pas zhus pa'i mdo/ anavatapta nāgarājaparipṛchā sūtra*.

<sup>30</sup> Bất không luận giả = Giả danh bất không luận giả 假名不空論者. Về mặt duyên khởi, pháp tánh là Không, nhưng pháp tướng duyên khởi thì bất không, đó là tư tưởng của luận giả Bất không giả danh.

<sup>31</sup> Quán Sở Duyên Duyên Luận, No. 1624, tr. 888c17: “Cái làm sở duyên duyên cho thức là sắc nội tại xuất hiện như là ngoại tại. Vì đặc tánh của nó xuất hiện trên thức, và nó làm cho thức sinh khởi.” (內色如外現, 為識所緣緣, 許彼相在識, 及能生識故.)

<sup>32</sup> Hiện lượng: nhận thức trực tiếp hiện tiền đúng. Tỷ lượng: nhận thức theo cách loại suy đúng. Tợ hiện lượng: nhận thức trực tiếp hiện tiền sai. Tợ tỷ lượng: nhận thức theo cách loại suy sai.

<sup>33</sup> Thế gian tương vi: Lập luận trái với sự hiểu biết thế gian, khiến người nghe không thể chấp nhận được, như nói mặt trăng có con thỏ, đầu lâu người thì sạch.

[269a18] [Đáp:] Những người có trí phải trừ bỏ sự độc hại của thành kiến môn phái, an trú trong tuệ giác trung đạo, hãy cùng nhau suy nghĩ: Tông của tôi thiết lập có mâu thuẫn với nhận thức hiện lượng được sinh ra từ sự tương tục của mình, hay là có mâu thuẫn với nhận thức hiện lượng được sinh ra từ sự tương tục của người?<sup>34</sup>

Nếu nói có mâu thuẫn với nhận thức hiện lượng được sinh ra từ sự tương tục của mình, thì tự tánh của các nhận thức hiện lượng khác nhau là trống rỗng về mặt thắng nghĩa đế, bởi vì chúng được sinh khởi từ các duyên. Thí dụ, nhận thức hiện lượng trong chiêm bao không phải là nhận thức hiện lượng ở thực tế. Do đó, tông của tôi không mâu thuẫn với nhận thức hiện lượng được sinh ra từ sự tương tục của mình.

[269a21] Nếu nói có mâu thuẫn với nhận thức hiện lượng được sinh ra từ sự tương tục của người, thì sẽ hợp lý khi nói rằng, có những hình ảnh xuất hiện thêm khi người có đôi mắt vẫn đục nhìn thấy, và sợi tóc, con ruồi, mặt trăng, v.v. do người bị bệnh mắt nhìn thấy, là những hình ảnh không thật, là biểu hiện của hư vọng.<sup>35</sup> Nó mâu thuẫn với nhận thức hiện lượng. Do đó, tông của tôi không mâu thuẫn với nhận thức hiện lượng được sinh ra từ sự tương tục của người.

[269a28] Xét mặt tổng tướng mà nói, những nhận thức hiện lượng được sinh khởi nơi mọi người trên thế gian, như kẻ ngu, người trí, v.v., chúng không bác bỏ

---

<sup>34</sup> Tương tục 相續 (prabandha): Có nghĩa là liên tục. Tuy nhiên, ở đây, nó có nghĩa là sự liên tục của tâm trí và cơ thể của một người. Do đó, sự liên tục của mình, chỉ đơn giản có nghĩa là bản thân một người, và sự liên tục của người, có nghĩa là những người khác.

<sup>35</sup> Bệnh màng mắt: bệnh timira. Những người mắc bệnh timira thì mắt của họ bị bạch nội chướng ảnh hưởng đến cái nhìn của họ; họ có thể nhìn thấy mọi thứ mà chúng ta với cặp mắt bình thường không nhìn thấy. Như vậy, những ai mà cái nhìn của họ bị tác động bởi các định kiến cũng có thể nhìn thấy một đối tượng khác với chúng ta. Trong kinh Lăng-già, Đức Phật dạy: “Phàm phu chấp cái được tạo ra như một người bị nhậm mắt chấp vào cái bóng của chính mình.” Kinh Giải thâm mật, quyển 2, phẩm Nhất thiết pháp tướng: “Đức bản, như người bị bệnh màng mắt, cái màng mắt ấy biến kế chấp tánh cũng vậy. Như người bị bệnh màng mắt thấy những ảo ảnh tóc lông, ong ruồi, lá diếp, giày sắn, hay xanh, vàng, đỏ, trắng, những ảo tượng ấy y tha khởi tánh cũng vậy. Như người mắt đã trong sáng, hết hẳn màng mắt, bản tánh con mắt trong sáng nhìn thấy cảnh vật không thác loạn, cảnh vật không thác loạn ấy viên thành thật tánh cũng vậy.” (H.T Thích Trí Quang dịch)



thể tục hữu. Do đó, [tông của tôi] không vi phạm gì cả. Nếu cho rằng [tông của tôi] có cái lỗi ‘mâu thuẫn với nhận thức thông thường’ là không đúng. Nếu cho rằng [tông của tôi] mâu thuẫn với sự hiểu biết chung của luận điểm của tôi, thì điều đó không hợp lý, bởi vì luận điểm của tôi đồng ý với [tông của tôi]. Ngay cả khi luận điểm của tôi trái ngược với tông của tôi, nó chẳng có cái lỗi ‘mâu thuẫn với sự hiểu biết chung’. Nếu nói rằng, [tông của tôi] mâu thuẫn với sự hiểu biết chung của luận điểm của người khác, thì điều đó cũng không hợp lý, bởi vì tất cả các luận điểm được đưa ra là để bác bỏ sự hiểu biết chung của luận điểm của người khác.

[269b03] Nếu cho rằng [tông của tôi] mâu thuẫn với hiểu biết thông thường của người chẵn bò, của cô gái, v.v., điều đó cũng không hợp lý. Các đệ tử của Phật đều đưa ra luận điểm rằng, “*Tất cả hành đều là sát-na diệt.*”<sup>36</sup> *Các pháp vốn không có ngã, không có hữu tình.*”<sup>37</sup> Người phái Thắng Luận<sup>38</sup> quan niệm, “*Theo thật cú*

---

<sup>36</sup> Sát-na diệt (kṣaṇa-bhaṅga) = vô thường.

<sup>37</sup> Kinh Đại Bảo Tích, No. 310, Pháp Hội Bồ Tát Tạng, phẩm Thi La Ba-la-mật, tr. 260a12: “Lại này Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Thi-la Ba-la-mật, đại Bồ-tát quán sát như vậy rồi mà lòng tham ấy vẫn còn, nhờ có sức thiện căn của sự nghe giáo pháp của Phật thuyết, lại phải tùy thuận kinh điển như vậy: Nhãn căn như khối bọt nước, v.v. chẳng nắm bắt được. Tại sao? Cũng như khối bọt nước, v.v. chẳng nắm bắt được, tất cả các pháp vốn không có ngã, cũng không có hữu tình, không mạng giả, không tri giả, không kiến giả, không nhân giả, không ý sinh, không tác giả, không thọ giả. Ở trong tất cả pháp vô tác vô thọ như vậy thì ai nhiễm ái được và nhiễm ái chỗ nào?”

*nghĩa, các sắc khác nhau có phẩm tánh khác nhau.*”<sup>39</sup> Người phái Số Luận<sup>40</sup> tuyên bố, *"Tự thể của giác không phải là tư duy, và nó thực hữu dù đã diệt hay chưa*

---

<sup>38</sup> Học phái Thắng luận là một trong 6 phái Triết học, một trong các ngoại đạo Tứ chấp, một trong 16 tông ngoại đạo, một trong 20 thứ ngoại đạo ở Ấn độ. Người sáng lập ra học phái này là Ưu lâu khư (優樓佉, Ulūka, còn có tên khác là Cát na già, 羯那陀, Kaṇāda). Cứ theo truyền thuyết thì Ưu lâu khư có soạn Thắng luận kinh (Vaiśeṣika-sūtra), sách này được coi là Thánh điển của học phái Thắng luận. Trong kinh Phật nguyên thủy cũng như các sách ngoại đạo lưu hành ở thời Đức Phật đều không thấy nói đến tên của học phái Thắng luận và học thuyết của phái này, cứ đó mà suy đoán thì có lẽ sau khi Phật nhập diệt học phái này mới hưng khởi. Còn các học giả cận đại thì căn cứ vào kết quả của sự nghiên cứu, phê phán nguyên điển mà cho rằng học phái này được thành lập từ khoảng thế kỷ III trước Tây lịch đến thế kỷ I, II sau Tây lịch, từ sau Ưu lâu khư, sự truyền thừa của phái này không được rõ. Nhưng học thuyết của phái này trước ngài Long Thọ rất thịnh, thường tranh luận với Phật giáo, như trong Quảng bách luận bản, Bách luận, Ngoại đạo tiêu thừa tứ tông luận của ngài Đề Bà, trong Trung luận thích của ngài Thanh Mục và trong Bách luận thích của ngài Bàn Tâu (Thế thân)... đều có luận thuyết phê phán bác bỏ học phái này. Bởi lúc bấy giờ, học thuyết của Thắng luận và Số luận là nổi bật nhất trong các học thuyết ngoại đạo, cho nên gọi chung 2 phái là Thắng Số. Còn đối với các Luận sư của học phái Thắng luận thì những người tôn sùng gọi là Thắng luận sư, Thắng giả, những người chê bai thì gọi họ là Thắng luận ngoại đạo. Học thuyết của phái này có khuynh hướng Thực tại luận, bác bỏ vạn sự vạn vật chỉ tồn tại trong khái niệm, chủ trương tất cả sự vật đều có thực thể của chúng và đều có thể quy vào 6 phạm trù lớn, tức dùng 6 cú nghĩa (satpadārtha, 6 nguyên lý): Thực, Đức, Nghiệp, Đồng, Dị, Hòa hợp, do Ưu lâu khư lập ra để thống nhiếp thực thể, thuộc tánh của tất cả các pháp và nguyên lý sinh thành, hoại diệt của chúng. Khoảng thế kỉ V, VI, Luận sư Tuệ Nguyệt lại căn cứ vào 6 cú nghĩa mà tăng thêm 4 cú nghĩa: Hữu năng, Vô năng, Câu phân và Vô thuyết, soạn thành Thắng tông thập cú nghĩa luận, đề xướng thuyết Thập cú nghĩa. Phái này chủ trương do Chân tri và Du già mà đạt được sự giải thoát chân thực. Chân tri nhờ nghiên cứu triết học của 6 cú nghĩa mà có; chủ trương Ý là cội nguồn của thiện ác, cho nên phải kiềm chế ý nghĩ của con người, tức phải tu Du già. Căn cứ vào 6 cú nghĩa mà nhận xét chung thì học thuyết cốt lõi của phái này thuộc về Đa nguyên luận, trong đó bao gồm: Cực vi thuyết, Thực ngã luận, Tam thể thực hữu luận, Nhân trung vô quả thuyết ... Còn đối với Thanh luận thì phái này chủ trương Âm thanh vô thường.

<sup>39</sup> Sắc (rūpa), màu sắc vốn là đối tượng của mắt. Màu chỉ được tìm thấy trong đất, nước và lửa. Nước và lửa có tánh cách thường tại; riêng đất thì có biến chuyển. Sắc gồm có sắc chất (rūpatva) và sắc phẩm (rūpa-guṇā).

<sup>40</sup> Học phái Số luận được thành lập sớm nhất trong 6 phái triết học của Ấn độ. Tương truyền Tổ khai sáng là tiên nhân Ca-tỳ-la (Kapila). Học phái này dùng trí tuệ phân biệt để tách toán các pháp, đồng thời lấy số làm nền tảng để đặt tên luận thuyết, cho nên gọi là phái Số luận. Ở thời kỳ đầu, phái này chủ trương tinh thần và vật chất hợp nhất thành Ngã tối cao, tức là đứng trên lập trường Hữu thần luận và Nhất nguyên luận; nhưng đến thời kỳ cuối thì phủ nhận Ngã tối cao, trở thành Nhị nguyên luận của Vô thần luận. Thần ngã là ý thức thuần túy, không có tác dụng, chỉ quán chiếu tự tánh mà thôi. Tự tánh theo thứ lớp triển khai thành Giác (Buddhi), Ngã mạn (Ahajkāra), Ngũ đại, Thập lục biến dị. Nguyên lý này cùng với Thần ngã, Tự tánh gọi chung là 25 đế. Cái gọi là Tự tánh (Prakṛti) có khả năng triển khai thành 1 hạt nhân duy nhất mà yếu tố cấu thành là 3 đức: Thuần chất (Sattva), kích chất (Rajas) và ế chất (Tamas). Thần ngã thoát ly kết quả của vật chất, phát sinh sau khi triển khai. Khi Thần ngã tách rời vật chất mà tồn tại độc lập thì gọi là giải thoát. Kinh điển xưa nhất của học phái này là Tăng khư tụng (Sāṅkhyakārikā) do ngài Tự tại hắc (Īśvarakṛṣṇa) trứ tác vào khoảng thế kỉ IV, V. Những sách chú thích Tăng khư tụng gồm có luận Kim thất thập và các sách chú thích của Cao-đạt-mạt-đạt 高達帕達 (Gaudapāda) và Ma-đạt-la 摩達羅 (Māthara) ... đều xuất hiện vào khoảng thế kỉ thứ 6. Về sau lại có Tăng khư kinh (Samkhya-sūtra), cũng là sách quan trọng của học phái này. Trong các ngoại đạo ở Ấn độ, Số luận là học phái có thể lực nhất. Trong các kinh

*sinh.*” Đại loại như vậy, đó là sự quảng bá những đạo lý riêng của mỗi tông phái, cho nên được coi là mâu thuẫn với hiểu biết thông thường. Tuy nhiên, chúng ta không nên coi đạo lý của họ mâu thuẫn với hiểu biết thông thường, bởi vì tất cả đạo lý đều quán sát các pháp dưới góc độ thắng nghĩa đế. Vì vậy, tông của tôi không liên quan đến hiểu biết thông thường của người chăn bò, cô gái, v.v. Hơn nữa, trong sự thiết lập tông của tôi, thắng nghĩa đế là yếu tố để phân biệt, áp dụng cho luận điểm mà chúng tôi đã thiết lập. Vì vậy, những mâu thuẫn mà ông nói đến là vô lý. Tương tự như vậy, không có gì mâu thuẫn với luận điểm của chúng tôi.

### 2.1.2 Trả lời một số đối thủ nhất định

[269b13] [Hỏi:] Hơn nữa, những người khác nói, “*Những luận giả Tánh Không nói rằng, trên mặt thắng nghĩa đế, nhân xứ, v.v. là Không, bèn bị lỗi ‘tông chẳng được thành lập’ vì có ‘hữu pháp*”<sup>41</sup>, và bị lỗi nhân chẳng được thành lập vì có ‘sở y’.<sup>42</sup>”

[Đáp:] Điều này không hợp lý. Bởi vì theo hiểu biết thông thường của người chăn bò, cô gái, v.v., ‘con mắt, v.v. được họ công nhận’, đó là tông; và ‘họ nói về hữu pháp ấy’, đó là nhân. Đây là lỗi tông chẳng được thành lập vì ‘tợ hữu pháp’, và là lỗi nhân chẳng được thành lập vì ‘tợ sở y’.

---

điển của Phật giáo có rất nhiều chỗ bác bỏ học thuyết của phái này. Ngày nay, Số luận trở thành học phái độc lập tồn tại ở vùng phụ cận phía tây Ngõa-lạp-na 瓦拉那 tại Ấn độ.

<sup>41</sup> Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý, tr. 11b03: “Trong đây thế nào gọi là Tông? Tông có nghĩa là hữu pháp (vật thể, chủ ngữ) và năng biệt (thuộc tánh, vị ngữ) được hai bên lập và dịch đồng công nhận. Hữu pháp và năng biệt tuy có tánh cách sai biệt nhau, nhưng không rời nhau. Tùy theo ý ưa thích của mình mà nêu lên làm tánh cách sở thành lập, đó gọi là tông. Như có người thành lập: ‘Tiếng là vô thường’. “Năng biệt không được công nhận là, như đối với sư Số luận, đệ tử Phật lập tông: ‘Tiếng bị tiêu diệt’. Sở biệt không được công nhận là, như đối với đệ tử Phật, sư Số luận lập tông: ‘Thần ngã là tư duy’. Cả năng biệt và sở biệt đều không được công nhận là, như đối với đệ tử Phật, sư Thắng luận lập tông: ‘Thần ngã là nhân duyên hòa hợp’.”

<sup>42</sup> Nếu lập tông: ‘Hư không là thật có’ vì là chỗ nương tựa (sở y) của đất. Đối với phái Luận sư (A-tỳ-đàm) không công nhận có ‘hư không tồn tại’, thế là chỗ nương tựa không thành, nên bị lỗi.

### 2.1.3 Trả lời về sự mâu thuẫn giữa tự tánh và duyên sinh

[269b18] [Hỏi:] Có các luận giả Chánh lý không theo lý lẽ<sup>43</sup>, nêu vấn nạn rằng: “*Nếu xét về bản chất thật, mắt, v.v ... đều là Không, do nhân duyên sinh ra; vì sao mắt, v.v. đã là Không, mà lại do nhân duyên sinh ra? Nếu chúng do nhân duyên sinh ra, làm sao bản chất của chúng là Không? Bởi vì tông và nhân mâu thuẫn với nhau, thành ra có lỗi ‘tự mâu thuẫn với tông của mình.’*”

[Đáp:] Nếu đây là [lý do chính thức] để chỉ ra và sửa chữa sai sót trong tông của tôi, nhằm cho thấy rằng, có lỗi ‘nhân không có đồng pháp dụ’, hoặc lỗi ‘nhân chẳng được thành lập’. Thí dụ như nói, ‘âm thanh là thường, vì tất cả [pháp khác ngoài âm thanh] đều vô thường’. Điều này cho thấy, [âm thanh] không được bao gồm trong tất cả pháp. Liễu nhân<sup>44</sup> không rõ ràng, nên có lỗi ‘nhân chẳng được

---

<sup>43</sup> Bất thiện chánh lý luận giả 不善正理論者. Chánh Lý luận giả 正理論者 (Nyaiyāyika): Luận giả phái Chánh Lý (Nyāya), một trong 6 phái triết học Ấn Độ. Học phái Chánh Lý ở Ấn Độ được thành lập khoảng đầu kỷ nguyên Dương lịch. Chánh lý trở thành danh từ chuyên môn của luận lý học Ấn Độ, bởi phương pháp luận cứu, khảo sát chân lý của nó. Sau đó nó được những học giả Phật giáo sử dụng; đặc biệt, pháp tướng Duy thức đã phát triển môn này thành Nhân Minh học nổi tiếng. Phương pháp lý luận của học phái Chánh Lý bao gồm trong mười sáu câu. Luận thức của họ là luận pháp năm chi (ngũ chi tác pháp: Tông, Nhân, Dụ, Hạp, Kết); đến thời kỳ ngài Thế Thân và đệ tử là Trần-na thì cải biến thành ba chi. Nhân Minh là một thuật ngữ được Phật giáo sử dụng; vì luận thức ba chi dùng để khảo sát chân tướng sự lý, chủ yếu là dùng lý do (Nhân) để chứng minh Tông nghĩa, nên Nhân rất quan trọng, vì thế gọi là Nhân Minh. Nhưng cũng không bỏ từ ngữ Chánh lý, như thầy trò Trần-na biên soạn Nhân Minh Chánh Lý Luận, Nhân Minh Nhập Chánh Lý Môn Luận.

<sup>44</sup> Liễu nhân 了因: đối lại là Sinh nhân 生因. Tiếng dùng trong Nhân minh. Trong tác pháp 3 phần của Nhân minh, Liễu nhân thuộc về phần Nhân, là phần hiểu thấu được chủ trương của người lập luận, là 1 trong 6 Nhân. Chủ trương của người lập luận có thể làm phát sinh sự hiểu biết của người vấn nạn (địch luận), gọi là Sinh nhân, còn trí tuệ của người vấn nạn có thể lĩnh hội, liễu giải được chủ trương của người lập luận, thì gọi là Liễu nhân. Trong phần Nhân phải có đầy đủ hai điều kiện này. Vì thế, đứng về phương diện người lập luận, Sinh nhân có 3 thứ: 1. Trí sinh nhân: Trí tuệ của người lập luận. 2. Nghĩa sinh nhân: Nghĩa lý do trí tuệ ấy sinh ra. 3. Ngôn sinh nhân: Chủ trương ngôn luận để trình bày nghĩa lý ấy. Đứng về phương diện người vấn nạn (địch luận), đối với Liễu nhân, dĩ nhiên cũng phải như thế: Muốn hiểu rõ lập luận của người kia, thì cần phải có trí lực, trí lực ấy hiểu được nghĩa lý, mà biết được nghĩa lý là do ngôn luận. Do đó, Liễu nhân cũng có 3 thứ: 1. Ngôn liễu nhân: Hiểu rõ ngôn luận của người lập luận. 2. Nghĩa liễu nhân: Hiểu rõ nghĩa lý của ngôn luận ấy. 3. Trí liễu nhân: Trí tuệ để hiểu được nghĩa lý ấy. Đứng về cả 2 phương diện người lập luận và địch luận mà nói chung lại thì gồm có 6 Nhân. Nhưng thực ra không phải có 6 Nhân sai khác nhau, vì ngôn luận của người lập luận gọi là Ngôn sinh nhân, mà địch luận hiểu được

thành lập’. Bởi vì âm thanh được bao gồm trong tất cả pháp, nó cũng không có một đồng dụ, làm thế nào mà bất cứ thứ gì có thể vừa thường hằng, vừa không được bao gồm trong tất cả pháp? Điều này không hợp lý. Bởi vì nhân ‘các pháp sinh ra từ các duyên’ và dụ ‘như huyễn ảo, v.v.’ đều là những thứ thông thường được hiểu biết, do đó, nhân và dụ đều được thành lập. Trong trường hợp này, vấn nạn của ông không thể làm hài lòng những người trí.

#### 2.1.4 Trả lời những người chủ trương tự tánh

[269b27] [Hỏi:] Các luận giả chủ trương ‘hữu tánh’<sup>45</sup>, nêu ý kiến sau đây: *"Ông phải tin nhận nhãn căn là hữu tánh, vì nó có tác dụng<sup>46</sup>. Những gì là vô tánh thì không có tác dụng, chẳng hạn như con trai của thạch nữ. Nhãn căn có tác dụng, tức là sinh khởi nhãn thức. Như những gì vừa nói, do có thể dụng, nên nhãn căn chắc chắn là hữu tánh."*

[269c01] [Đáp:] Nếu nhãn căn là hữu tánh, thì [sự hiểu biết này] không đạt được từ sự nghiên cứu [cẩn trọng]. [1] Hữu tánh được nhận biết bởi sự hiểu biết ít ỏi của người chặn bò, v.v., là dựa mặt thể tục mà nói. [Nếu những người chống đối] thiết lập nhãn căn và các pháp hữu vi đều là hữu tánh [đứng trên mặt thể tục], thì họ đang thiết lập những gì đã được thiết lập. [2] Nếu nhãn căn được thiết lập theo mặt thẳng nghĩa, thì không có đồng pháp dụ. [3] Sẽ không hợp lý khi [những

---

là Ngôn liễu nhân; nghĩa lý của ngôn luận gọi là Nghĩa sinh nhân, mà dịch luận hiểu được nghĩa ấy là Nghĩa liễu nhân; trí tuệ của người nêu ra nghĩa ấy là Trí sinh nhân, mà dịch luận hiểu được tông nghĩa của trí ấy là Trí liễu nhân. Một bên làm cho phát sinh ra, một bên tiếp thu lấy, vì thế mà có sáu. Tóm lại, đứng trên lập trường Nhân minh, chỉ cần Ngôn sinh nhân và Trí liễu nhân là đủ. Vì Ngôn sinh nhân trực tiếp nói rõ ý tưởng của mình cho đối phương, còn Trí liễu nhân của đối phương hiểu được Ngôn sinh nhân ấy, thế là đủ. [X. Nhân minh nhập Chánh lý luận ngộ tha môn thiên thích; Đông phương luận lý học (Nhật Hạnh)].

<sup>45</sup> Đây là chủ trương của luận sư Thuyết nhất thiết hữu bộ (sarvāstivādin). Hữu tánh 有性 (Skt. sattā), lý tánh của pháp hiện hữu.

<sup>46</sup> Phạm: sakāritra. 功能 công năng.

người chống đối] thiết lập nghĩa (: luận điểm) mà họ ưa thích chỉ bằng cách loại bỏ các dị phẩm. Thí dụ, những luận giả chấp ‘âm thanh thường trú’ nói, “*Âm thanh là thường, bởi vì nó có tánh chất được nghe. Cái bình, v.v. là vô thường, bởi vì nó không có tánh chất được nghe. Vì âm thanh được nghe, tánh chất của nó là thường trú.*” [4] Thêm nữa, dựa vào các đồng dụ được hiểu theo cách thông thường, ‘[âm thanh là thường trú,] vì có tánh chất bị làm ra’, trở thành lỗi ‘nhân tương vi’. Do đó, năng lập<sup>47</sup> rằng ‘Các pháp như mắt, v.v. được bao gồm trong các quy ước thế gian đều là hữu tánh’.

### 2.1.5 Trả lời những chỉ trích về nhân và dụ

[269c08] [Hỏi:] Những người khác lại phản đối, “*Nhân và dụ đều được đưa vào luận đề: ‘Các pháp hữu vi đều Không’, bởi vì chúng thuộc cùng một thể loại, nên có lỗi tỷ lượng thiếu sót.*”<sup>48</sup>

[Trả lời:] Câu này nói một cách tổng quát về kết quả nhận thức<sup>49</sup>. Trong quá trình quan sát và thiết lập tỷ lượng<sup>50</sup>, nhân, v.v., mỗi pháp riêng biệt được thiết lập làm tông, cho nên không có lỗi như vậy. Cũng không có bất kỳ lỗi nào khi thiết lập luận điểm (Tông), ‘Tất cả pháp hữu vi đều Không’. Nhân: ‘bởi vì chúng sinh ra từ

<sup>47</sup> Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý, tr. 11b19: “Nhiều lời nói về tông, nhân, dụ, khi dùng để khai thị cho người khác, thì gọi là năng lập. Như có người nói: ‘tiếng là vô thường’, đó là lời nói về thành lập tông. ‘Vì có tánh cách bị làm ra’, đó là lời nói về phẩm tánh (pháp) của tông. Nếu ‘cái gì bị làm ra’ thì thấy nó ‘vô thường’, ví dụ như cái bình, đó là lời nói về những cái có phẩm tánh đồng với tông (dụ). Còn nếu cái gì ‘thường’ thì thấy nó ‘không bị làm ra’, ví dụ như hư không, đó là lời nói biểu thị sự xa lìa (với tông và nhân). Chỉ ba phần này (tông, nhân, dụ) gọi là năng lập.

<sup>48</sup> Các lỗi tỷ lượng thiếu sót (闕比量過, anumana-nyunata) có thể ám chỉ một điểm thất bại được gọi là nói quá ít (nyunata), khi bất kỳ luận thức năng lập nào (tông, nhân và dụ) trong một suy luận (tỷ lượng) bị thiếu. Kết quả là, sự suy luận bị thiếu hoặc không thể diễn ra.

<sup>49</sup> Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận Sớ, No. 1840, quyển hạ, tr. 140b11: Như cây thước đo là năng lượng. Tấm vải là sở lượng. Nhận thức số đo là lượng quả. Theo Hữu bộ, cảnh là sở lượng. Căn là năng lượng. Tâm và tâm sở y căn phát khởi (kết quả nhận thức) là lượng quả. Ngoại đạo chủ trương cảnh là sở lượng, thức là năng lượng, thân ngã là lượng quả. Đại thừa nói, trí là lượng quả.

<sup>50</sup> Bao gồm năng lượng, sở lượng và lượng quả.

các duyên’, được cả hai bên chấp nhận [trong cuộc tranh luận], nên chẳng phải là không hợp lệ. Nếu nói ‘Nhân là Không, bởi vì bản chất nó là Không’, thì một ‘nhân’ như vậy là có lỗi. [Suy luận của tôi] cũng không thiếu thí dụ. Có những thí dụ như huyễn ảo, v.v.. Nếu những thí dụ vừa nói, như huyễn ảo. v.v., được thiết lập làm tông, thì có sự trùng lập, tôi sẽ có lỗi thiết lập những gì đã được thiết lập.

[269c15] [Hỏi:] Một người có ít trí tuệ, chất vấn như vậy: “*Đối với luận điểm cho rằng ‘Tất cả pháp hữu vi đều là tánh Không’, vì ‘nguyên nhân’ là hữu vi, nên tánh chất của nó cũng Không. Như vậy, có lỗi ‘nhân chẳng được thành lập’.*”<sup>51</sup>

[Đáp:] Luận điểm của tôi có vẻ không có giá trị, nhưng trên thực tế nó không phải là không có cơ sở. Thí dụ, các đệ tử của Đức Phật đặt ra luận điểm rằng, ‘Tất cả hành đều không có ngã, bởi vì chúng có nguyên nhân’. Ai đó có thể chỉ trích, “*Nhân ấy được bao gồm trong tất cả hành, và nó cũng không có ngã, do đó có lỗi ‘nhân chẳng được thành lập’.*”

Các vị phái Số Luận thiết lập luận điểm rằng, “*Ba yếu tánh hiển nhiên*<sup>52</sup>: *khô, lạc và si (: rajas, sattva và tamas) là tự tánh của mọi sự vật, bởi vì chúng khác với ý thức.*”<sup>53</sup> Ai đó phản biện, “*Nhân ấy được bao gồm trong ba yếu tánh hiển*

---

<sup>51</sup> Câu này có nghĩa là, vì nhân cũng trống rỗng nên không thể có chức năng hỗ trợ cho luận điểm (tông).

<sup>52</sup> Hiển sự 顯事.

<sup>53</sup> Trong triết học Số Luận, ba guṇas được xem là ba hình thái phương tiện chính yếu được sử dụng như là các nguyên lý vận hành hay là các khuynh hướng của bản thể vũ trụ (prakṛti) được gọi là Sattva guṇas (trong sạch), Rajas guṇas (hành hoạt) và Tamas guṇas (trì độn, vô minh). Ba guṇas căn bản này nói chung được chấp nhận để được nối kết với ý nghĩa về sự sáng tạo (satva), bảo tồn (rajas) và hoại diệt (tamas). Toàn bộ sự sáng tạo và quá trình tiến hoá (tri thức và thể chất) được khai triển thông qua ba guṇas này.

Guṇas được gọi là năng lực là sức mạnh nằm trong mọi vật, nội tại hay ngoại tại, vật lý hay tinh thần. Nếu như ta xét trong một ngày thì Sattva được coi như là sáng sớm, Rajas như là ban ngày và Tamas như là chiều tối. Nếu xét trong một năm thì Sattva là mùa xuân, Rajas như là mùa hạ và thu còn Tamas như là mùa đông. Nếu xét về tình trạng thì Sattva là tình trạng liên kết, Rajas là tình trạng duy trì và Tamas là tình trạng phân rã. Nếu xét về thời gian thì Sattva là quá khứ, Rajas là hiện tại và Tamas là vị lai.

Trong con người guṇas được thể hiện: Sattva, đó là sự tinh khiết, an tĩnh, nắm giữ sự quân bình cho nên suy tư nhiều, nghiêng về chiêm niệm nhiều hơn. Rajas, đó là dục vọng, hoạt động, vận động nghiêng nhiều về những hoạt động trần thế. Tamas, đó là nọa tánh, trì trệ, uơnon lười, chán chường, uể oải, sợ sệt thường hay ảo tưởng, không suy xét đúng đắn.

*nhiên, cũng lấy khổ, lạc và si làm tánh chất của nó, do đó có lỗi ‘nhân chẳng được thành lập’.*”

Thêm nữa, các vị phái Thắng Luận thiết lập luận điểm rằng, “*Âm thanh là vô thường, bởi vì nó có tánh chất được tạo ra.*” Ai đó phản biện, “*Nhân ấy sử dụng âm thanh làm bản thể, và nó cũng vô thường, do đó có lỗi ‘nhân chẳng được thành lập’.*”

Mặc dù những người phản biện dùng các luận điểm khác nhau như trên để tìm kiếm lỗi của luận giả này, nhưng theo những lý lẽ đã nêu, họ hoàn toàn không thể phá hủy luận điểm của đối thủ. Nếu lý luận của họ [để chống lại luận điểm của đối thủ] là có giá trị, thì người ta có thể thiết lập tỷ lượng ở đâu để hủy hoại đạo lý mà tôi thích hay đã nói?<sup>54</sup>

### **2.1.6 Trả lời lập luận hư vô về nhân**

[269c27] [Hỏi:] *Lại có người chất vấn rằng, “Nếu ‘bởi vì chúng sinh ra từ các duyên’, thì nhân này không thể hỗ trợ luận điểm nên được thiết lập, bởi vì tánh Không của nó. Thí dụ, âm thanh phát ra bởi con trai của thạch nữ. Nhân này tự nó có vấn đề nên chẳng được thành lập.”<sup>55</sup> Nếu nhân này được công nhận bởi luận*

---

Thân xác vật lý của con người là biểu hiện đơn thuần của các gunas. Chính ý thức (Purusha) mới khuấy động tình trạng quân bình của Prakriti, khiến các gunas tác động lẫn nhau và biểu hiện ra bên ngoài. Các gunas luôn thay đổi và biến chuyển thành tình trạng không thống nhất hay thống nhất trong tánh cách. Tùy vào sự nổi trội của gunas nào mà có người thì nghiêng về chiêm niêm, hoạt động hay uơ n lười.

Triết học Số Luận về gunas đã được thảo luận rộng rãi, phát triển và hoàn thiện bởi nhiều trường phái triết học Ấn Độ. Các chuyên luận triết học của Số Luận cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của các lý thuyết khác nhau về đạo đức Ấn Độ giáo.

<sup>54</sup> Đó là vì bất kỳ lý luận nào mà người ta đưa ra sẽ tự vô hiệu theo lý lẽ được đề xuất bởi những người có ít trí tuệ.

<sup>55</sup> Như có người hỏi người khác rằng: Con của thạch nữ này có cung kính, hiếu thuận và nói năng dễ mến hay không? Người ấy dấy lên suy nghĩ rằng: Thạch nữ không có con, nếu trả lời là không có thì người kia sẽ nói như vậy: Tôi không hỏi là có hay không có; nếu mình trả lời là có cung kính, hiếu thuận và nói



*điểm của người khác, thì cũng không hợp lý. Đó là vì, đứng trên phương diện tông của người, luận điểm ‘bởi vì tánh Không’ chẳng có nghĩa rõ ràng<sup>56</sup>. Nếu ‘chẳng có nghĩa’ có thể được sử dụng làm nghĩa của nhân, thì nhân ấy sẽ không hợp lệ, bởi vì [Không] có nghĩa là ‘không tồn tại’. Nếu nghĩa được biểu hiện bằng hư vọng mà có thể làm nghĩa của nhân, nó sẽ hoàn toàn không có hiệu quả, như ‘âm thanh phát ra bởi con trai của thạch nữ’ thì không tồn tại. Thí dụ này không có pháp năng lập. Hơn nữa, [cho rằng] âm thanh do biến hóa, thì có lỗi ‘nhân bất định’<sup>57</sup>, vì nó có thể mang lại những lợi lạc vô hạn cho chúng sinh. Lại nữa, không phải là nhân được công nhận bởi tông của người, thì năng lập và sở lập có cùng một nghĩa, nên nhân chẳng được thành lập. Nó giống như ‘nhân chẳng được thành lập’ của tông của người, vì nó bị phá hủy bởi sự tỷ lượng tương vi. Do đó, luôn có một sai lầm lớn đi theo sau.”*

[270a07] [Đáp:] Như [có người] thiết lập tuệ, v.v. làm pháp ‘phi tâm tương ưng’<sup>58</sup>, vì nó được nhiếp vào hành uẩn, như danh thân, v.v.<sup>59</sup> Giống như [có người]

---

năng dễ mên thì không hợp lý, bởi vì thạch nữ thì không có con, làm sao có thể nói là đứa con có cung kính, hiếu thuận và nói năng dễ mên được?

<sup>56</sup> Nghĩa 義 (Skt. artha): một đối tượng hay ý nghĩa. Chẳng có nghĩa rõ ràng, đó là điểm thất bại của một người không thể tự bảo vệ mình trong một cuộc tranh luận, cố gắng che giấu sự bất lực của mình bằng những lời nói đầy tham vọng, hoặc những từ không được sử dụng thông thường hoặc được thốt ra rất nhanh. Mặc dù người đó đã lập lại ba lần, nhưng đối thủ hoặc khán giả không thể hiểu được lời nói của người ấy.

<sup>57</sup> Nhân bị lỗi bất định có 6: 1. Nhân cùng có mặt ở cả ở đồng phạm, dị phạm, bất định. 2. Nhân không có mặt ở cả đồng phạm, dị phạm, bất định. 3. Nhân chỉ có mặt ở bộ phận đồng phạm, lại có mặt ở toàn bộ dị phạm, bất định. 4. Nhân chỉ có mặt ở một bộ phận dị phạm, lại có mặt ở toàn bộ đồng phạm, bất định. 5. Nhân cùng có mặt ở một bộ phận đồng phạm và một bộ phận dị phạm, bất định. 6. Trái nhau quyết định. (Nhân minh nhập chánh lý luận, tr. 11c17-c22, 11c25-12a12)

<sup>58</sup> Phi tâm tương ưng 非心相應 (Skt. cittaviprayuktasamkāra) = tâm bất tương ưng hành pháp 心不相應行法: là yếu tố không tương ưng với tâm. Theo luận Câu-xá và luận Ngũ uẩn, tuệ 慧 (prajñā) được xếp vào loại tâm sở hữu pháp (caittasikā-dharma). Tuy nhiên, ở đây, nó được xếp vào loại phi tâm tương ưng. Thiết lập như vậy là sai lầm. Tâm bất tương ưng hành pháp 心不相應行: (Skt. Citta-viprayukta-saṅskāra, P. Citta-vippayutta-dhamma) Cũng gọi Tâm bất tương ứng hành uẩn, Phi sắc phi tâm bất tương ứng hành pháp, Phi sắc bất tương ứng hành uẩn, Tâm bất tương ứng pháp, Bất tương ứng hành pháp, Bất tương ứng hành, Bất tương ứng. Chỉ cho nhóm pháp hữu vi không thuộc về sắc pháp, tâm pháp, cũng không tương ứng với tâm, là vị thứ 4 trong 5 vị do tông Câu xá và tông Duy thức lập ra. Theo Thuyết Nhất thiết hữu bộ Tiểu thừa, ngoài Sắc, Tâm và Tâm sở còn có thực pháp không tương ứng với tâm, thể

thiết lập hư không, v.v. đều chẳng phải là thường, bởi vì nó phụ thuộc vào đức (guṇa).<sup>60</sup> Giống như [có người] thiết lập ngã trên cơ sở: địa, thủy, v.v., mà không dựa trên tư, bởi vì tư chẳng phải ‘ba yếu tánh hiển nhiên’ (: ba đức, tri-guṇa).<sup>61</sup> Những loại lập luận như vậy làm mất hiệu lực của tất cả các luận điểm [họ muốn

---

của nó là pháp hữu vi, thuộc về Hành uẩn trong 5 uẩn, vì thế nên gọi là Tâm bất tương ứng hành. Nhưng kinh Bộ và tông Duy thức thì cho rằng Bất tương ứng hành được giả lập từ phân vị của Sắc và Tâm chứ không phải là pháp thật. Về con số của pháp Bất tương ứng hành thì giữa Đại thừa và Tiểu thừa có thuyết khác nhau. Tông Câu xá Tiểu thừa nêu 14 pháp Bất tương ứng hành: Đắc, Phi đắc, Đồng phận, Vô tướng quả, Vô tướng định, Diệt tận định, Mệnh căn, Sinh, Trụ, Di, Diệt, Danh thân, Cú thân và Văn thân. Luận Thuận chính lý quyển 12 thêm Hòa hợp tánh nữa mà lập thuyết 15 pháp Bất tương ứng hành. Luận Phẩm loại túc quyển 1 thì nêu 16 pháp: Đắc, Vô tướng định, Diệt định, Vô tướng sự, Mệnh căn, Chúng đồng phận, Y đắc, Sự đắc, Xứ đắc, Sinh, Lão, Trụ, Vô thường tánh, Danh thân, Cú thân và Văn thân. Ngoài ra, Phân biệt bộ và Độc tử bộ cũng xếp Tùy miên vào pháp Bất tương ứng hành. Về phía các nhà Duy thức Đại thừa thì trong luận Du giả sư địa quyển 3, nêu 24 pháp Bất tương ứng hành: Đắc, Vô tướng định, Diệt tận định, Vô tướng di thực, Mệnh căn, Chúng đồng phận, Sinh, Lão, Trụ, Vô thường, Danh thân, Cú thân, Văn thân, Di sinh tánh, Lưu chuyển, Định dị, Tương ứng, Thế tức, Thứ đệ, Thời, Phương, Số, Hòa hợp và Bất hòa hợp. Luận Đại thừa a ti đạt ma tập quyển 1 thì lược bỏ Bất hòa hợp mà còn 23 pháp Bất tương ứng hành. Còn luận Đại thừa ngũ uẩn thì nêu 14 pháp là: Đắc, Vô tướng đẳng chí, Diệt tận đẳng chí, Vô tướng sở hữu, Mệnh căn, Chúng đồng phận, Sinh, Lão, Trụ, Vô thường, Danh thân, Cú thân, Văn thân và Di sinh tánh.[X. luận Câu xá Q.4, 19; luận Nhập a ti đạt ma Q.thượng; luận Hiển dương thánh giáo Q.2; Câu xá luận quang kí Q.4; Thành duy thức luận diễn bí Q.2, phần cuối; luận Đại tì bà sa Q.22, 45; luận Thành duy thức Q.1, 2; luận Đại thừa a ti đạt ma tập tập Q.2].

<sup>59</sup> Danh thân, cú thân và văn thân là tổng thuyết (hợp thể) của ý tướng, chương cú và âm tiết. Trong đó, danh thân (nāmakāya) chỉ các danh từ như sắc (rūpa), thanh (śabda), v.v.; cú thân (padakāya), chỉ thành cú hay mệnh đề như “ôi, các hành là vô thường” ( anityā bata samskārah); văn thân ( vyañjana): như akṣara, âm tiết như nguyên âm: a ā i ī; phụ âm: k, c, ṭ, t, p.

<sup>60</sup> Phái Thắng Luận quan điểm về các cú nghĩa (Skt. padārtha: phạm trù, thực tại). Căn bản có 6 (Vaiśeṣika-sūtra): thực (dravya), đức (guṇa), nghiệp (karma), đồng (sāmānya), dị (viśeṣa), hòa hiệp (samavāya). Về sau, chỉnh lý và triển khai thành 10: 6 cú nghĩa đầu, như trên, thêm 4: hữu năng (śakti), vô năng (aśakti), câu phần (sādrśya: tương tự), vô thuyết (abhāva). Trong 10 cú nghĩa, 6 thường: đồng, dị, hòa hiệp, hữu năng, vô năng, câu phần. Thực, đức, vô thuyết, một phần thường, một phần vô thường. Nghiệp, duy vô thường. Trong 9 thực, 5 thường; 4 phân biệt: đất, nước, lửa, gió nếu là đại sơ bản, chúng thường hằng; nếu hợp thể, chúng vô thường. Trong 24 đức, 14 vô thường (giác, lạc, khổ, dục, sân, cần dững, pháp, phi pháp, hành, ly, bỉ tánh, thử tánh, thanh, hương).

Thực cú nghĩa (dravya-padārtha: phạm trù vật thể hay thực thể) có 9: địa (pṛthivi), thủy (ap), hỏa (tejas), phong (vāyu), không (ākāśa), thời (kāla), phương (dīś), ngã (ātman), ý (manas). Đức cú nghĩa (guṇa-padārtha), phạm trù phẩm tánh, có 24: sắc (rūpa), vị (rasa), hương (gandha), xúc (sparśa), số (saṃkhyā), lượng (parimāna), biệt thể (pṛthaktva), hiệp (saṃyoga), ly (vibhāga), bỉ thể (paratva), thử thể (aparatva), trọng thể (gurutva), dịch thể (dravatva), nhuận (sneha), thanh (śabda), giác (buddhi), lạc (sukha), khổ (duḥkha), dục (icchā), sân (dveṣa), cần dững (prayatna), pháp (dharma), phi pháp (adharma), hành (saṃskāra).

<sup>61</sup> Thành Duy Thức Luận, tr. 2b22: “Số luận cho rằng ngã là tư, thọ dụng 23 pháp gồm Đại, v.v. được tác thành bởi tát-đỏa, lạc-xà, đáp-ma (hỷ, ưu, ám). Đại các thứ tuy là hợp thành của ba sự nhưng là thực chứ không phải giả, được tiếp nhận bằng hiện lượng.”

đề xuất] bởi vì những sai lầm luôn theo sau. Do đó, luận điểm phải được hai bên tin tưởng và chấp nhận, mới gọi là nhân. Theo đạo lý này, những lỗi vừa nêu không nằm trong luận điểm của tôi.

### 2.1.7 Trả lời những chỉ trích về năng lập

[270a13] [Hỏi:] Một số luận giả Chánh lý không theo lý lẽ<sup>62</sup>, muốn chỉ ra sai sót trong luận điểm của chúng tôi, đã phê bình sau đây: "*Nếu tất cả tự tánh đều là Không, thì sở lập (tông, sādhya) và năng lập (nhân, sādhana) đều không thể được thiết lập, thí dụ như ‘âm thanh phát ra bởi con trai của thạch nữ’.* Bởi vì năng lập được nhiếp trong các pháp hữu vi, [tánh chất của nó] giống với tánh chất của sở lập mà cần được chứng minh là Không. Bởi vì sở lập và năng lập đều là Không, cho nên chúng không thể được thiết lập."

[Đáp:] Việc họ bác bỏ tự tánh của pháp sở lập và pháp năng lập [của chúng tôi], tức là bác bỏ tự tướng của hữu pháp<sup>63</sup> mà muốn chỉ ra sai sót trong luận điểm của chúng tôi. Nhân ấy của họ [chống lại chúng tôi] không được cả hai bên chấp nhận và không xác định. Thí dụ của họ cũng không hợp lệ. Tham chiếu những gì đã được giải thích trước đây, cả bác bỏ này cũng không hợp lý. Mặc dù họ đưa ra

<sup>62</sup> Bất thiện chánh lý luận giả 不善正理論者.

<sup>63</sup> Hữu pháp tự tướng tương vi quá 有法自相相違過: Cũng gọi Hữu pháp tự tướng tương vi nhân 有法自相相違因 (Skt. Dharmi-svarūpa-viruddha). Tiếng dùng trong Nhân minh. Lỗi do Nhân trái với danh từ trước, là lỗi thứ 3 trong 4 lỗi tương vi của Nhân (lý do), trong 33 lỗi Nhân minh. Hữu pháp chỉ cho danh từ trước (chủ từ) của Tông (mệnh đề); tự tướng chỉ cho sự kiện được trình bày trong phần danh từ trước; tương vi nghĩa là trái ngược nhau, là mâu thuẫn với nhau. Trong pháp Nhân minh, khi 2 bên biện luận, Nhân do người lập luận nêu ra trái với Hữu pháp của Tông do chính mình thành lập, khiến cho Nhân được trình bày ở phần danh từ trước không đứng vững và cái lý do được nêu ra cũng tiêu tan, giúp cho đối phương cơ hội dùng ngay Nhân ấy để phản bác. Đó là lỗi Hữu pháp tự tướng tương vi. Tức là người lập luận đã phạm lỗi thiếu 2 tướng (điều kiện) sau trong 3 tướng của Nhân. [X. luận Nhân minh nhập chính lí; Nhân minh nhập chính lí luận số Q.trung phần cuối; Nhân minh nhập chính lí thuy nguyên kí Q.4, Q.7]. Nhân có ba tướng (ba đặc tánh, ba mặt). Đặc tánh thứ nhất là: Nó phải có mặt (liên hệ) khắp tiền trần hữu pháp của tông (nói cách khác, nó phải là thuộc tánh của tông hữu pháp). Đặc tánh thứ hai là: Nó quyết định phải có mặt trong những gì đồng phạm tánh với tông (đồng phạm). Đặc tánh thứ ba là: Nó phải vắng mặt hoàn toàn trong tất cả những thứ khác phạm tánh với tông (đị phạm).

những lời bác bỏ khác nhau [chống lại chúng tôi], họ không thể che giấu những sai lầm trong luận điểm của chính họ.

### 2.1.8 Phản hồi sự phê bình về chức năng của ngôn ngữ

[270a20] [Hỏi:] Có người đưa ra những lý lẽ khác để che giấu những sai sót trong luận điểm của họ, và nói như vậy: “Cái gọi là ‘Chân tánh hữu vi Không’, xét về ngôn ngữ thiết lập mệnh đề, vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa của nó. [1] Nếu thiết lập ‘Trên phương diện chân tánh, tất cả pháp hữu vi đều không có thực’ là ý nghĩa của mệnh đề, thì tuyên bố ông sử dụng [để thiết lập luận điểm của mình] cũng được nhiếp trong pháp hữu vi, và do đó, nó phải không có thực, giống như các pháp hữu vi. Nếu ngôn ngữ ông đã sử dụng chẳng phải không có thực, thì các pháp hữu vi cũng chẳng phải không có thực. Cách sử dụng ngôn ngữ này đã phá vỡ luận điểm mà ông thiết lập, và lỗi lập tông này được gọi là ‘mâu thuẫn với câu nói của mình’.<sup>64</sup> Thí dụ như thiết lập mệnh đề, ‘Tất cả những gì được nói là sai’. [2] Nếu thiết lập ‘Trên phương diện chân tánh, tất cả pháp hữu vi đều không tồn tại’ là ý nghĩa của mệnh đề, thì nó sẽ phản đối mọi sự bằng cách coi chúng là không tồn tại. Như vậy, sở lập sẽ trở thành một quan điểm sai lầm.”<sup>65</sup>

[270a20] [Đáp:] Ở đây, thí dụ như có người nói: “Tôi chắc chắn dựa vào chính mình. Ai nói rằng một người nên dựa vào người trí? Tôi khéo léo tu dưỡng bản thân và do đó có thể đạt được hạnh phúc thăng thiên.” Người ấy nói ‘tâm là ngã’ trên mặt thế tục đế, và thiết lập ‘[tâm là] phi ngã’ trên mặt thắng nghĩa đế. Như vậy là không có mâu thuẫn trong lời nói của người ấy. Sai lầm trong lập tông

<sup>64</sup> Lập tông có 5 lỗi tương vi, đó là trái với trí hiện lượng, trái với trí tỷ lượng, trái với giáo lý của mình, trái với sự nhận thức của thế gian và trái với câu nói của mình.

<sup>65</sup> Các người phản bác cho rằng luận điểm của Thanh Biện “Chân tánh hữu vi Không” là không rõ ràng. Có thể có hai thuộc tính được suy ra, Không được hiểu theo nghĩa ‘huyền ảo’, hoặc nó có nghĩa là [1] ‘không thực’ hoặc [2] ‘không tồn tại’.

của tôi [mà ông chỉ ra ở trên] cũng giống như tình huống này. Đó là nói đến sự tồn tại của nhân, v.v. trên mặt thế tục đế, thiết lập tất cả các pháp đều là Không trên mặt thắng nghĩa đế. Như vậy, không có lỗi trong mệnh đề.

Thí dụ như có người nói, “*Tất cả pháp sinh đều phải có diệt. Những lời đức Mâu-ni nói chắc chắn không giả dối. Bản thân [mọi người/ Mâu-ni] được sinh ra rồi phải chết, vì sự sống và cái chết không tách rời nhau.*” Mệnh đề mà ông ta thiết lập có thể chứng minh việc ông ta ‘rồi cũng sẽ chết’, bởi vì cái chết được xác định trong mệnh đề không có gì mâu thuẫn với lời nói của ông ta. Sai lầm trong lập tông của tôi [mà ông chỉ ra ở trên] cũng giống như tình huống này. Trong mệnh đề, “*Về mặt chân tánh, các pháp hữu vi đều là Không, vì chúng được sinh ra từ các duyên*”, ngôn ngữ được sử dụng để thiết lập mệnh đề này cũng được sinh ra từ các duyên, cho nên cũng phải là tánh Không. Ngôn ngữ và tánh Không không tách rời nhau. Ngôn ngữ thiết lập mệnh đề có thể chứng minh rằng bản thân ngôn ngữ đó có bản chất trống rỗng. Tánh không của ngôn ngữ được thiết lập bởi mệnh đề không có lỗi gì khi làm vô hiệu mệnh đề của chính tôi.

[Tương tự như vậy,] một vị Phạm Chí thưa, “*Bạch Đức Thế Tôn, tôi không chấp nhận mọi sở kiến.*” Đức Phật trả lời, “*Này Phạm Chí, ông có chấp nhận sở kiến của chính ông không?*”<sup>66</sup> Ở đây, vị Phạm Chí chấp chặt sở kiến của chính

---

<sup>66</sup> Tạp A-hàm, kinh Trường Trảo, số. 969: “Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đa tại thành Vương xá. Bấy giờ có tu sĩ ngoại đạo là Trường Trảo đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật: ‘Thưa Cù-đàm, tôi không chấp nhận mọi sở kiến.’ Phật bảo: ‘Này Hòa chúng, ông nói không chấp nhận mọi sở kiến, vậy sở kiến này cũng chẳng chấp nhận luôn chăng?’ Trường Trảo ngoại đạo nói: ‘Đã nói không chấp nhận mọi sở kiến thì cái sở kiến này cũng không chấp nhận.’ Phật bảo Hòa chúng: ‘Biết như vậy, thấy như vậy thì sở kiến này đã đoạn, đã xả, đã lìa, các sở kiến khác không còn tương tục, không khởi, không sinh. Này Hòa chúng, nhiều người có cùng sở kiến như ông. Nhiều người cũng thấy như vậy, nói như vậy, ông cùng với họ giống nhau. Này Hòa chúng, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào xả bỏ các kiến chấp kia, các kiến chấp khác không khởi, thì hàng Sa-môn, Bà-la-môn này rất ít có ở thế gian. Này Hòa chúng, y cứ vào ba loại kiến. Những gì là ba? Có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi chấp nhận tất cả.’ Lại có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi không chấp nhận tất cả.’ Lại có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.’” (Thích Đức Thắng dịch) Phạm chí Trường Trảo là cậu của tôn giả Xá-lợi—phát, người đã từng dạy cho tôn giả về sách luận của ngoại đạo. Xem Trung bộ kinh, Số 74, kinh Trường Trảo (Dīghanakha Sutta)

mình, ông vẫn nói, "*Tôi không chấp nhận mọi sở kiến.*" Lời nói của ông ta mâu thuẫn với luận điểm của chính mình, ông ta có lỗi làm vô hiệu lời nói của chính mình. Không phải mọi trường hợp đều có lỗi như vậy.

[270b13] Trong một số trường hợp, Đức Thế Tôn nói, "*Tất cả hành đều không có ngã*", và vào những dịp khác, Ngài nói, "*Các hành là vô thường, có pháp sinh diệt*".<sup>67</sup> Nếu nó không giống như lời giải thích ở trên, Đức Phật nên có cùng một lỗi khi Ngài nói, "*Tất cả các hành đều vô ngã và vô thường*". Tuy nhiên, Đức Phật không có lỗi như vậy, vì mệnh đề phủ nhận cả ngã tánh và thường tánh của các hành. Mệnh đề này cũng chấp nhận nguyên lý ‘vô ngã’ là thường hằng. Tình huống tương tự xảy ra trong mệnh đề của tôi: Khi nói ‘hữu vi Không’ cũng tức là chấp nhận ‘tánh Không’. Điều này thuận hợp với ý nghĩa chúng ta đã thừa nhận. Thế nhưng ông nói rằng, "*Cách sử dụng ngôn ngữ này đã phá vỡ luận điểm mà ông thiết lập*".

Thêm nữa, các vị phái Số Luận thiết lập ba yếu tánh hiển nhiên: khổ, lạc và si làm tự tánh của mọi sự vật hiện tượng. Có người phản đối, "*Nếu khổ, lạc và si là tự tánh nội tại của mọi sự vật hiện tượng, thì ngôn ngữ để thiết lập mệnh đề của họ cũng nên có khổ, lạc và si làm tự tánh của nó. Nếu khổ, lạc và si không phải là tự tánh ngôn ngữ của mệnh đề, chúng không nên là tự tánh của mọi sự vật hiện tượng.*" Tuy nhiên, không có lỗi như vậy trong mệnh đề họ thiết lập. Giống như mệnh đề "*Các pháp hữu vi là vô thường, vô ngã*" cũng không có cái lỗi mà người ấy chỉ ra. Ở đây cũng vậy, mệnh đề [của chúng tôi] không có lỗi như vậy, vì nó đã được công nhận.

---

<sup>67</sup> Tăng Nhất A-hàm, phẩm Tám Nạn, kinh số 3: “Thế Tôn bảo: Thôi, thôi! Các người chớ ôm lòng sầu ưu. Vật phải chịu hủy hoại mà muốn nó không bị hủy hoại, không hề có lý này. Trước đây, Ta đã có nói, do bốn sự mà được tác chứng. Ta cũng đã dạy cho chúng bốn bộ bốn sự này. Những gì là bốn? Tất cả hành là vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất. Tất cả hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai. Tất cả hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba, niết-bàn là diệt tận, đó là pháp thứ tư. Như vậy, không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Các người nên biết gốc bốn pháp này, hãy giải giảng ý nghĩa đó cho khắp tất cả chúng sinh.” (Thích Đức Thắng dịch)

[270b25] [Hỏi:] Lại nữa, những luận giả đó không thể bào chữa luận điểm của họ, trái lại họ phê phán, “*Nếu xét về mặt chân tánh, các pháp hữu vi là không thực, thì ngôn ngữ chứng minh tánh không thực của các pháp hữu vi cũng nên là không thực.*”

[Đáp:] Sự phê phán này không thể che đậy lỗi lý luận của mình bằng cách chỉ ra sai sót trong lý luận của người. Giống như việc một tên trộm ngu đần bị bắt, không thể chứng minh được sự vô tội của mình, mà thay vào đó, buộc tội người khác, “*Ông cũng là một tên trộm*”. Đây không phải là ngôn từ xuất phát từ sự cân nhắc kỹ lưỡng.

[Hỏi:] Họ nói thêm, “*Nếu ‘Về mặt chân tánh, tất cả pháp hữu vi đều không tồn tại’ là nghĩa của lập tông, thì nó sẽ bác bỏ luôn [mệnh đề] ‘Tất cả pháp hữu vi đều không tồn tại’. Sở lập như vậy sẽ trở thành một quan điểm sai lầm.*”

[Đáp:] Ở đây, nghĩa lập tông của tôi đã được chứng minh đầy đủ ở trước, đó là: Có sự sai biệt của cách hiển hiện hư vọng giữa Không và vô tánh; không phải tất cả các tồn tại đều được coi là không tồn tại. Ông không nên nạn vấn như vậy [chống lại chúng tôi].

### 2.1.9 Trả lời cho những luận giả thông duệ và kiêu ngạo

[270c06] [Phản đối:] Lại nữa, một số luận giả thông duệ và kiêu ngạo đã biện bác sau đây: “*Nếu tất cả pháp hữu vi, về mặt thẳng nghĩa để, giống như huyễn ảo, v.v., đều là Không và không có tự tánh, điều này có nghĩa là chúng không tồn tại*<sup>68</sup>. *Chấp trước sự không tồn tại trở thành quan điểm về sự đoạn diệt*<sup>69</sup>.”

---

<sup>68</sup> Phi hữu 非有 (asat): không thuộc hữu tánh, tức không tồn tại.

<sup>69</sup> Vô kiến 無見: Cũng gọi là Đoạn kiến 斷見, Đoạn diệt kiến 斷滅見. Thừa nhận thân tâm và thế giới đều đoạn diệt, không tồn tại; giống như thừa nhận con người sau khi chết, bụi trở về bụi, đất trở về đất, không có cái gì tồn tại.

[270c08] [Trả lời:] Họ sẵn sàng che giấu lỗi lầm trong luận điểm của mình bằng cách buông lời phỉ báng ấy. Luận điểm và lời phỉ báng đều có lỗi. Chớ suy diễn theo luận điểm của những luận giả tánh Không để rồi phỉ báng thẳng nghĩa đế, và do đó có sai lầm lớn. Luận điểm về ‘Không’ của tôi đưa ra là để làm nổi bật mặt phủ định, và từ ‘không tồn tại’ chỉ được sử dụng để phủ định ‘hữu tánh’. Ngoài chức năng này, không có chức năng nào khác để chứng minh các ý nghĩa khác. Thí dụ một người thông thường nói: “*Không phải vải lụa trắng,*” những người khác không nên vin vào câu này để diễn tả vải lụa đen, và qua cách suy diễn này, thậm chí còn chỉ ra lỗi của người nói đối với câu nói của họ. Chức năng của dòng chữ “*Không phải vải lụa trắng*” là chỉ để phủ định vải lụa trắng, và ngoài chức năng này, không có tác dụng nào khác để diễn tả vải lụa màu đen, đỏ hoặc vàng. Nay trong luận này, nói mặt thẳng nghĩa đế nơi các pháp hữu vi là để tránh biên chấp *thường kiến*, bằng cách phủ định ‘hữu tánh’; cũng vậy, [nói mặt thế tục để nơi các pháp hữu vi] là để tránh biên chấp *đoạn kiến*, bằng cách phủ định ‘vô tánh’. Tránh xa hai thái cực bằng cách phủ định cả ‘hữu tánh’ và ‘vô tánh’. Để tránh lỗi lầm của các chấp trước mê lầm khác, tất cả các đối tượng mà tâm hoạt động<sup>70</sup> phải được phủ định. Khi các đối tượng mà tâm hoạt động diệt mất, tâm theo đó cũng diệt mất. Trong một trường hợp Đức Phật nói với tôn giả A-nan-đà rằng: “*Chấp trước vào hữu tánh thì rơi vào thường biên, chấp trước vào vô tánh thì rơi vào đoạn biên.*”<sup>71</sup>

<sup>70</sup> Nhất thiết tâm chi sở hành 一切心之所行: đối tượng mà tâm hoạt động.

<sup>71</sup> Tạp A-hàm, quyển 34, Kinh Hữu Ngã, số 961. Luận Câu-xá, phẩm Phá Chấp Ngã, tr. 156a05: “Đức Thế Tôn bảo tôn giả A-nan-đà rằng: Nay A-nan-đà (Ānanda), một vị xuất gia ngoại đạo tên là Phiệt-sa (筏蹉, Vatsagotra) đã đến đặt câu hỏi với ta như thế này: ‘Có hay không có ngã (ātman)?’ và ta đã không trả lời ông ta. Bởi vì nếu trả lời có ngã tức trái với sự thật của các pháp, bởi vì không có pháp nào là ngã hoặc liên hệ đến ngã. Nếu trả lời không có ngã tức sẽ làm cho Tánh-phiệt-sa ngu muội thêm, bởi vì người này sẽ nghĩ: “Ta đã có ngã nhưng giờ đây ngã này không còn thực hữu”. Nếu đem so sự ngu muội này với lòng tin vào sự hiện hữu của ngã (đối chấp hữu ngu) thì sự ngu muội trầm trọng hơn. Người nào chấp ngã thì bị rơi vào thường kiến (sāsvatānta); và người nào chấp không có ngã thì lại rơi vào đoạn kiến (ucchedānta). Hai lỗi lầm này nhẹ, nặng khác nhau” (Đạo Sinh dịch)

Phiệt-sa xuất gia ngoại đạo 筏蹉出家外道: Trong Tạp A-hàm là Bà-sa chủng xuất gia 婆蹉種出家, Pāli: Vacchagotta-paribbājaka, tu sĩ thuộc chủng tộc Vaccha.



Vào một dịp khác, Đức Phật nói với tôn giả Đại Ca-diếp rằng: “*Hữu là một bên, vô cũng là một bên.*”<sup>72</sup> Theo những trích dẫn trong A-cấp-ma (Āgama)<sup>73</sup> và những đạo lý đã được nêu, luận điểm tôi thiết lập không có lỗi của quan điểm về sự đoạn diệt, vốn bị ô uế như phân.

### 2.1.10 Trả lời những người không thể chấp nhận sai sót trong luận điểm

[270c24] [Hỏi:] Những người không thể chấp nhận hàng loạt lỗi làm tập hợp trong luận điểm của họ, để che đậy sai lầm của họ, một lần nữa, đã phát biểu sau đây: “*Mặc dù các luận giả tánh Không thường ưa tìm câu tuệ vô phân biệt, nhưng họ luôn phân biệt tánh Không của tất cả pháp hữu vi và pháp vô vi. Sự phân biệt đó trở thành sự phân biệt hư vọng, biến kế sở chấp. Họ phá hủy luận điểm mà họ ưa thích.*”

[Đáp:] Lập luận này đã bị bác bỏ, và do đó luận điểm của tôi không có lỗi như vậy.

### 2.1.11 Trả lời một số đối thủ khác

---

<sup>72</sup> Kinh Đại Bảo Tích, phẩm Pháp hội Phổ Minh Bồ tát, thứ 43, tr. 633c19: “Lại này Đại Ca Diếp! Hữu là một bên, vô cũng là một bên, còn giữa hữu và vô thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có tri giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch) (復次, 迦葉! 有是一邊, 無是一邊; 有無中間, 無色無形無明無知, 是名中道諸法實觀.)

<sup>73</sup> Tập A-hàm, kinh số 961, Hữu Ngã: “Phật bảo A-nan: Nếu Ta đáp là có ngã, sẽ làm tăng tà kiến có từ trước của kia. Nếu đáp rằng không ngã, thì sẽ làm cho nghi hoặc trước kia, há không tăng thêm nghi hoặc sao? Nói rằng trước có ngã, từ nay sẽ đoạn diệt. Nếu trước vốn có ngã, đó là thường kiến; mà nay đoạn diệt, đó là đoạn kiến. Như Lai lia hai bên, thuyết pháp ở giữa. Nghĩa là: ‘Cái này có, nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia sanh. Đó là, duyên vô minh nên có hành... *cho đến* sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt.’” (Thích Đức Thắng dịch)

[270c27] [Hỏi:] Những người khác lập luận thêm, “*Nhân về ‘tánh Không’ mà ông thiết lập, bất kể nó theo mặt thẳng nghĩa hay thế tục, và dù nó liên quan đến học thuyết của ông hay của đối thủ, nghĩa của nhân chẳng được thành lập.*”

[Đáp:] Nhân phải được công nhận bởi cả hai tông và được nhìn nhận như là cơ sở luận lý mang tánh tổng quát<sup>74</sup>. Thế nhưng ở đây nó không được phân tích bởi một người hiểu rõ Chánh lý<sup>75</sup>, do đó luận điểm mà ông chất vấn chúng tôi có lỗi ‘tợ nhân bất thành’<sup>76</sup>, chứ không phải do ‘chân nhân’ mà chẳng được thành lập. Thí dụ, người phái Thắng Luận đặt ra luận điểm rằng, “*Âm thanh là vô thường, bởi vì nó có tánh chất được tạo ra.*” Người phái Thanh Thường Trú Luận<sup>77</sup> chỉ ra lỗi của

---

<sup>74</sup> Tổng tướng pháp môn 總相法門.

<sup>75</sup> Minh chánh lý giả 明正理者.

<sup>76</sup> Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý, tr. 11c09: “Nhân mắc phải ba điều là: bất thành, bất định và tương vi, nên gọi là trợ nhân. Nhân bị lỗi bất thành có bốn: 1. Cả hai bên đều không công nhận cho thành lập. 2. Chỉ một bên không công nhận cho thành lập. 3. Do dự chẳng được thành lập. 4. Chỗ nương tựa chẳng được thành lập.”

<sup>77</sup> Thanh luận 聲論: Cũng gọi Thanh thường trú luận 聲常住論 (nityasabdavāda, Thanh luận sư. Chỉ cho chủ trương chấp trước âm thanh là thường còn, là 1 hệ phái triết học ở Ấn độ, chủ trương quan niệm là thường hằng và âm thanh là thường trụ. Nghĩa là chủ trương cho âm thanh là sự tồn tại thực tại (reality) của vũ trụ, còn tiếng nói của con người là từ âm thanh thực tại của vũ trụ mà phát rõ ra, chứ không phải con người là phù hiệu của tánh âm thanh. Thuyết này bắt nguồn từ sự cầu đảo ở thời đại Phạm thư, tức sự cầu đảo có tác dụng của sức thần linh chi phối, do đó cấu thành ngôn ngữ cầu đảo, có sức thần bí vô hạn tuyệt đối. Trong tư tưởng Phệ đà của Ấn độ, Phệ đà được cho là tiên thiên thường trụ, là 1 thực tại chân thực tuyệt đối, cho nên âm thanh của Phệ đà cũng được giải thích là 1 thực thể tuyệt đối bất biến, là chuẩn tắc nhận thức các pháp, có năng lực quyết định sự đúng, sai của những điều được nói ra. Thuyết này từ xưa đã lưu hành trong giới Bà la môn, đặc biệt nó là chỗ y cứ quan trọng của phái văn điển Ba nhĩ ni (Phạm:Pāṇini) về sau, cho đến khi các học phái như Di mạn sai (Phạm: Mīmāṃsā), Phệ đàn đa (Phạm: Vedānta)... hưng khởi, lập ra Thanh thường trú luận, rồi từ đó diễn sinh 2 phái là Thanh hiển luận và Thanh sinh luận, cho rằng tất cả âm thanh đều là thường trụ bất biến. Trong đó, Thanh sinh luận (Phạm: Janma-vāda, tức luận thuyết về sự sinh khởi của âm thanh), chủ trương âm thanh vốn không có, chỉ do sau khi phát âm mới có và từ đó cứ thường còn mãi. Thanh hiển luận (Phạm: Abhivyakti-vāda), cho rằng trước khi phát âm thì âm thanh đã có rồi, đến khi phát âm mới hiển rõ ra, tức âm thanh là thường trụ. Thanh hiển luận là chủ trương của phái Di mạn sai, là tông Tông duyên hiển liễu trong 16 tông ngoại đạo. Còn về Thanh sinh luận thì có nhiều thuyết, hoặc cho là thuyết của phái Di mạn sai, hoặc cho rằng do 1 phái không rõ tên nào đó lập ra, hoặc cho là thuyết của phái Thắng luận... Hai phái trên đây thường tranh luận với phái Thắng luận, phái Số luận, phái Chính lý, và cả với Phật giáo vốn chủ trương âm thanh là vô thường, đặc biệt tranh luận với phái Thắng luận là nổi tiếng nhất. Các vị Đại luận sư của Phật giáo như Vô trước, Thế thân, Trần na, Hộ pháp... đều bác bỏ thuyết Âm thanh thường trụ. Như các nhà Nhân minh dùng Nhân được tạo tác ra để bác bỏ Thanh sinh luận và dùng Nhân do sự cần dùng không gián đoạn phát ra để bác bỏ Thanh hiển luận. [X. luận Thành duy thức Q.1; luận Phương tiện tâm; luận Du giả sư địa Q.6; luận Hiển dương thánh giáo Q.9; luận Nhân minh nhập chính lý; luận Nhân minh chính lý

họ bằng cách nói, “*Họ giải thích nghĩa của nhân*<sup>78</sup> *bằng cách khẳng định rằng, ‘Âm thanh được tạo ra bằng cổ họng hay gây gộc, v.v.’ Như vậy, sự giải thích nghĩa của nhân không thành công.*”<sup>79</sup> Các vị phái Số Luận cho rằng, “*Năm căn của hữu tình có khả năng thấy, nghe, ngửi, v.v. chẳng phải là các sắc sở tạo, bởi vì chúng có tánh chất của căn, giống như ý căn.*”<sup>80</sup> Những người ủng hộ thuyết ‘năm căn là các sắc sở tạo’ nói lỗi của người phái Số Luận, “*Tánh chất của căn làm nhân: hoặc là tánh chất của bốn đại tạo sắc, hoặc là tánh chất của khổ, lạc và si (tri-guṇa). Sự giải thích nghĩa của nhân như vậy sẽ không thành công cho cả phe của họ và phe đối thủ.*” Hai luận điểm trên đây có lỗi ‘tợ nhân bất thành’, chứ không phải ‘chân nhân’ mà chẳng được thành lập, bởi vì không hợp lý. Trường hợp ‘nhân’ này là như thế.

### 2.1.12 Trả lời những phê bình về dụ

[271a09] [Hỏi:] Lại có những luận giả khác vốn thông minh mà kiêu ngạo, ưa thích luận điểm của chính họ, những kẻ mà con mắt tuệ bị che khuất, không thể quán sát sự khác biệt giữa được và mất, giữa sự quý báu của thiện thuyết<sup>81</sup> và sự bản thủ của tự luận, nên họ nói xằng về lỗi của những thí dụ cho ‘sở lập’ của

---

môn; Thành duy thức luận thuật kí Q.1, phần cuối; Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương Q.1, phần đầu; Nhân minh nhập chính lí luận số Q.thượng, phần cuối; Ấn độ trung thế tinh thần sử thượng (Kim thương Viên chiếu); Triết học đích tư sách chỉ Ấn độ chi triển khai (Trung thôn nguyên)].

<sup>78</sup> Tạo ra quả chính là nguyên nhân. Đại Tỳ-bà-sa luận, quyển 127, tr. 663a27: “Tạo [tác] là nghĩa của nhân.”

<sup>79</sup> Vì cả hai bên (Thắng Luận và Thanh Thường Trú Luận) đều chấp nhận cùng một nhân (âm thanh được tạo ra), đối với mỗi bên, không có bất kỳ lý do nào để chỉ ra lỗi của bên kia.

<sup>80</sup> Theo phái Số Luận, năm cơ quan của tri giác (jñana-indriya) có các chức năng như thị giác, thính giác, v.v. không được cấu tạo bởi các yếu tố vật chất.

<sup>81</sup> Thiện thuyết 善說: “Thành tựu năm chi phần, này các Tỳ kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích. Thế nào là năm? Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm.” (Tăng Chi Bộ II, chương 5, phẩm Bà la môn, phần Lời nói – H.T Thích Minh Châu dịch)

chúng tôi, rằng: “*Oai thần, chú thuật, dược lực được thực hiện trên các loại hoa quả, cây cối và đá, v.v. , khiến cho các loại sắc tướng: voi, ngựa, thỏ, v.v. hiển hiện. [1] Tông của chúng tôi không nhìn nhận những thí dụ ấy là tự tánh Không.*<sup>82</sup> Do đó, đồng dụ này bị bỏ qua, vì không có gì để thiết lập. [2] Nếu các ông nói, ‘*Các tướng như huyễn ảo: con voi, con ngựa, v.v. không có tự tánh của những con voi thật, con ngựa thật, v.v., chúng nên được coi là trống rỗng. Nhãn căn, v.v. cũng như vậy, [như các tướng huyễn ảo],*<sup>83</sup> và được thiết lập là trống rỗng bởi vì không sở hữu tự tánh của cái khác’, thì luận điểm của các ông có lỗi. Ngay sau khi mệnh đề được thiết lập, lỗi được hoàn thành.”

[271a16] [Đáp:] Điều khiển trách này là không đúng. Sau khi có oai thần, chú thuật, dược lực được thực hiện trên các loại thảo mộc, cây cối và đá, v.v., các duyên ấy hiển hiện ra các tướng: voi, ngựa, v.v. Bởi vì những con voi, con ngựa, v.v. là tánh Không, chúng có thể được sử dụng làm thí dụ, cho nên nghĩa của mệnh đề được thành lập. Nếu các ông phản đối thêm, “*Mặc dù những con voi và con ngựa này, v.v. được tạo ra bởi ma thuật, không có tánh chất của những con voi thật, con ngựa thật, v.v., thật là sai lầm khi suy luận rằng, tánh chất của những con voi thật, con ngựa thật, v.v. này là trống rỗng, bởi vì tánh chất của con voi, con ngựa v.v. được tạo bởi ma thuật là trống rỗng. Nếu một cái gì đó xuất hiện dưới tướng trạng nào đó, thì tánh chất của tướng trạng ấy phải tồn tại. Giống như những bông hoa và trái cây mà ông chấp nhận.*” Vậy thì, các hình tướng như voi, ngựa, v.v. được tạo ra bởi ma thuật nên có tánh chất của con voi thật, con ngựa thật. Trên thực tế, chúng không có những tánh chất ấy. Vì vậy, nên biết rằng, tự tánh của những hình tướng như voi, ngựa, v.v. được tạo ra bởi ma thuật đều là Không. Thế nên, những thí dụ mà chúng tôi đề cập là thực hữu, cho nên nghĩa của

---

<sup>82</sup> Đó là vì hoa quả, cây đá thì tồn tại.

<sup>83</sup> Lập luận này có nghĩa là, mặc dù nhãn căn không sở hữu bản chất của cái khác, nhưng nó có bản chất tự nhiên của chính nó. Do đó, nó không nên được coi là trống rỗng.

mệnh đề được thành lập. Cũng không có lỗi ‘thiết lập cái đã thành lập’, bởi vì các pháp hữu vi như mắt, v.v. là tánh Không, nếu xét trên luận điểm ‘tự tánh Không’.

### 2.1.13 Trả lời một số người có ý tưởng khác với tánh Không

[271a27] [Hỏi:] Lại nữa, một số người có tri kiến khác về Không, phát biểu về lỗi của thí dụ: "*Mặc dù người huyễn<sup>84</sup> đó không phải là người thật, cho nên gọi là Không, nhưng tự tánh của người huyễn ấy không phải là Không, bởi vì có sự biểu hiện hư vọng bởi hình bóng của người huyễn. Theo đạo lý này thì cú nghĩa của pháp sở lập (: tông) không thành, vì thí dụ không thành.*"

[Đáp:] Bây giờ, chúng ta nên đặt câu hỏi với họ, "*Có phải những hình bóng của người huyễn ấy được tạo ra từ các duyên không?*" Đối phương trả lời, "*Có, chúng được tạo ra từ các duyên.*" Nếu vậy, lý do gì gọi là hư vọng? Hư vọng là cái gì đó không tồn tại như những gì nó xuất hiện. Phải chăng nhãn căn, v.v. được tạo ra từ các duyên và không tồn tại như những gì nó xuất hiện? Đồng dụ [đối với pháp sở lập] được thành lập, và do đó, nghĩa ‘tánh Không’ được thành lập. Ông phải tin nhận.

[271b05] [Hỏi:] Họ trả lời lại: "*Chúng ta không nên chấp nhận, bởi vì người huyễn ấy không phải là người thật. Qua quán sát kỹ càng về tánh tương đối của người thật, người huyễn này được coi là trống rỗng, vì là hư vọng. Các ông đã không thiết lập pháp hữu vi như nhãn căn, v.v. nói ở trước theo cách khác: tách riêng nhãn căn, v.v. với pháp hữu vi. Nếu các ông thiết lập như vậy, qua sự quán sát kỹ càng về tánh tương đối của chúng, thì có thể nói rằng nhãn căn, v.v. là tánh Không. Trong tình huống như vậy, nó có thể được chấp nhận.*"

---

<sup>84</sup> Huyền sĩ 幻士, Skt. māya-puruṣa.

[271b09] [Đáp:] Mặc dù không có nhãn căn, v.v. được thiết lập tách biệt với nhãn căn, v.v. mà được thảo luận ở đây, [các pháp hữu vi] có ‘bản chất trống rỗng’ và ‘sinh ra từ các duyên’. Do đó, hai pháp năng lập và sở lập được thành tựu. Qua thí dụ này, đủ chứng minh được nghĩa của thí dụ. Nếu bây giờ ông phân biệt sự sai biệt giữa pháp và dụ, nó sẽ dẫn đến lỗi phân biệt sự tương tự.<sup>85</sup> Điều đó tiết lộ kiến thức ít ỏi của kẻ địch luận. Thí dụ, người phái Thắng Luận nhấn mạnh rằng, “*Âm thanh là vô thường, bởi vì nó có tánh chất được tạo ra, giống như một cái bình.*” Những người chống đối điều đó không nên vặn hỏi: “*Một cái bình được tạo nên bởi đất sét, bánh xe, v.v., nó có thể bị đốt cháy, có thể thấy được, bị vỡ bởi một cú đánh của cây gậy, nó là vô thường. Âm thanh không giống như cái bình, nên nó chẳng phải là vô thường.*” Đây cũng là phân biệt sự sai biệt giữa pháp và dụ, và nó cũng dẫn đến lỗi phân biệt sự tương tự.<sup>86</sup> Vì vậy, các ông nên tin nhận ‘nhãn căn, v.v. đều là tánh Không’, bởi vì tánh Không chẳng tách rời sinh nhân là ‘các duyên’. Hơn nữa, ‘các tướng biểu hiện liền có tự tánh’ đã bị phủ nhận trước đây. Ở

<sup>85</sup> Trong Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận Sớ Sao 因明入正理論疏抄 (Tục tạng, X53, No. 855) nói đến Phân biệt tương tự quá loại 分別相似過類 (lỗi phân biệt sự tương tự), là lỗi thứ 3 trong 14 lỗi của nhân mà đối thủ nhằm lẫn khi phân biệt lý lẽ và tấn công luận điểm. Trong trường hợp này, tất cả các tồn tại, tức là mắt, v.v., và tồn tại hư vọng đều thuộc cùng một phạm trù về mặt quan hệ nhân quả tạo ra. Tuy nhiên, các đối thủ tấn công luận điểm bằng cách phân biệt chúng.

<sup>86</sup> Trong đối luận Nhân minh, kẻ địch luận (người vấn nạn) vì muốn phá luận thức (lượng) của người lập luận, nên đối với Đồng dụ, cưỡng dùng sự sai biệt của vật tánh để công kích, bác bỏ luận thức của đối phương. Nhưng vì luận thức của người lập luận là đúng đắn, nên kẻ địch luận lại tự chuốc lấy lỗi Phân biệt tương tự quá loại (lỗi phân biệt sự tương tự) này. Như Thắng luận sư lập luận thức: Tông: Âm thanh là vô thường. Nhân: Vì là do sự cần dùng không gián đoạn mà phát sinh (tức do sự tác động của ý chí mà phát sinh). Đồng dụ: Như cái bình. Dị dụ: Như hư không. Đối lại, Thanh luận sư (chủ trương âm thanh là vô thủy vô chung) lập luận thức: Tông: Âm thanh là thường (tức vô thủy vô chung). Nhân: Vì nó không thể bị thiêu đốt, không thể nhìn thấy nó. Đồng dụ: Như hư không. Dị dụ: Như cái bình. Rồi Thanh luận sư phân tích về tánh chất sai khác của các vật mà cho rằng cái bình có thể thiêu đốt được, có thể thấy được, còn âm thanh thì không thể thiêu đốt được, không thể thấy được và kết luận: Nếu cái có thể thiêu đốt được, có thể thấy được là vô thường, thì cái không thiêu đốt được, không thấy được là thường, đồng thời, lấy cái nghĩa không thể thiêu đốt được, không thể thấy được là chung cho cả tâm, tâm sở vô thường và hư không thường trụ mà cưỡng gán cho đối phương là đã vi phạm lỗi bất định, nhưng thực thì chính kẻ địch luận đã vi phạm lỗi Phân biệt tương tự này. Lỗi này tương đương với Trường tương nạn (長相難) thứ 3 trong Diên Đảo Nạn nói trong phẩm Đạo Nạn của luận Như Thật. [X. Nhân minh luận sớ thụy nguyên ký Q.8; Nhân minh luận lý khái luận (Pháp Phong)].

đây cũng là trường hợp tương tự. Vì vậy, những gì ông nói không thể cứu vãn được lỗi của chính tự tông của các ông.

### 2.1.14 Đáp lại phái Số Luận (Sāṃkhya)

[271b20] [Hỏi:] Một số người phái Số Luận vấn nạn như sau: "*Chúng tôi thiết lập rằng, 'Sự chuyển biến của đại (mahat) các thứ là một cái gì đó được biểu hiện'*<sup>87</sup>. [Do đó,] nhân '[đại (mahat) các thứ] sinh ra từ các duyên' chẳng được thành lập. Bởi vì 'tất cả [pháp] đều có tất cả thể' và 'các căn biến khắp tất cả xứ'<sup>88</sup>, cho nên người huyễn kia cũng có tự thể này. Nếu thiết lập tất cả pháp là tánh Không, thì không có 'đồng pháp dụ'.<sup>89</sup>"

[271b23] [Đáp:] Ở đây, hãy dựa vào sự giác tri về sắc để quan sát [lý thuyết của ông]. Sự giác tri về các sắc không đơn giản được hiển hiện bởi các đối tượng cảm nhận, bởi vì tùy theo các duyên khác nhau mà có sự chuyển dị. Thí dụ, tùy theo các duyên khác nhau như đất sét, bánh xe, gậy, tâm ưa thích của người thợ gốm, v.v. mà có các bình chậu khác nhau, kích thước lớn nhỏ khác nhau. Do đó,

---

<sup>87</sup> Bản thể hay tự tánh (pradhāna tức prakṛti) chuyển biến thành đại (mahat) v.v. gồm 23 hay 25 yếu tố. Số luận là triết thuyết nhị nguyên luận, với hai bản thể: Thần ngã (Puruṣa), bản thể tâm linh; và Tự tánh (Prakṛti), bản thể của vật chất. Từ tự tánh, khi kết hợp với Thần ngã, phát sinh 23 sự thật, theo thứ tự: đại (mahat), ngã mạn (ahaṃkāra); từ ngã mạn phát sinh 16 thứ: 11 căn (indriyāni, gồm: 5 tri căn: tai, da, mắt, lưỡi, mũi; 5 tác căn: lưỡi, tay, chân, nam nữ căn, đại di căn; và tâm căn) và năm duy (pañca tanmātrāṇi, gồm: thanh, xúc, sắc, vị, hương); từ 5 duy phát sinh 5 đại (pañca mahābhūtāni, gồm: không, phong, hỏa, thủy, địa). Trong đó, một nguyên lý duy bản chất là tự tánh; duy biến thái gồm có 5 đại và 11 căn vì được sinh từ cái khác chứ tự thân không làm bản chất để phát sinh cái khác; vừa bản vừa biến gồm đại, ngã mạn và 5 duy vì được sinh từ cái khác và cùng phát sinh ra cái khác. Thần ngã phi bản, phi biến. Tổng thể, có tất cả 25 nguyên lý, từ đó phát sinh tất cả mọi hiện tượng. [X. Kim thất thập luận, Q. Thượng (T54n2137, tr.1245a8-b30)]. Theo Kim thất thập luận, No. 2137, tr. 1250b15: Vì Thần ngã là bản thể tâm linh và Tự tánh là bản thể của vật chất, sự hợp tác của chúng để tạo ra vũ trụ được so sánh với một người què (Puruṣa), người biết đường nhưng không thể đi và một người mù (Prakṛti), người có thể đi bộ nhưng không biết đường; người mù đặt người què lên vai và cuối cùng cả hai đến nơi họ muốn, tức là tạo ra vũ trụ.

<sup>88</sup> Chỉ cho Mười hai xứ: sáu căn và sáu cảnh.

<sup>89</sup> Vì không có gì không bị tự tánh (prakṛti) biến mãn, dù chỉ là ảo ảnh, nên không có thí dụ nào đồng pháp về tánh Không.

tùy theo các duyên khác nhau như mắt, v.v., mà giác tri về sắc có đủ loại chuyển dị. Theo độ mờ tỏ của con mắt, sự nhanh nhạy của giác tri và màu sắc khác nhau của các đối tượng: xanh, v.v., mà cảm nhận tương tự về màu sắc hiển hiện khác nhau. Những gì thế gian hiện thấy chính là sự vật được hiển hiện bởi giác tri, không chuyển biến theo các duyên đó; thí dụ, sự vật khác nhau như vòng đeo tay, v.v., được hiển hiện bằng đèn sáng, cây thuốc, ngọc châu và mặt trời. Sự giác tri về các sắc thì không giống vậy. Như quan sát sự giác tri về các sắc, nhãn căn, v.v. cũng vậy. Ý nghĩa này thực sự là cách hiểu biết theo quy ước chung. Do đó, ‘nhân’ đã nêu không có lỗi ‘chẳng được thành lập’.

[271c03] Thêm nữa, dựa vào yếu tánh hiển nhiên<sup>90</sup> hay sự dụng tiềm ẩn<sup>91</sup>, ông có nói rằng, “*Tất cả [pháp] đều có tất cả thể*”?

Nếu dựa vào yếu tánh hiển nhiên, chấp “*Tất cả [pháp] đều có tất cả thể*”, thì yếu tánh hiển nhiên nơi một cái bình không chỉ tồn tại trong một cái bình mà còn có mặt trong một cái chậu, vì yếu tánh hiển nhiên của một cái bình tồn tại khắp cả mọi tự thể. Như vậy, một cái bình sẽ biến mãn vô số trăm ngàn du-thiện-na<sup>92</sup> xứ. Trong một cái bình, nên có yếu tánh hiển nhiên của một cái chậu. Không chỉ yểm ánh<sup>93</sup> yếu tánh hiển nhiên của một cái bình mà còn yểm ánh yếu tánh hiển nhiên của một cái chậu qua kích thước<sup>94</sup> to lớn của nó. Một kích thước to lớn nên được chuyển thành một yểm ánh to lớn, bởi vì yếu tánh hiển nhiên của một cái bình đã được yểm ánh trong yếu tánh hiển nhiên của một cái chậu, không thể thủ đắc

---

<sup>90</sup> Hiển sự 顯事.

<sup>91</sup> Ẩn dụng 隱用.

<sup>92</sup> Du-thiện-na 踰膳那 (Yojana): Còn gọi là du-tuần, du-xà-na, do-tuần. Đơn vị đo đường dài ở Ấn Độ. Theo thuyết của các học giả cận đại như ông J. Fleck đối do tuần tánh theo cây số ngàn (kilometre) thì một do tuần xưa bằng 19,5 km; theo quốc tục Ấn độ là 14,6 km, Phật giáo là 7,3 km; nếu theo thuyết của ông Major Vost thì một do tuần xưa bằng 22,8 km, quốc tục Ấn độ là 17 km, Phật giáo là 8,5 km.

<sup>93</sup> Yểm ánh 掩映: hai bên vừa che đậy vừa làm nổi bật nhau, thấp thoáng, ẩn hiện, phản ánh.

<sup>94</sup> Hình lượng 形量 (pramāṇa): kích thước, số lượng, tiêu chuẩn.



chúng ở bất cứ thời gian và không gian nào. Do đó, lập luận của ông dựa vào yếu tánh hiển nhiên, chấp “*Tất cả [pháp] đều có tất cả thể*”, sẽ không hợp lý.

[271c12] Nếu dựa vào sự dụng tiềm ẩn, chấp “*Tất cả [pháp] đều có tất cả thể*”, thì sự chấp đó phải được quan sát sâu rộng để biết chính xác nó là thật hay chẳng thật. Sợ rằng văn bản quá nhiều, nên tôi không quan sát sâu rộng.

Tông của ông cũng chấp nhận rằng, người thật biểu hiện sự trống rỗng của vật chất mà người huyễn biểu hiện. Vì vậy, thí dụ của tôi không có lỗi ‘bất thành’, và nghĩa ‘tánh Không’ mà tôi thiết lập là hợp lệ. Ông và các luận sư Số Luận không dựa trên cơ sở nào để chỉ trích luận điểm của tôi. Không phải “*Các căn biến khắp tất cả xứ*”, bởi vì mỗi căn phải có nguyên nhân, tức là xứ mà căn dựa vào. Như vậy, lý thuyết cho rằng, “*Bản thể của vật chất (prakṛti): khổ (rajas), lạc (sattva), si (tamas), là sinh nhân của giác huệ (buddhi),*” là nhân tố nghiệm chứng của nhiều chủng loại, và cần được giải thích rộng rãi. Do phá luận điểm “*Các căn biến khắp tất cả xứ*”, thế nên trong người huyễn không có bản thể của các căn. Điều đó không phải là luận đề về tánh Không, cho nên không có ‘đồng pháp dụ’. Vì vậy, ông bị yêu quái mê hoặc để đưa ra khẳng định như vậy, trở thành sự phân biệt hư vọng.

## **2.2 Những bình luận về y tha khởi tánh (paratantra) của phái Tương ưng (Yogācāra)**

### **2.2.1 Giải thích tánh Không của luận sư Tương ưng (Yogācārin)**

[271c22] [Hỏi:] Theo các luận sư Tương ưng, có một khẳng định, “*Ông xét ‘Các pháp hữu vi là Không về mặt chân tánh, bởi vì chúng được tạo ra từ các duyên’.* Nếu câu này có nghĩa là, ‘*Tất cả pháp hữu vi đều được tạo ra từ các duyên, chứ không phải hiện hữu một cách tự nhiên, do đó, chúng được thiết lập là*

*Không, vì chúng không có tánh thể tự hữu.<sup>95</sup> Tuyên bố của ông cũng là nghĩa của phái Tương ưng và phù hợp với chánh lý."*

[271c25] Họ nói thêm, “*Do tánh kia nên Không, tánh kia thực sự không có. Dựa vào tánh này nên Không, tánh này thực sự là có.<sup>96</sup> Tánh Không như vậy được dạy một cách như thật bởi bậc Thầy của chư thiên và loài người.<sup>97</sup>* Lời dạy này ý nói, ‘Dựa trên tánh y tha khởi, tự tánh biến kế sở chấp (parikalpita) vốn không tồn

---

<sup>95</sup> Y tha khởi tánh: Cái đó không hiện hữu tự nhiên bởi chính nó, như trò ảo thuật, vì sự xuất hiện của nó lệ thuộc điều kiện ngoài bản thân (parapratyaya). Do đó, sự xuất hiện của nó là không có tánh thể tự hữu (utpattiniḥsvabhāvātā: sinh vô tánh tánh 生無性性). Sinh vô tánh là một trong ba vô tánh của phái Du-già (Yogācāra). Để giải thích giáo lý tánh Không trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa, cũng như tránh chủ nghĩa hư vô, các nhà Du-già đề xuất giáo lý về ba tự tánh và ba vô tánh. Vô tánh: tức ba vô tánh hay ba vô tự tánh, đó là tướng vô tánh, sinh vô tánh và thắng nghĩa vô tánh. Căn cứ ba vô tánh mà nói các pháp toàn không, không sinh diệt, bản lai niết-bàn. Tướng vô tánh, vì tánh phân biệt do giả danh thiết lập chứ không phải do tự tướng thiết lập. Sinh vô tánh, vì do cái khác là duyên tổ mà có chứ không phải tự nhiên mà có. Thắng nghĩa vô tánh, vì các pháp duyên sinh (tức y tha không phải thắng nghĩa), vì pháp vô ngã của tất cả các pháp (tức chân thật do pháp không hiển lộ).

<sup>96</sup> Trung bộ kinh, kinh Tiểu Không, No. 121: “Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.” (H.T Thích Minh Châu dịch)

<sup>97</sup> Tánh kia là biến kế sở chấp tánh. Tánh này là y tha khởi tánh. Nói nhất thiết pháp tướng (sắc thái của các pháp), tức nói ba tự tánh: biến kế chấp tánh, y tha khởi tánh và viên thành thật tánh. Tánh có nghĩa là có, nhưng mỗi tánh có mỗi cách: biến kế là vọng hữu (có một cách sai lầm), y tha là giả hữu (có một cách tương đối) và viên thành là thật hữu (có một cách đích thật). Các pháp qua biến kế sở chấp thì có mà có với vọng chấp, gọi là tình có lý không. Các pháp qua ngộ nhập viên thành thì có mà có với tuệ giác, gọi là tình không lý có.

Du-già Sư Địa Luận, quyển 36, tr. 486c24-487a13: “Lại an lập tướng chân thật nghĩa đây, phải biết tức là hiển bày không hai. Chỗ nói ‘hai’ đó là có và chẳng phải có. Trong đây, có là tự tánh giả nói được an lập, tức là chỗ chấp trường thời của thế gian, cũng là tất cả phân biệt hý luận căn bản của thế gian. Hoặc gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; hoặc là địa, thủy, hỏa, phong; hoặc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; hoặc là thiện, bất thiện, vô ký; hoặc là sinh diệt, hoặc là duyên sinh; hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi; hoặc là đời này, hoặc là đời khác, hoặc là ngày tháng; hoặc là chỗ thấy, chỗ nghe, chỗ hiểu, chỗ biết, chỗ cầu, chỗ được, ý theo đó tầm tứ, cuối cùng cho đến hoặc là Niết-bàn. Đại loại như vậy là pháp giả nói tự tánh mà thế gian cùng hiểu biết. Đây gọi là có. Trong đây, chẳng phải có tức là giả nói tự tánh của các sắc, cho đến giả nói tự tánh của Niết-bàn, không sự, không tướng, giả nói có chỗ nương, tất cả đều là không. Lời nói giả lập nương kia chuyển, cũng đều không chỗ có. Đây gọi là chẳng phải có. Trước nói có, nay lại nói chẳng phải có, có và chẳng phải có cả hai đều xa lìa. Đây là tánh sự chân thật nhiếp thuộc pháp tướng. Đây gọi là không hai. Do không hai nên gọi là trung đạo, xa lìa hai biên, cũng gọi là vô thượng. Trí của chư Phật Thế Tôn ở nơi chân thật đây đã khéo thanh tịnh. Trí của chư Bồ-tát ở nơi sự chân thật đây được hiển bởi đạo học.”

tại, bởi vì [tánh y tha khởi] không có bản chất của tánh biến kế sở chấp.’<sup>98</sup> Đó là vì không phải như năng thuyên có tánh của sở thuyên, cũng không phải như sở thuyên có tánh của năng thuyên.<sup>99</sup> Trên cơ sở ‘có’ của tánh y tha khởi, bản chất của tánh biến kế sở chấp vốn không tồn tại. “*Do tánh kia nên Không*”, tức là *sự biến kế*, tự tánh [biến kế sở chấp] kia là ‘không có’. “*Dựa vào tánh này nên Không*”, tức là *sự duyên sinh*, tự tánh [y tha khởi] này là ‘có’. Tánh y tha khởi này mà không có, thì là đoạn diệt.<sup>100</sup>

[272a03] Trên sự nào mà nói cái gì làm Không? Đó là sự duyên sinh, tức gọi là tánh y tha khởi, và trên cơ sở ‘y tha khởi’, các tự tánh sai biệt của sắc, thọ,

---

<sup>98</sup> Trong Tâm kinh u tán, Đại sư Khuy Cơ dùng học thuyết Duy thức để giải thích ‘hữu – không’: “Đứng về mặt học thuyết [Duy thức] mà nói, ‘Không’ là ba vô tánh: (1) Kế sở chấp tánh: Bản thể chẳng có, tướng vô tự tánh, vì vậy gọi là Không; (2) Y tha khởi tánh: sắc như chùm bọt nổi, thọ như bong bong nước, tướng giống như quáng nắng, hành như thân cây chuối, thức là pháp huyễn hóa, không như cái được chấp, không có tánh tự nhiên sinh, cho nên cũng gọi là Không. (3) Viên thành thật tánh: nhờ quán ‘sở chấp’ là không vô, mới chứng [thật tánh của Không], cho nên gọi là ‘chân tánh không như sở chấp kia’. Thắng nghĩa vô tánh cũng được gọi là Không. Dựa theo sự thật, ba tự tánh là chẳng phải ‘Không’, chẳng phải ‘bất Không’. Vì để đối phá sự chấp ‘có’ mà ngầm nói là Không, chẳng phải hai tánh sau đều ‘không có’ mà gọi là Không. Nói ‘Tất cả đều Không’, là mật ý của Phật. Đối với ‘có và không’, nói chung là Không. Như Đức Thế Tôn dạy: “Vô tự tánh: tướng, sinh, thắng nghĩa/ Như vậy Ta đều đã nói rõ/ Nếu không biết mật ý của Phật/ Mất chánh đạo, không đi đến đâu.”

<sup>99</sup> Du-già Sư Địa Luận, quyển 81, tr. 751a21, nói về năm tướng: a. Tướng sở thuyên, đồng với tướng trong năm pháp. b. Tướng năng thuyên, tức danh y chỉ trên tướng ấy; nó thuộc biến kế sở chấp. c. Tướng tương ưng của hai tướng trên, sự hỗ tương liên hệ giữa sở thuyên và năng thuyên. Nó là sở y chỉ của biến kế sở chấp. d. Tướng chấp trước, biến kế sở chấp và tùy miên của nó trong dòng lưu chuyển tương tục từ vô thủy của phàm ngu. e. Tướng không chấp trước, do đã thấy Thánh đế mà như thật thấu rõ biến kế sở chấp và giải thoát khỏi tập khí của nó.

Thành Duy Thức Luận, quyển 8, tr. 47a21: “Trong Thánh giáo, có nói đến năm tướng. Chúng được bao hàm như thế nào trong ba tánh? Sở thuyên và năng thuyên, mỗi tướng đều đủ cả ba tánh. Tức là, nếu là cái bị nhận thức lệch lạc thì thuộc về tánh biến kế sở chấp. Tương quan với danh, tướng, phân biệt, tùy theo sự thích hợp, sở thuyên và năng thuyên thuộc y tha khởi. Đối với chân như và chính trí, tùy theo sự thích hợp, sở thuyên và năng thuyên thuộc viên thành thật, vì hậu đắc biến tự tướng năng thuyên.” (Tuệ Sỹ dịch)

<sup>100</sup> Nhiếp Đại Thừa Luận phủ nhận y tha toàn không: “Vì sao sự biểu hiện thật không có, mà y tha không phải ở đâu và lúc nào cũng không có? Vì nếu y tha không có thì viên thành cũng không có; y tha mà không có thì không có gì nữa. Y tha với viên thành không có thì thành ra cái lỗi không có nhiệm với tịnh. Nhưng nhiệm với tịnh là hiện có, thế nên không nên nói tất cả toàn không. Ở đây có 1 bài chính cú: Y tha mà không thì không viên thành; tất cả toàn không thì luôn luôn không có nhiệm tịnh.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

tướng, v.v. được quy ước thành lập để vận hành.<sup>101</sup> “Nếu không có tánh y tha khởi, thì các pháp giả lập cũng không có. Chấp trước như vậy trở thành quan điểm đoạn diệt. Chúng ta không nên cùng bàn luận, không nên cùng cư trú với kẻ có quan điểm như vậy. Người này sẽ đọa vào đường ác và cũng khiến người khác đọa vào đường ác.”<sup>102</sup>

Như vậy, sự thành lập tự tánh biến kế sở chấp là Không, và tự tánh y tha khởi là ‘có’, nó khế hợp với chánh lý. Nếu nghĩa này là, ‘Tánh y tha khởi cũng vô sở hữu, nên thiết lập là Không’, thì ông rơi vào hố sâu của những lỗi lầm đã trình bày ở trên, và cũng phạm phải lỗi phỉ báng Thánh giáo của Đức Phật.

## 2.2.2 Trả lời giải thích của phái Tương ưng

### 2.2.2-1 Hỏi về cách giải thích của phái Tương ưng

---

<sup>101</sup> Biện Trung Biên Luận 辯中邊論, No. 1600, tr. 469b29: “Thế tục để có ba thứ: 1. Thế tục giả; 2. Thế tục hành; 3. Thế tục hiển liễu. Theo thứ tự như vậy, ba thế tục này được thiết lập dựa vào ba chân thật căn bản (biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành).” Thế tục giả: Tánh biến kế chỉ có giả danh, không có thật nghĩa. Thế tục hành: Tánh y tha này chính là các pháp hữu vi (hành), do chúng từ nơi A lại da nhờ các trợ duyên mà hiện hành. Thế tục hiển liễu: Tánh viên thành là thực thể của các pháp hữu vi, như thực chất của sợi dây là chất chỉ gai; viên thành này chính là pháp tánh chân như, do tuệ giác chứng ngộ. Kinh Giải thâm mật, phẩm Nhất thiết pháp tướng, ghi: “Đức bản, tánh của các pháp đại lược có ba mặt: một là biến kế chấp tánh, hai là y tha khởi tánh, ba là viên thành thật tánh. Biến kế chấp tánh là thế nào, là tự tánh và sai biệt của các pháp, được giả thiết bởi danh từ, cho đến làm cho theo đó mà phát sinh ngôn ngữ. Y tha khởi tánh là thế nào, là đặc tánh duyên sinh của các pháp, cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh, vô minh duyên sinh hành, cho đến tập hợp cả đồng đau khổ thuần nhất và lớn lao. Viên thành thật tánh là thế nào, là chân như nhất quán của các pháp, chân như mà Bồ tát phải do các duyên tố tịnh tiến dũng mãnh, tác ý đúng lý và tư duy không ngược mới thông đạt, bằng vào sự thông đạt này mà tuần tự tu tập, cho đến vô thượng chánh biến giác mới chứng ngộ viên mãn.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>102</sup> Đoạn trích được tìm thấy trong Trung Quán Tâm Luận 中觀心論 (Madhyamaka-hṛdaya-kārikā), Tạng ngữ, chỉnh cú 82 và 83ab. Nguyên bản từ Du-già Sư Địa Luận, quyển 36, tr. 488c08: “Kẻ chấp không tột cùng như vậy, tất cả bậc có trí đồng phạm hạnh không nên cùng bàn luận, không nên cùng cư trú. Kẻ chấp không như vậy hủy hoại chính mình, cũng hủy hoại thế gian theo kiến chấp của y. Thế Tôn nương kia mật ý thuyết rằng: ‘Thà như hạng người khởi ngã kiến, còn hơn hạng ác thủ không.’ Vì cố sao? Kẻ khởi ngã kiến chỉ bị mê hoặc ở nơi cảnh giới sở tri, không bài bác tất cả cảnh giới sở tri, không do nhân đây đọa vào đường ác. Kẻ ác thủ không chẳng những ngu mê ở nơi cảnh giới sở tri, mà còn bài bác tất cả cảnh giới sở tri, do nhân duyên đây nên đọa vào đường ác.”

[272a10] [Đáp:] Ở đây, tôi thậm chí còn tranh luận rộng rãi với những người phát thú thừa khác và các ngoại đạo, với những người đi tìm sự thiện thuyết và rời bỏ thói keo kiệt, ganh ghét, huống chi là với chư sư cùng đi đến Nhất thừa. Đến lúc phải tranh luận, ngắn gọn thì nên chọn lựa sự [duyên sinh] này. Sâu rộng thì xem phẩm Nhập Chân Cam Lộ [của Trung Quán Tâm Luận] có phân tích đầy đủ.<sup>103</sup> Tôi sẽ không biện minh nữa, vì những ai sợ văn dài rộng sẽ không ưa thích.

[272a14] Khi nói rằng, ‘*Tất cả các pháp hữu vi đều được tạo ra từ các duyên, chứ không phải tự nhiên mà hiện hữu, do đó, chúng được thiết lập là Không, vì chúng không có tánh thể tự hữu*’, mệnh đề này có nghĩa gì? Nếu ông định nói, ‘*Các pháp hữu vi như nhãn, v.v., trên tánh y tha khởi, không sinh ra từ nhân, và do đó, chúng là thường hằng, không có diệt hoại. Nhãn, v.v. được gọi là Không vì tự tánh của chúng hoàn toàn không có*’, thì ông đã thiết lập mệnh đề giống với mệnh đề của các phái Số Luận, Thắng Luận đều công nhận.

Tuy nhiên, nếu nói ‘*Nhãn v.v. không phải cái được tạo ra, do đó chúng là Không, vì tự tánh của chúng là Không*’, thì ông nên nói rằng, ‘*Chúng có tánh thể tự hữu cho nên Không*’, và không nên nói rằng, ‘*Chúng không có tánh thể tự hữu cho nên gọi chúng là Không.*’ Giả sử khi chúng sinh khởi, xét theo thắng nghĩa đế, chúng có tự tánh sinh, vì sao nói là ‘*sinh vô tự tánh*’? Nếu thực sự không có ‘sinh’, thì không có tự thể ấy, do đó không nên nói, ‘*có thật tánh duy thức*’<sup>104</sup>. Nếu vậy thì

---

<sup>103</sup> Theo các chú sớ của chư Sư Trung Quốc như Giải Thâm Mật Kinh Sớ 解深密經疏 (X21n0369, tr. 240b11), Thành Duy Thức Luận Liễu Nghĩa Đăng 成唯識論了義燈 (T43n1832, tr. 733c02), thì Nhập Chân Cam Lộ 入真甘露 là một phẩm trong Trung Quán Tâm Luận 中觀心論 (Madhyamaka-hṛdaya-kārikā, Đức Cách Bản 德格版 No. 3855. dbu ma'i snying po'i tshig le 'ur byas pa) do Thanh Biện 清辨 (Bhāviveka, 490–570) chú giải.

<sup>104</sup> Duy thức thật tánh 唯識實性 (vijñāptimātratā- bhūtatathatā): Thật tánh duy chỉ là thức nơi các pháp nhiệm và tịnh, hay nơi tất cả các hành. Duy Thức Tam Thập Luận, kệ 17 nói: “Sự biến thái của thức này chính là sự cấu trúc sai biệt. Do bởi đó, mà cái được cấu trúc sai biệt không tồn tại. Vì vậy nói, tất cả cái này duy chỉ là thức hiển thị.” (Thị chư thức chuyển biến. Phân biệt, sở phân biệt. Do thử bị giai vô. Cố nhất thiết duy thức. 是諸識轉變, 分別所分別; 由此彼皆無, 故一切唯識.) Kệ 25: “Các pháp thắng nghĩa này, cũng tức là tánh chân như, bởi vì bản tánh của nó vốn chân thực thường tại, đó chính là thật tánh của

có lỗi trái với tự tông. Nếu vì sự vật dựa trên tánh y tha khởi, tự nhiên sinh ra, mang bản chất trống rỗng và không thực hữu, nên nói sự vật ấy là Không, thì sự khẳng định này vẫn phạm lỗi ‘thiết lập những gì đã được thiết lập’. Nếu ông nhìn nhận rằng, ‘sự vật sinh khởi do lệ thuộc các điều kiện, tức những cái khác với chính nó’, thì nó không thực sự trống rỗng, nó không nên được gọi là Không. Tôi không nhìn nhận như vậy. Làm thế nào sự trình bày của tôi trở thành nghĩa lý của các luận sư Tương ưng?

### 2.2.2-2 Diễn giải lại tánh y tha khởi

[272a26] Hơn nữa, liên quan đến tuyên bố của họ, “*Do tánh kia nên Không, tánh kia thực sự không có. Dựa vào tánh này nên Không, tánh này thực sự là có. Tánh Không như vậy được dạy một cách như thật bởi bậc Thầy của chư thiên và loài người.*” Nếu mọi sự vật như nhãn, v.v. do năng lực của các duyên mà được sinh ra, và người thế gian công nhận chúng là thực hữu, thì đó là sở hành tuệ giác của những người ngu<sup>105</sup>. Trong thế tục đế, sự vật hiển hiện giống như nó có tự tánh. Từ thắng nghĩa đế, dùng tuệ giác xét tìm, thì [các pháp hữu vi] giống như người huyễn, hoàn toàn không có thật tánh. Do đó, khi người ta nói, “*Do tánh kia nên Không, tánh kia thực sự không có*”, là để tránh rơi vào lỗi ‘thường biên’.

[272b02] Như vì muốn trừ bỏ lỗi rơi vào ‘thường biên’ mà nói ‘tánh kia’ không tồn tại, ở đây, cũng vì muốn trừ bỏ lỗi rơi vào ‘đoạn biên’ mà nói ‘tánh này’ tồn tại. Điều đó có nghĩa là, mọi sự vật như nhãn, v.v. do năng lực của các duyên mà được sinh ra, chúng thuộc thế tục đế, và do đó, tự tánh của chúng là thực hữu. Không giống như hoa đốm giữa trời hoàn toàn không có thực chất, xét mặt chân

---

Duy thức.” (Thử chư pháp thắng nghĩa, Diệc tức thị Chân như, Thường như kỳ tánh cố, Tức Duy thức thật tánh. 此諸法勝義, 亦即是真如, 常如其性故, 即唯識實性.)

<sup>105</sup> Sự phân biệt của phàm phu làm cho tuệ giác bị mê hoặc, như ảo trạng mê hoặc thị giác.

tánh chúng được thiết lập như là sự trống rỗng. Do đó, người ta nói, "*Dựa vào tánh này nên Không, tánh này thực sự là có. Tánh Không như vậy được dạy một cách như thật bởi bậc Thầy của chư thiên và loài người.*" Xét theo nghĩa này mà nói rằng, ‘Tự tánh y tha khởi là có’, thì đó là thiện thuyết. Tự tánh như vậy, tôi cũng công nhận. Đó là vì tùy thuận ngôn thuyết thế gian, và vì [tự tánh ấy] được nhiếp trong hai thứ tư lương: phước đức và trí tuệ.<sup>106</sup> Chỗ dựa của [khái niệm] giả lập thế tục<sup>107</sup> mà có, thì pháp giả<sup>108</sup> cũng có.

### 2.2.2-3 Y tha khởi tánh như thế tục đế

[272b10] Tuy nhiên, họ nói thêm, “*Chỗ dựa của [khái niệm] giả lập thế tục mà không có, thì pháp giả cũng không có. Điều này trở thành đoạn kiến. Chúng ta không nên nói chuyện với những người khẳng định sự đoạn kiến này.*” Những lỗi như vậy [họ chỉ ra] đều là không đúng. Nếu tánh y tha khởi được thiết lập là ‘có’ trong thế tục đế, thì là thiết lập những gì đã được thiết lập. Nếu tánh y tha khởi được coi là tồn tại trong thắng nghĩa đế, thì không có đồng pháp dụ. Như vậy, sự chấp ‘nhất định là hữu tánh’ đã bị loại bỏ, sự chấp ‘nhất định là vô tánh’ cũng nên được loại bỏ. Do đó, ông không nên buộc tội chúng tôi có sự chấp tăng ích hay tổn giảm về tánh y tha khởi.<sup>109</sup>

<sup>106</sup> Kinh Giải Thâm Mật nói sự tu quán về ba tự tánh như sau: “Lại nữa, nếu Bồ tát có thể nơi y tha khởi tánh của các pháp mà đúng như sự thật biết biến kế chấp tánh, thì thế là đúng như sự thật biết sự vô tướng của các pháp; nếu Bồ tát đúng như sự thật biết y tha khởi tánh, thì thế là đúng như sự thật biết sự tạp nhiễm của các pháp; nếu Bồ tát đúng như sự thật biết viên thành thật tánh, thì thế là đúng như sự thật biết sự thanh tịnh của các pháp. Bồ tát nêu nơi y tha khởi tánh mà đúng như sự thật nhận biết sự vô tướng thì có thể hủy diệt sự tạp nhiễm, nếu có thể hủy diệt sự tạp nhiễm thì có thể chứng đắc sự thanh tịnh.” (H.T Thích Trí Quang dịch) Tu phước hay tu tuệ cũng đều dựa vào sự tu quán ấy.

<sup>107</sup> Chỗ dựa ấy là tánh y tha khởi. Khái niệm giả lập thế tục là tánh biến kế sở chấp.

<sup>108</sup> Giả pháp 假法: Tất cả sự vật do nhân duyên hòa hợp mà giả lập tồn tại.

<sup>109</sup> Chấp tăng ích là vọng chấp các pháp là thật có, tức thêm cái giá trị có vào các pháp vốn hư giả; là nơi tánh y tha của các pháp mà thấy ngã pháp, tức có mà chỉ có với biến kế sở chấp. Chấp tổn giảm là vọng

[272b15] Nếu [họ] nói, “*Ngang qua thí dụ huyễn ảo, v.v., thật tánh ly ngôn*<sup>110</sup> được thiết lập bởi tông chúng tôi không có đồng dụ. Điều đó không có nghĩa là pháp năng lập, tức đạo lý của ‘thật tánh ly ngôn’, chẳng được thành lập. Do đó, luận thức không có lỗi.” [Đáp:] Nếu vậy, ai trong chúng ta có thể phá bỏ sự chấp trước ‘thật tánh ly ngôn’ của các phái ngoại đạo? Đó là vì các phái ngoại đạo đó cũng nói ‘có thật tánh’, vốn không phải là đối tượng nhận thức bởi trí tuệ và ngôn ngữ của chúng ta.

[272b19] Nếu tánh y tha khởi nơi tất cả các pháp do năng lực của các duyên sinh ra đều có tự tánh về mặt thắng nghĩa đế, thì người huyễn phải có tự tánh của người thật. Nếu [các pháp] có tha tánh thì cũng sẽ không hợp lý, bởi vì một con bò không nên có bản chất của một con lừa. Sự thiết lập tánh chất của tác dụng và phi tác dụng, thực hữu và thực vô, hữu tánh và vô tánh đều gồm trong cả hai [thế tục đế và thắng nghĩa đế], thì pháp sở lập như vậy sẽ không có một ‘đồng pháp dụ’, hoặc nó sẽ bị ô uế bởi hai lỗi sau khi đã được thiết lập. Do đó, nó không hợp lý.

[272b24] Hơn nữa, các pháp hữu vi được sinh ra từ các duyên, chúng được công nhận là ‘hữu tánh’ về mặt thắng nghĩa đế, bởi vì chúng được tạo tác. Do chúng nhận tánh ấy là Không, và loại bỏ sự tồn tại của tánh ấy, tông ông thiết lập có lỗi tỷ lượng tương vi. Các pháp sinh ra từ các duyên thường được hiểu là ‘hữu tánh’ dựa trên thế tục đế. Nếu có khẳng định rằng, [các pháp hữu vi là] ‘hữu tánh’ dựa trên thắng nghĩa đế, người ta nên sử dụng lý luận này để phá hủy luận điểm đó.

---

chấp các pháp toàn không, tức nơi tánh y tha của các pháp mà cho là không có, và y tha mà không có thì không có gì nữa, tức thành cái lỗi không có nhiễm và tịnh, tức không có tánh viên thành thật.

<sup>110</sup> Thật tánh ly ngôn 離言實性 = tự tánh ly ngôn hay pháp tánh ly ngôn, tức chân như vô ngã. Bản tánh của các pháp là không thể diễn bày bằng ngôn ngữ, khái niệm. Du-già Sư Địa Luận, quyển 36, tr. 488a12: “Nương đạo lý gì nhận biết tự tánh ly ngôn của các pháp? Đó là tự tướng giả lập của tất cả pháp, hoặc nói là sắc, hoặc nói là thọ, như trước nói rộng, cho đến Niết-bàn. Nên biết tất cả chỉ là giả kiến lập, chẳng có tự tánh, cũng chẳng phải lia kia mà riêng có tự tánh. Đây là sở hành của ngôn ngữ, cảnh giới của ngôn ngữ. Như vậy các pháp chẳng có tự tánh giống như sự diễn tả của ngôn ngữ, cũng chẳng phải tất cả đều vô sở hữu. Như vậy chẳng có, cũng chẳng phải tất cả đều không có gì cả. Như thế nào là ‘có’? Tức là lia tăng ích là vọng chấp ‘thật vô’, và lia tổn giảm là vọng chấp ‘thật hữu’. Như vậy, ‘có’ tức là tự tánh thắng nghĩa của các pháp, phải biết chỉ là cảnh giới sở hành của trí vô phân biệt.”



Họ cũng không nên chấp nhận luận điểm này, bởi vì nó không hợp lý khi có hai loại phân biệt về thắng nghĩa đế.<sup>111</sup>

[272c02] Lại như những gì đã nói: "*Không phải như năng thuyên có tánh của sở thuyên, cũng không phải như sở thuyên có tánh của năng thuyên.*"<sup>112</sup> Những luận giả đối thủ không nghi ngờ gì về điều này. Do đó, câu nói này phải được loại bỏ, vì có lỗi 'thiết lập cái đã thành lập'. Lại như những gì đã nói: "*Dựa trên sự tồn tại của tánh y tha khởi, tự tánh biến kế sở chấp vốn không tồn tại.*"<sup>113</sup> Đây cũng là luận điểm của đối thủ. Họ không nghi ngờ gì về điều này. Do đó, câu nói này phải được loại bỏ, vì có lỗi 'thiết lập cái đã thành lập'.

[272c04] Nếu họ khẳng định, "*Bởi vì chấp trước tự tánh biến kế sở chấp dựa trên năng thuyên và sở thuyên, có năng lực sinh ra các phiền não, nên nó cần được loại bỏ*", thì điều này cũng không đúng. Những loài vật không thể hiểu được sự tương ứng giữa năng thuyên và sở thuyên. Con người sinh ra phiền não do sự chấp thủ không như lý vào cảnh giới [nhận thức], từ đó có đủ thứ tài năng và ý lực, và cũng có nhiều loại Thánh ngôn vi diệu. Giáo lý về sự trống rỗng của tự tánh biến kế sở chấp chỉ mang lại lợi ích cho một bộ phận nhỏ [con người] và không lan tỏa tất cả, nên tôi không thiết lập nó chỉ là sự trống rỗng. Chủ đề phụ nên được dừng lại. Chủ đề chính nên được tranh luận. Vì vậy, như những đạo lý vừa nói ở trên, đã đủ thành lập [mệnh đề] 'nhân là tự tánh Không'.

### 2.2.3. Trả lời một số nhà lý thuyết

[272c12] [Hỏi:] Một số luận sư khác phản đối, "*Nếu tuyên bố này, [các nhân được nói ở trên] có thể phá bỏ tự tánh của hữu pháp*' là thực hữu, thì ông sẽ

---

<sup>111</sup> Y trên thắng nghĩa đế, các pháp là Không, và các pháp là hữu tánh.

<sup>112</sup> Xem [271c25], lời của các luận sư Tương Ưng.

<sup>113</sup> Xem [271c25].

*đánh mất ‘tông’ đã thiết lập, và ‘nhân’ trở thành bất định. Nếu tuyên bố này không thực hữu, tức là không có tự tánh, thế là nó không đủ điều kiện để trở thành ‘năng phá’.*<sup>114</sup>”

[272c14] [Đáp:] [Trả lời:] Điều này cũng không đúng. Như Đức Thế Tôn đã nói, “*Này Phạm Chí! Ông nên biết rằng tất cả những gì đã được tuyên bố, ‘sự thật hay không đúng sự thật’, Như Lai nói rằng chúng không đúng cũng không sai.*”<sup>115</sup> Theo Thánh giáo ấy cùng các đạo lý đã nói và sẽ nói, dựa trên thẳng nghĩa đế thì ‘sự thật và không đúng sự thật’, cả hai đều không thể thiết lập được. Do đó, không có lỗi như đã nói.

[272c17] Hơn nữa, theo như ý ông và đạo lý đã nói, vì cái bị phủ định không tồn tại, nên cái phủ định cũng không tồn tại. Chẳng phải cái phủ định không tồn tại, nên cái bị phủ định tồn tại. Chỉ vì bản tánh của cái bị phủ định không tồn tại, nên cái phủ định cũng không tồn tại. Ngang qua cái phủ định mới thấy rằng cái bị phủ định vốn vô tự tánh. Cái phủ định không thể phá hoại tự tánh của cái bị phủ định. Thí dụ, người ta nói, “*Một vị Bồ-tát không thể làm cho tất cả pháp trở thành trống rỗng thông qua tánh Không, bởi vì bản tánh tất cả pháp vốn tự Không*”<sup>116</sup>, và cho đến nói rộng.

---

<sup>114</sup> Nhân minh nhập chánh lý luận, tr. 12c12: “Nếu chính đáng chỉ bày đúng chỗ lỗi lầm khuyết điểm của phía năng lập, thì gọi là năng phá. Nghĩa là trước hết chỉ rõ tính cách khuyết giảm tôn, nhân, hoặc dụ của phía năng lập. Thứ nữa, là chỉ chỗ sai lầm của tôn, của nhân bất thành, nhân bất định, nhân tương vi, và chỗ sai lầm của dụ. Nói lên những lời này, để khai mở liễu ngộ cho người tranh hời, nên gọi là năng phá.”

<sup>115</sup> Câu nói của Đức Phật rằng những lời dạy của Ngài không đúng cũng không sai được tìm thấy trong Kinh Kim Cương : “Trưởng lão Thiện hiện, Như lai là người nói phải, nói chắc, nói như sự thật, nói không lừa đảo, nói không mâu thuẫn. Trưởng lão Thiện hiện, Pháp mà Như lai đã chứng ngộ được, cái Pháp như vậy không phải chắc chắn, không phải trống rỗng.” “Nếu có ai nói Như lai đạt được vô thượng bồ đề, thì nói như vậy là không chính xác, bởi vì, trưởng lão, thật ra không có pháp gì gọi là Như lai đạt được vô thượng bồ đề. Trưởng lão Thiện hiện, Như lai đạt được vô thượng bồ đề, sự đạt được ấy không phải chắc chắn, không phải trống rỗng. Vì lý do này, Như lai tuyên ngôn rằng tất cả pháp toàn là Phật pháp. Trưởng lão Thiện hiện, tất cả pháp ấy Như lai đã nói phi tất cả pháp, nên Như lai nói là tất cả pháp.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>116</sup> Phật Thuyết Di Nhật Ma Ni Bảo Kinh 佛說遺日摩尼寶經 (Kinh Đại Bảo Tích, Phổ Minh Bồ-tát Hội, còn gọi phẩm Đại Ca-diếp, Kāśyapaparivarta), No. 350, tr. 191a05: “Đem Không bỏ vào trong Không vẫn là Không, bởi vì Không vốn tự Không, cho đến vị lai cũng Không, hiện tại cũng Không.” Kinh

[272c22] Một thí dụ nữa, khi ‘cái năng chiếu’ soi chiếu ‘cái bị chiếu’, không nên nói rằng, “*Những vật bị chiếu như cái bình, tấm vải, v.v. không tồn tại, nên cái năng chiếu cũng không tồn tại.*” Cũng không nên nói rằng. “*Bản tánh của vật bị chiếu vốn không tồn tại, bây giờ tồn tại.*”

[272c24] Thêm nữa, các cặp như cái phủ định và cái bị phủ định, năng lập và năng phá, nhằm lẫn và không nhằm lẫn mà chúng ta thiết lập đều tồn tại theo thể tục. Nếu ông bác bỏ sở lập (tông) và năng lập (nhân), ông đã mâu thuẫn với tự tông. Ngôn ngữ phía năng phá không nên là [ngôn ngữ phía] năng lập, bởi vì tánh chất của nó là chẳng thực, giống như âm thanh phát ra bởi con trai của thạch nữ. Nếu ông đã công nhận có sự tỷ lượng của phía năng lập, thì tôi cũng nên công nhận là thể tục hữu, đã được giải thích ở trên. Hãy để cho cuộc tranh luận mở rộng này kết thúc, bởi vì những người chán sợ văn nghĩa rộng mở sẽ khó tiếp nhận và nắm bắt nó.

[272c29] Như vậy, sự tỷ lượng nói trên không có những chương nạn, cho nên luận điểm được thiết lập rằng, “*Về mặt chân tánh, thì tánh chất của nhãn xir là Không*”, đã thành tựu đạo lý. Hơn nữa, liên quan đến ‘nhân’ đã được thiết lập, “*Vì nó được sinh khởi do các duyên*”, là lược nêu danh tướng, để loại bỏ cái gọi là tự tánh của nhãn, v.v.<sup>117</sup> Có những ‘nhân’ khác, chẳng hạn như ‘có thể bị phá hủy’, ‘sự khác biệt vì điều kiện’, ‘có thể sinh khởi được’, và ‘chánh trí và tà trí có lúc sinh khởi’. Trên cơ sở của những nhân đó, theo những gì chúng đáp ứng, tùy trường hợp đối trị mà bác bỏ một cách chính xác.

[273a06] [Hỏi:] Thêm nữa, có người nói, “*Nhãn, v.v. thực sự là hữu tánh, bởi vì hình tướng, nhân và quả của chúng đều hiện hữu. Trên mặt thực tế, những*

---

Kāśyapaparivarta thường được coi là một trong những kinh điển cơ bản của Phật giáo Đại thừa sơ khai (Early Mahāyāna Buddhism), vốn được dịch sang tiếng Hán từ đầu thế kỷ thứ 2 bởi Đại sư Chi Lôu Ca Sâm 支婁迦讖 (Lokasema, 147-?).

<sup>117</sup> Xem [269a02].

*hình tướng, v.v. hiện hữu không phải là trống rỗng, và ngay bây giờ có thể thấy nhãn, v.v. qua những hình tướng, v.v. hiện hữu. Do đó, trên mặt thực tế, nhãn, v.v. không phải là trống rỗng.”*

[Đáp:] Dựa trên thắng nghĩa đế, luận điểm này không có đồng dụ, cho nên ‘hữu tánh’ chẳng được thành lập. Dựa trên thế tục đế, cùng nhận biết có tự tánh thực sự, vậy là thiết lập những gì đã được chứng minh. Hơn nữa, dựa vào đồng dụ mà ‘nhân’ trở thành mâu thuẫn với lý luận, vì đồng dụ chỉ có tánh chất thế tục.

### **3. Tiểu kết**

#### **3.1 Tánh Không của tất cả pháp**

##### **3.1.1 Tánh Không của mười hai xứ**

[273a12] Xét mặt chân tánh, nhãn xứ là tánh Không. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, đều là tánh Không. Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ cũng là tánh Không. Hành giả tu quán cũng nên như vậy mà ngộ nhập tánh Không.

##### **3.1.2 Tánh Không của các pháp khác**

[273a14] Thêm nữa, xét mặt chân tánh, các pháp tổng biệt như: 5 uẩn, 18 giới, 12 duyên khởi, 4 niệm trú, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, các ba-la-mật-đa, các tam-ma-địa, các đà-la-ni môn, 4 vô ngại giải, 10 lực, 4 vô úy, 18 pháp bất cộng, v.v., trí nhất thiết trí đều là tự tánh Không. Hành giả tu quán cũng nên như vậy mà ngộ nhập tánh Không.

##### **3.1.3 Tánh Không theo các chấp của ngoại đạo**

[273a18] Ngoài ra, những biến kế sở chấp của các ngoại đạo như: đại (mahat) và ngã mạn (ahaṃkāra), 5 duy (pañca tanmātrāṇi), hiện lượng (pratyakṣapramāṇa), 11 căn (indriyāṇi), 5 đại (pañca mahābhūtāni), thật (dravya), đức (guṇa), nghiệp (karma), v.v. các cú nghĩa hữu vi; tất cả đều được nhiếp trong 12 xứ, vì là tướng hữu vi. Hành giả tu quán cũng nên như vậy mà ngộ nhập tánh Không.

### 3.2 Trí tuệ có được từ tu tập

[273a22] Mặc dù một số người nhờ sức mạnh của tư trạch để ngộ nhập tánh Không, họ vẫn thiếu sức mạnh của tu tập. Thí dụ, đôi cánh của một con chim mới sinh không thể hoạt động. Vì vậy họ phải siêng năng trau dồi sức mạnh tu tập. Thí dụ, những người bị bệnh màng mắt nhờ dùng thuốc điều trị màng mắt mà mắt họ được trong sáng, thấy rõ cảnh vật, không còn có những vệt thô như sợi tóc, con ruồi, v.v..

### 3.3 Trí tuệ vô tướng

[273a25] Như vậy, nhờ siêng năng trau dồi sức mạnh của tu tập mà hành giả có thể loại trừ những chấp thủ vào các tướng hữu vi, và trí kiến sai lầm, vẫn đục và nghi hoặc. Miễn là việc tu quán hạnh chân chính, ở giai đoạn bắt đầu hiện tiền, hành giả nhận được những hỷ lạc vi diệu mà không cần dựa vào các duyên khác, cho nên không dính mắc vào tất cả tướng hữu vi; (1) không dính mắc vào vật thí, người cho và người nhận; (2) không dính mắc vào người cho, người nhận và kết quả của bố thí; hai thứ ba luân<sup>118</sup> trên đều được thanh tịnh; cho đến có thể siêng

---

<sup>118</sup> Ba luân là người cho, người nhận và vật cho (quả cho).

năng nhiếp thọ vô số tư lương phước đức và trí tuệ, gánh vác cả hai bên. Hành giả không bao giờ tham cầu hiện quả và chẳng phải hiện quả, cũng không ưa thích sự dụng hiện tại và quả báo tương lai. Khi thân cận và cúng dường các vị thiên thần được yêu kính và hữu đức, hành giả cũng không vọng chấp ba đức là tác giả<sup>119</sup>, tự ngã (ātman) là tác giả<sup>120</sup>, Đại Tự Tại Thiên<sup>121</sup>, những tánh chất của cực vi<sup>122</sup>, v.v.. Hành giả thường tu đại xả.

[273b05] Những sự như vậy đều do [hành giả] chứng đắc chánh lý đã nói hoặc sẽ nói: “*Tất cả pháp hữu vi và vô vi, pháp sở phá và năng phá đều là tánh Không.*” Như Đức Thế Tôn dạy, “*Một vị Bồ-tát không nên an trú mọi sự khi thực hành bố thí. Một vị Bồ-tát nên thực hành bố thí mà không trú ở đâu cả.*”<sup>123</sup> Đức Thế Tôn nói thêm, “*Nếu các Bồ-tát có ý tưởng chuyển hóa hữu tình, thì không nên được gọi là bồ-tát chân thật.*” Đức Thế Tôn nói thêm, “*Không có một chút pháp gì gọi là người phát tâm hướng tới Bồ-tát thừa.*”<sup>124</sup> Các vị Bồ-tát ấy cần tu phạm hạnh mà không mong cầu bát-niết-bàn (parinirvāṇa), chứ đừng nói đến việc ưa thích sinh tử trong ba cõi.

---

<sup>119</sup> Ba đức (tri-guṇa): khô, lạc và si. Quan điểm của phái Số Luận.

<sup>120</sup> Quan điểm ‘Tự ngã là tác giả’ của phái Thắng Luận.

<sup>121</sup> Quan điểm có một vị Đại Tự Tại Thiên mà tự thể là thực, phổ biến, thường hằng, sinh ra các pháp.

<sup>122</sup> Quan điểm cực vi của phái Thắng Luận, ngoại đạo Thuận Thế (Lokāyatika).

<sup>123</sup> Kinh Kim Cương: “Trưởng lão Thiện hiện đối với các pháp, Bồ tát không nên trú ở đâu cả mà làm bố thí: không ở nơi sắc mà làm bố thí, không ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà làm bố thí. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát hãy nên bố thí như thế: không ở đâu cả. Tại sao như vậy, vì nếu Bồ tát không ở đâu cả mà làm bố thí thì được phước đức không thể lường được.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>124</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 577, Phần Kim Cương Năng Đoạn, tr. 980b06: “Tất cả các hữu tình như vậy, ta đều giúp nhập vào cõi Vô dư y Niết-bàn vi diệu. Tuy đã độ vô lượng hữu tình đều được diệt độ như thế, song không có hữu tình nào được diệt độ. Vì sao? Thiện Hiện! Vì nếu các Đại Bồ-tát còn tưởng chuyển hữu tình thì không thể gọi là Đại Bồ-tát. Vì sao? Nay Thiện Hiện! Vì các Đại Bồ-tát chẳng nên nói có tướng chuyển hữu tình; như vậy tướng chuyển mạng giả, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la (người), ý sinh, thiếu niên, tác giả, thọ giả, phải biết cũng thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì không có một chút pháp nào gọi là người phát tâm hướng tới Bồ-tát thừa.”

[273b12] Như vậy sau khi chánh tu quán chiếu ‘Tất cả pháp hữu vi là tánh Không’ rồi, [Bồ-tát] nên chánh quán thêm rằng, ‘Nếu tự tánh Không, tức là không có sinh. Nếu không có sinh, tức là không có quá khứ, vị lai và hiện tại. [Bồ-tát] sẽ không bị chướng ngại bởi ba đời, chánh quán ba đời đều là tướng thanh tịnh. [Bồ-tát] y theo chánh lý không đảo ngược nêu trên, sẽ đạt được ‘ba luân thanh tịnh’, hướng tới Đại Bồ-đề. Như có người hỏi, “*Ngài Mạn-thù-thất-lợi! Vì sao Bồ-tát hướng tới Đại Bồ-đề?*” [Mạn-thù-thất-lợi] đáp, “*Này Phạm Chí! Hãy giống như Bồ-đề.*” Người ấy hỏi thêm, “*Vì sao gọi là Bồ-đề?*” [Mạn-thù-thất-lợi] đáp, “*Này Phạm Chí! Bồ-đề chẳng phải quá khứ, cũng chẳng phải vị lai hay hiện tại.*” Vì vậy, Bồ tát nên quán sát ba đời đều là tướng thanh tịnh, đạt được ‘ba luân thanh tịnh’, hướng tới Đại Bồ-đề.

# LUẬN ĐẠI THỪA CHƯƠNG TRÂN

## QUYỂN HẠ

Bồ-tát Thanh Biện tạo.

Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang phụng chiếu dịch.

Việt dịch: Quảng Minh.

### III. Tánh Không của pháp vô vi

#### 1. Tông

[273b23] Như vậy là đã nói tổng quát về sự ngộ nhập ‘tánh Không của các pháp hữu vi’ của hành giả tu quán. Tuy nhiên, tánh Không của các pháp vô vi chưa được giới thiệu. Nếu không có sự khai thị thì không biết cách ngộ nhập. Nếu không ngộ nhập trí vô phân biệt thì không thể thú nhập, và các hành không thể nào thành tựu. Vì để khai thị, tôi đã nói thêm:

*Vô vi không có thật,  
Chẳng khởi, tợ không hoa.*<sup>125</sup>

#### 1.2 Định nghĩa về pháp vô vi

---

<sup>125</sup> Vô hữu thật 無有實: phủ nhận khái niệm hữu tự tánh. Bất khởi 不起: hoa đốm hư không là một thí dụ để giải thích rằng các pháp vô vi thì không sinh khởi.



[273c03] Ở đây, ngôn từ của luận điểm để phân biệt là ‘chân tánh’ được nói ở quyển thượng. Chúng ta biết rằng luận điểm phải được phân biệt. Các pháp vô vi được thiết lập như là sự trống rỗng về mặt chân tánh chứ không phải về mặt thế tục. Chẳng phải là pháp hữu vi, nên gọi là pháp vô vi. Đối ngược với hữu vi là nghĩa vô vi, tức là: hư không, trạch diệt, phi trạch diệt và tánh chân như.<sup>126</sup> Đây là một phần pháp xứ [trong mười hai xứ] được đề cập ở trên.<sup>127</sup>

[273c06] Sự ngộ nhập tánh Không của hư không sẽ được chỉ ra đầu tiên vì nó dễ khai thị. Không gian không có vật chất chướng ngại nào, nó được thiết lập theo quy ước chung, gọi là ‘hư không’. Theo cách này, nó đóng vai trò như một cánh cửa để nhận ra bản chất trống rỗng của những pháp vô vi khác. Xét về mặt chân tánh, hư không được nhận thức theo thế gian là trống rỗng, không có gì là thật cả. Đây là cơ sở của lập tông.

---

<sup>126</sup> Các bộ phái tiểu thừa: Đại chúng bộ, Nhất thiết hữu bộ, Kê dẫn bộ lập 9 thứ vô vi (trạch diệt, phi trạch diệt, hư không, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, duyên khởi chi tánh và Thánh đạo chi tánh). Hóa địa bộ cũng lập 9 thứ vô vi. Chánh lượng bộ, Kinh lượng bộ và Tát-bà-đa bộ lập 3 thứ vô vi (hư không, trạch diệt và phi trạch diệt). Nói về vô vi, các luận đại thừa cũng khai hợp bất đồng: Du-già sư địa luận nói 2 thứ vô vi (bất động và tướng thọ diệt); Du-già luận ký, Tập pháp luận, Hiền dương thánh giáo luận nói 8 thứ vô vi; Ngũ uẩn luận nói 4 thứ vô vi (hư không, trạch diệt, phi trạch diệt và chân như); bách pháp minh môn luận, Thành duy thức luận nói 6 thứ vô vi (4 thứ vô vi, thêm bất động và tướng thọ diệt).

Hiền dương Thánh giáo luận, quyển 1, tr. 484b28: “Vô vi có tám loại: hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như, vô ký pháp chân như.

1. Hư không: Là đối tượng của tâm và tâm pháp, tức cảnh giới đối trị ngoại sắc.
2. Phi trạch diệt: Là nhân duyên chưa tập hợp, ở khoảng giữa ấy, các hành không khởi diệt, nhưng chẳng phải ly hệ.
3. Trạch diệt: Là do phương tiện tuệ mà các hành hữu lậu hoàn toàn không khởi diệt, và đó là ly hệ.
4. Bất động: Là rời ý muốn trú cõi Biến tịnh, đấng đệ tứ tịnh lự, ở khoảng giữa ấy, ly hệ đối với khổ lạc.
5. Tướng thọ diệt: Là rời ý muốn trú cõi Vô sở hữu xứ, nhập diệt tận định, ly hệ vì tâm và tâm pháp không thường hiện hành bị diệt, và vì một phần tâm và tâm pháp thường hiện hành bị diệt.
6. Thiện pháp chân như: Là cảnh giới thanh tịnh nơi thiện pháp
7. Bất thiện pháp chân như: Là cảnh giới thanh tịnh nơi bất thiện pháp.
8. Vô ký pháp chân như: Là cảnh giới thanh tịnh nơi vô ký pháp.

<sup>127</sup> Xem [268c12].

### 1.3 Nhân

[273c10] Theo sự thiết lập này, về mặt chân tánh, không có hư không thực sự, bởi vì cả hai tông (: những người ủng hộ và phản đối) đều chấp nhận rằng [hư không] 'không sinh khởi', hoặc 'được giả lập là pháp không sinh khởi'. Đây được gọi là Nhân.

### 1.4 Dụ

[273c12] Bởi vì hoa đóm giữa trời không có thật thể và không sinh khởi, nó được thiết lập như đồng dụ. Không cần phải loại bỏ dị phẩm<sup>128</sup>, và do đó, không có đồng pháp dụ. Nó nên được biết như [đã thảo luận] ở trên.

### 1.5 Sự thiết lập tỷ lượng

[273c14] Ở đây, làm thế nào để thiết lập tỷ lượng?

Đáp: Về mặt chân tánh, hư không không có thật, bởi vì nó không sinh khởi. Người trí và kẻ ngu đều biết rằng những gì không sinh khởi thì không có bản chất thực sự, giống như hoa đóm giữa trời. ‘Nhân’ của sở lập là ‘những gì không sinh khởi’; đây là lược nêu danh tướng. Lại có những ‘nhân’ khác như: ‘chẳng phải cái được tạo ra’, ‘chẳng phải cái tạo tác’, ‘không bị hoại diệt’. Những ‘nhân’ như vậy

---

<sup>128</sup> Dị phẩm 異品: Phạm: Asapakwa. Tiếng dùng trong Nhân minh. I. Dị phẩm. Đối lại với Đồng phẩm. Phẩm loại không cùng một tánh chất gọi là Dị phẩm, như Vô thường và Thường trụ. II. Dị phẩm. Sự vật được chứng minh không đồng thời tồn tại, như Vô thường và Hư không. [X. Luận Nhân minh nhập chánh lý]. III. Dị phẩm. Phẩm loại không cùng tánh chất với khách từ (hậu trần) của Tông (mệnh đề). Luận Nhân minh nhập chánh lý (Đại 32, 11 trung), nói: Dị phẩm nghĩa là ở nơi đó không có pháp sở lập. Dị phẩm bao gồm Tông dị phẩm và Nhân dị phẩm. Nhưng Dị phẩm trong Nhân minh thông thường là chỉ cho Tông dị phẩm. Phạm sự vật không có nghĩa nói trong pháp sở lập đều thuộc Tông dị phẩm. Như lập Tông, ‘Âm thanh là vô thường’, thì vô thường là pháp sở lập. Hư không v.v... không có tánh chất vô thường, nên thuộc Tông dị phẩm. [X. Nhân minh nhập chính lý luận số Q.trung phần cuối; Nhân minh nhập chính lý luận ngộ tha môn thiền thích (Trần đại tề)].

có thể phủ định cái gọi là ‘tự tánh của pháp vô vi’. Vì vậy, theo sự thích ứng, chúng đều được coi là ‘nhân’. Thí dụ, một người nói, ‘Bạn nên bảo vệ sữa đông, chớ cho lũ quạ đến gần’; mục đích là để bảo vệ [sữa đông] không bị hư hỏng, cũng phải ngăn chặn những động vật như mèo, chuột, v.v.

## 2. Trả lời các phản đối

### 2.1 Pháp vô vi trong các trường phái Phật giáo

#### 2.1.1 Trả lời các sư Tỳ-bà-sa (Vaibhāṣikas)

[273c21] [Hỏi:] Các sư Tỳ-bà-sa<sup>129</sup> đều hỏi vặn, “*Nếu thiết lập tông rằng, ‘Pháp vô vi không có thật thể’, có nghĩa là ‘hoàn toàn không thật’, thì đẳng chí Không xứ<sup>130</sup> sẽ không có sở duyên, làm thế nào mà có được [sự quán chiếu này]? Tuy nhiên, sự không bị chướng ngại là đặc tánh của hư không.*<sup>131</sup>”

<sup>129</sup> Tỳ-bà-sa sư 毘婆沙師 (Vaibhāṣikas) thường được chỉ cho các Thượng tọa phái Hữu bộ (Sarvāstivāda). Luận Tỳ-bà-sa (Vibhāṣā) và Đại Tỳ-bà-sa (Mahāvibhāṣā) là hai bản luận giải về A-tỳ-đàm, cũng là hai tác phẩm nền tảng của phái Hữu bộ. Giáo nghĩa của Hữu bộ từ khi tách khỏi Thượng tọa bộ cho đến khi luận sư Ca-đa-diễn-ni từ ra đời mới tổ chức hoàn chỉnh có hệ thống với bộ luận Phát Trí của ông, được truyền bá mạnh nhất tại nước Ca-thập-di-la (Kashmir, Ké Tân) ở Bắc Ấn. Đến giữa thế kỷ thứ hai TL, vua Ca-nị-sắc-ca của Ca-thập-di-la triệu tập Đại hội Kết tập Kinh điển lần thứ tư dưới sự chủ trì của các ngài Hiệp Tôn Giả, Pháp Cứu, Thế Hữu, Diệu Âm, Giác Thiên thuộc Hữu bộ (trong đó, Thế Hữu làm Thượng thủ), kết quả đặc biệt của cuộc kết tập là cho ra đời bộ luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa 200 cuốn, nhằm giải thích luận Phát Trí. Từ trước các học giả A-tỳ-đạt-ma được gọi là Đối pháp sư, từ khi luận Đại tỳ-bà-sa ra đời thì các học giả này được gọi là Tỳ-bà-sa sư, nghĩa là vị thầy giải thích tỉ mỉ. Họ truyền bá rất mạnh Hữu bộ, tôn trọng luận Lục Túc, Phát Trí hơn kinh, mật sát các kinh luận của các bộ phái khác hành trì và cứ mê chấp chủ trương “Ba đời thật có, ba khoa đều thật”, cho đó là chân lý, rồi chê bai kẻ khác.

<sup>130</sup> Không xứ đẳng chí 空處等至 (ākāśānantyāyatana) là một trong bốn định vô sắc. Bốn tịnh lự (sơ thiền, đệ nhị thiền, đệ tam thiền, đệ tứ thiền) và bốn định vô sắc (không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu tướng phi vô tướng) cũng còn gọi là tám đẳng chí. Trung A-hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp: “Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua mọi sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không tư duy đến các loại tướng sai khác, nhập vô lượng không, thành vô lượng không xứ, thành trụ và an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị ngọt của không trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.” (Thích Tuệ Sĩ dịch)

<sup>131</sup> Thích Thiện Siêu, Đại Cương Về Luận Câu Xá: “Hư không vô vi: (ākāśa- asamskritā) tụng văn dịch là vô ngại (anāvṛti), vì lấy sự không chướng ngại làm tánh. Thế nào là không chướng ngại? Đối với bất kỳ vật nào trong không gian, dù tồn tại hay không tồn tại, pháp vô vi này vẫn trải khắp trong mọi sự mọi vật mười phương thế giới, mà không làm chướng ngại vật khác, cũng không bị vật khác làm chướng ngại, nên vạn vật trong hư không khi sinh thì hiện đến, khi diệt thì bỏ đi, tuy hiện tượng tùy thời gian mà biến

[273c23] [Đáp:] Nếu đây là một phương tiện để thiết lập tỷ lượng thì nói rằng, “*Đẳng chí Không xứ thực sự có sở duyên: có thể là cảnh thật hữu làm [đối tượng cho] đẳng chí ấy, hoặc là cảnh sở duyên của đẳng chí ấy, giống như [cảnh sở duyên] của các đẳng chí khác, hoặc đối tượng nhận thức của chúng.*” Những đẳng chí khác và sở duyên của chúng đều là pháp hữu vi, cho nên khi tranh luận về tánh Không thì không có đồng dụ. Đây là xét mặt thẳng nghĩa để để tranh luận về tướng của hư không. Từ mặt thế tục để mà thiết lập, hư không cũng chẳng thật hữu, bởi vì không sinh khởi, giống như hoa đóm giữa trời. Theo sự tỷ lượng này, ‘thật hữu’ mà họ thiết lập thì bất thành. Thêm nữa, do ‘nhân’ mà tôi vừa nói ở đây, và ‘nhân’ mà ông đề xuất, ‘cảnh sở duyên của đẳng chí ấy’, chắc chắn có lỗi ‘trương vi’.<sup>132</sup> Do đó, luận điểm tôi thiết lập ở trên thành tựu và không có chương nạn.

### 2.1.2 Phản hồi những lời chỉ trích về đồng phẩm

---

hóa, vị trí tùy không gian mà thay đổi, nhưng hư không ấy không hề bị biến đổi chuyển dời, nó thường trú bất động. Do đó, nói hư không là vô vi. Hư không trong quan niệm thông thường, tuy tương tự với hư không này, nhưng thật ra đó chỉ là sắc pháp hiện hữu trong không gian mà thôi, không những nó làm ngăn ngại vật khác, mà trên mặt hiện tượng nó vẫn chịu sự thay đổi. Ví như ném viên đá vào nước, nước chướng đá, nhường chỗ cho đá chiếm cứ rồi bao quanh phía ngoài viên đá, nên thuộc hữu vi, khác với hư không vô vi này.

Làm thế nào để biết được trong pháp vô vi có hư không vô vi? Vạn vật trong vũ trụ mỗi cái đều có thể phô bày tướng dạng của nó theo một trình tự nhất định, không hề rối loạn. Cố nhiên, ấy là nhờ năng lực nhân duyên của chúng, nhưng cũng nhờ vào cái "không" (không chướng ngại) để hoàn thành tự thể. Nhân duyên hòa hợp thì hốt nhiên mà sinh, nhân duyên tan rã thì hốt nhiên mà diệt. Khi sinh thì đến mà không bị chướng ngại, khi diệt thì đi cũng không bị ngăn cản. Như thế ắt phải có pháp hư không vô vi không chướng ngại này mới có thể dung chứa vạn vật để cho tự tánh của chúng được hiển nhiên. Vì vậy, văn trường hàng giải thích: ‘Nhờ vô ngại nên sắc pháp luân lưu trong đó’.

<sup>132</sup> Theo Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivādin), có hai khái niệm khác nhau về không gian: hư không (nabhas) và hư không (ākāśa). Hư không mà nhận thức có thể nhận thức được là nabhas và thuộc về sắc pháp. Trái với nabha, ākāśa là một pháp vô vi. Đối tượng nhận thức của việc quán chiếu hư không vô tận là nabha chứ không phải ākāśa. Chắc chắn là không hợp lý khi sử dụng đối tượng của sự quán chiếu hư không vô tận để thiết lập sự tồn tại của ākāśa. Luận Câu-xá, Phân Biệt Các Giới: “Đã nói về hữu lậu; vậy vô lậu là gì? Các pháp vô lậu là Đạo đế và ba loại vô vi (asaṃskṛta). Ba loại này là gì? - Là Hư không (ākāśa) và hai Diệt. Hai Diệt là gì? - Là Trạch diệt (pratisaṃkhyānirodha) và Phi Trạch diệt (aprasaṃkhyānirodha).” (Đạo Sinh dịch)

[274a03] [Hỏi:] Cả tự bộ và tha bộ<sup>133</sup> đều có người lập luận rằng, “Nếu ‘về mặt chân tánh, hư không không có thật, bởi vì không sinh khởi’, thì nghĩa chuẩn<sup>134</sup> của lời này là, ‘cái gì sinh khởi đều là thật’. Nếu ông khẳng định rằng, ‘cái gì sinh khởi cũng không có thật’, thì nhân này là ‘bất biến đồng phẩm’<sup>135</sup>. Do đó, tánh chất của nhân không được thành lập.”

[Đáp:] Đây là lỗi ‘nghĩa chuẩn tương tự quá loại’.<sup>136</sup> Sự diễn đạt của tôi là để thăm định, “Mọi thứ không sinh khởi đều không có thực”, nhưng không phải để

---

<sup>133</sup> Tự bộ là Đại thừa. Tha bộ là Tiểu thừa.

<sup>134</sup> Nghĩa chuẩn 義准: chuẩn tắc của nghĩa.

<sup>135</sup> Theo logic Phật giáo, một nhân hợp lệ phải thỏa mãn ba yêu cầu được gọi là ba đặc tánh của lý trí: 1) “thuộc tánh suy luận” (pháp năng lập, sādhanadharma) phải hiện diện trong chủ đề của thuyết âm tiết, 2) nó phải có mặt trong một chủ đề khác sở hữu thuộc tánh suy luận (pháp sở lập, sādhanadharma), 3) và nó phải vắng mặt trong bất kỳ chủ thể không sở hữu thuộc tánh được suy ra. Một ‘chủ thể sở hữu thuộc tánh được suy ra’ được gọi là sapakṣa hoặc “đồng phẩm”. Bất biến đồng phẩm 不遍同品 là không có mặt trong những gì đồng phẩm với tông.

<sup>136</sup> Đây là lỗi ‘Nghĩa chuẩn tương tự quá loại’ (diễn giải nhằm luận điểm) trong 14 quá loại. Có nghĩa là người đối luận cáo buộc một luận điểm bằng cách giải thích sai luận điểm. Ở đây, ngài Thanh Biện cố gắng nói rằng mệnh đề của ông không nên bị vặn vẹo. Thập tứ quá loại 十四過類, cũng gọi Thập tứ chủng tương tự quá loại 十四種相似過類. Tiếng dùng trong Nhân minh. Chỉ cho 14 lỗi thuộc về Tự năng phá 似能破 do vị tổ của Nhân minh cũ là Túc Mục tiên nhân 足目仙人 nêu ra. Tự là tương tự, nghĩa là chỉ ang áng như Chân năng phá 真能破 chứ không phải đúng Chân năng phá. Tự năng phá (似能破, Dùwajābhāsa): luận thức sai không đủ khả năng thành lập và phá bác. Đây là trường hợp mà luận thức của đối phương vốn đầy đủ và chính xác, nhưng mình lại cho là sai lầm nên muốn phá. Người phá luận trong trường hợp này dù có cố sức vạch lá tìm sâu thì cũng tự chuốc lấy thất bại mà thôi. Những lỗi như thế gọi là Tương tự quá loại 相似過類. Đó là: 1. Đồng pháp tương tự quá loại 同法相似過類: Lỗi cố ý cho Dị dụ (vốn chính xác) là Đồng dụ với hy vọng phá được lập luận đúng đắn của đối phương. 2. Dị pháp tương tự quá loại 異法相似過類: Lỗi cố ý cho Đồng dụ (vốn chính xác) là Dị dụ để phản bác luận thức của đối phương. 3. Phân biệt tương tự quá loại 分別相似過類: Lỗi không thể phân biệt được mà cưỡng phân biệt để phá lập luận của địch luận. 4. Vô dị tương tự quá loại 無異相似過類: Lỗi đối với pháp đồng loại cưỡng nêu ra các điểm khác biệt để nạn phá. 5. Khả đắc tương tự quá loại 可得相似過類: Đối với Nhân (lý do) chính xác cưỡng nói có lỗi, rồi dùng Nhân khác để bắt bẻ Nhân chính xác. 6. Do dự tương tự quá loại 猶豫相似過類: Lỗi đối với Nhân chính xác cưỡng viện cớ do dự để thành lập nghĩa dị biệt. 7. Nghĩa chuẩn tương tự quá loại 義准相似過類: Lỗi y cứ vào nghĩa của người lập luận mà đảo ngược lập luận để nạn phá. 8. Chí bất chí tương tự quá loại 至不至相似過類: Lỗi dựa vào quỹ biện đề luận về chí, bất chí của Tông (mệnh đề) và Nhân (lý do). 9. Vô nhân tương tự quá loại 無因相似過類: Đối với Tông của luận thức chính xác phân tích một cách quý biện về 3 thời trước, sau, đồng thời của Nhân khiến rơi vào tình trạng vô nhân để nạn phá. 10. Vô thuyết tương tự quá loại 無說相似過類: Lỗi cho rằng trước khi chưa nói ra Nhân thì không thể thành lập luận chứng, do đó, thành lập Tông tương

thẩm định, “Mọi thứ không có thực đều không sinh khởi”. Thêm nữa, tuy có ‘sự nỗ lực không ngừng mà phát sinh’<sup>137</sup>, và mặc dù là ‘bất biến đồng phẩm’, vẫn có thể là một ‘nhân’ hợp lệ.<sup>138</sup> Do đó, không có lỗi trong luận điểm của tôi.

### 2.1.3 Phản hồi những lời chỉ trích về dụ

[274a10] [Hỏi:] Ai đó phản đối, “*Hư không là hữu tánh, bởi vì tất cả mọi người đều biết điều đó. Bông hoa cũng là hữu tánh, ví dụ như hoa ốt-bát-la mà*

---

phản đề nạn phá. 11. Vô sinh tương tự quá loại 無生相似過類: Trước khi tiền trần (chủ từ) của Tông sinh khởi thì lẽ ra không có Nhân, nhưng thành lập nghĩa trái với nghĩa của người lập luận, cho nên phạm lỗi này. 12. Sở tác tương tự quá loại 所作相似過類: Lỗi do phân biệt Nhân, Dụ để cường lập nạn vẫn giả dối. 13. Sinh quá tương tự quá loại 生過相似過類: Vì tìm cầu Nhân đồng dụ nên không lỗi mà thành có lỗi. 14. Thường trụ tương tự quá loại 常住相似過類: Lỗi chủ trương các pháp thường không xa lìa tự tánh nên là thường trụ, âm thanh luôn không lìa tánh vô thường nên cũng là pháp thường trụ. [X. luận Nhân minh chánh lý môn; Nhân minh chánh lý môn luận bản; Nhân minh luận số minh đăng sao Q.6, phần cuối; Nhân minh thập tứ tương tự quá loại lược thích (Duy hiền, Hiện đại Phật giáo học thuật tùng san, 21)].

<sup>137</sup> Chánh văn là Cần dũng vô gián sở phát 勤勇無間所發 (prayatnānantaṛīyakatva): sự nỗ lực không ngừng mà phát sinh. Khả đắc tương tự quá loại 可得相似過類: Tiếng dùng trong Nhân minh. Lỗi do người vấn nạn cố tình phản bác Nhân (lý do) chính xác của người lập luận. Là lỗi thứ 5 trong 14 lỗi Tự năng phá do vị tổ của Nhân minh cũ là Túc Mục tiên nhân 足目仙人 nêu ra. Như đệ tử Phật lập luận thức: Tông: Âm thanh là Vô thường; Nhân: Vì do sự nỗ lực không ngừng mà phát sinh; Dụ: Như cái bình, v.v... Nhân (lý do) trong luận thức trên đây là đúng, nhưng người vấn nạn có ý muốn phá nên nói bừa rằng, ‘Điện chớp là vô thường, chẳng phải vì sự nỗ lực không ngừng mà phát sinh, nhưng vì có thể thấy được nên là vô thường, âm thanh cũng chẳng phải vì sự nỗ lực không ngừng mà phát sinh’. Trong hình thức đối luận trên đây, đệ tử Phật viện lý do ‘Vì sự nỗ lực không ngừng mà phát sinh’ để chứng minh âm thanh là vô thường; bởi vì ‘Những gì do sự nỗ lực mà có ra thì nhất định là vô thường’. Nhưng ‘Tất cả những gì vô thường chưa hẳn đều lấy sự nỗ lực không ngừng mà có ra’ để làm Nhân. Phạm vi vô thường rất rộng, còn ‘sự nỗ lực không ngừng mà phát sinh’ chỉ là một phần của Nhân vô thường. Như điện chớp tuy chẳng phải do sự nỗ lực không ngừng phát sinh, nhưng cũng là vô thường. Người vấn nạn không xét đến lý này, nên cố ý dùng lý do tương tự để phản bác, như thế là phạm loại lỗi Khả đắc tương tự. [X. Nhân minh chánh lý môn luận bản; Nhân minh nhập chánh lý luận số thụy nguyên ký Q.8].

<sup>138</sup> Đây là một ngoại lệ mà một nhân hợp lệ có thể được thiết lập. Thông thường, một nhân hợp lệ có thể được áp dụng cho tất cả các đồng phẩm. Tuy nhiên, nhân ‘nỗ lực của con người’ không thể áp dụng cho tất cả các đồng phẩm. Ví dụ, một cái nồi và điện chớp là đồng phẩm bởi vì chúng đều được tạo ra và do đó vô thường. Mặc dù nhân ‘nỗ lực của con người’ chỉ có thể áp dụng cho một cái nồi chứ không phải cho điện chớp, nó vẫn được coi là một nhân hợp lệ.

trên đời có thể thấy được.<sup>139</sup> Mặc dù hư không và bông hoa không liên quan nhau, điều đó không có nghĩa là chúng không có tự tánh. Do đó, thiết lập dụ ‘hoa đóm giữa trời’ là không hợp lệ.”

[274a12] [Đáp:] Phê bình này không đúng. Dụ ‘hoa đóm giữa trời’ (không hoa, kha-puṣpam) nên được giải thích theo quy tắc thứ sáu của Y sĩ huân thích (tat-puruṣa).<sup>140</sup> Không hoa (khasya puṣpam) được hiểu là ‘hoa đóm trên bầu trời’. Hoa đóm giữa trời không tồn tại, nhưng ví dụ này chẳng phải không có. Theo đạo lý này, một hành giả tu quán nên ngộ nhập tánh Không của hư không, cũng như ngộ nhập tánh Không của ba thứ vô vi: hư không, trạch diệt và phi trạch diệt.

#### 2.1.4 Phản hồi những lời chỉ trích của sư Tỳ-bà-sa (Vaibhāṣikas)

[274a17] [Hỏi:] Các sư Tỳ-bà-sa không nỡ bác bỏ trạch diệt vô vi<sup>141</sup>, bèn nói lời rằng, “Đức Phật dạy, ‘Trạch diệt là để đối trị pháp hữu vi, nên gọi là sự xuất ly [thế gian]’. Nếu trạch diệt mà không có, thì ông phạm lỗi tương vi với tông. Thêm

---

<sup>139</sup> Ót-bát-la 唵鉢羅 = ầu-bát-la 漚鉢羅 (Utpala): hoa sen xanh. Câu-xá luận số có ghi: “Ót-bát-la, Trung Hoa gọi là hoa sen xanh. Khi thời tiết càng chuyển lạnh thì màu thân cây biến ra màu xanh, giống như hoa sen xanh.” (No. 1822, tr. 616b28)

<sup>140</sup> Trong ngữ pháp tiếng Phạn, có sáu cách để giải thích một từ ghép. Cái đầu tiên được gọi là tat-puruṣa mà văn bản chỉ ra ở đây. Thuật ngữ tiếng Hán là Y sĩ huân thích 依士訓釋 hay Y chủ thích, là phiên âm của tat-puruṣa. Y chủ thích là quy tắc lập thành phức hợp từ Phạn ngữ, trong đó phần tử trước liên hệ với phần tử sau bằng một trong các biến cách, thường là sở thuộc cách. Như nói, Indradhanau: cây cung của Indra; grāma-vāsa: nhà ở trong làng. Y chủ thích là một trong 6 phương pháp giải thích các từ phức hợp của tiếng Phạn, gọi là lục hợp thích hay lục ly hợp thích: đầu tiên chia chẻ ra để giải thích (ly thích), sau đó tổng hợp lại để giải thích (hợp thích). Lục hợp thích là: y chủ thích 依主釋 (tat-puruṣa), tương vi thích 相違釋 (dvajdva), trì nghiệp thích 持業釋 (karma-dhāraya), đới số thích 帶數釋 (dvigu), lân cận thích 鄰近釋 (avyayī-bhāva) và hữu tài thích 有財釋 (bahu-vrīhi). Trong hợp từ ‘không hoa’, hư không thuộc biến cách thứ sáu, tức sở thuộc cách, và ‘không hoa’ được hiểu là bông hoa trên bầu trời.

<sup>141</sup> Luận Câu-xá: “Trạch diệt (pratisamkhyānirodha) là sự thoát ly hệ phược với các pháp hữu lậu mà chứng đắc giải thoát Niết-bàn.” (tr. 1c16)

nữa, Đức Thế Tôn nói, ‘Sự diệt tận các thọ cấu hữu với hỷ và tham, gọi là Niết-bàn, tịch diệt, vi diệu.’<sup>142</sup> Vì sao ông nói không có [trạch diệt]?’

[274a20] [Đáp:] Ở đây, Đức Thế Tôn, vì muốn giáo hóa chúng sinh siêng tu chán lìa cảnh hữu vi và tùy thuận vui thích cảnh vô vi, ở mặt thế tục để đã dạy về sự trạch diệt, xuất ly, Niết-bàn, tịch tịnh, vi diệu. Ví dụ, Đức Phật nói rằng, có những hữu tình hóa sinh (aupapādaka), và cũng vậy, Đức Phật nói có vô vi Niết-bàn [giới].<sup>143</sup> Đồng ý với sự tồn tại của chúng, thì không có lỗi tương vi với tông. Từ mặt chân tánh, sự trạch diệt bị loại bỏ, cho nên Đức Thế Tôn nói, “*Những người tìm kiếm tứ tánh của Niết-bàn bị tôi coi là người ngu hay đệ tử của ngoại đạo,*” cho đến nói rộng. Ngài cũng nói, “*Như Lai không thấy sinh tử và không thấy Niết-bàn. Cái gọi là Niết-bàn được Như Lai giả lập, hoàn toàn không có tự tánh của Niết-bàn,*” cho đến nói rộng.<sup>144</sup>

[274a23] [Luận điểm của tôi] cũng không có lỗi phi báng Thánh đế. Đó là bởi vì, về mặt thế tục để mà nói, có ái khổ nhưng hoàn toàn không sinh khởi [, vì chúng là huyễn ảo], [và có] sự xuất ly, Niết-bàn, tịch tĩnh, vi diệu, không điên đảo. Chẳng phải như mặt trăng nghĩa đế, có ái khổ nhưng hoàn toàn không sinh khởi,

---

<sup>142</sup> Tương Ứng Bộ Kinh, Kinh Chuyên Pháp Luân: “Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sinh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quảng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.” (H.T Thích Minh Châu dịch) Tạp A-hàm, Kinh số 490, Diêm-phù-xa: “Niết-bàn là sự đoạn tận vĩnh viễn của tham dục; sự đoạn tận vĩnh viễn sân nhuế, ngu si; sự đoạn tận vĩnh viễn của tất cả các phiền não. Đó gọi là Niết-bàn.” Tạp A-hàm, Kinh số 293, Thập Thâm: “Lại càng sâu xa, khó thấy gấp bội, đó là lìa tất cả thủ, ái tận, vô dục, tịch tịnh, Niết-bàn. ... Này các Tỷ-kheo, cái gì diệt? Đó là khổ hữu dư. Cái ấy nêu diệt, tịch chi, thanh lương, tịch tịnh, nghĩa là đã diệt hết tất cả thủ, ái tận, vô dục, tịch tịnh, Niết-bàn.” (Thích Đức Thắng dịch)

<sup>143</sup> Niết-bàn là chẳng sinh chẳng diệt, dứt sạch hết thấy tướng hữu vi nên gọi là vô vi. Xa lìa hết thấy tạo tác hữu vi nên bảo là vô tác. Toàn thể cõi nước Cực Lạc là thanh tịnh cú ‘chân thật trí huệ vô vi Pháp thân’ nên Cực Lạc được gọi là ‘vô vi Niết-bàn giới’.

<sup>144</sup> Các trích dẫn văn bản mà ngài Thanh Biện sử dụng để phân bác lại là từ kinh điển Đại thừa, đặc biệt là văn hệ Bát-nhã. Trong kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 574, phần Mạn-thù-thất-lợi, tr. 965a17, có nói, “Bạch Thế Tôn! Tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu không vì chán lìa tội lỗi của sinh tử, không vì vui thích công đức Niết-bàn. Vì sao? Vì người tu pháp này còn không thấy sinh tử, không thấy Niết-bàn, hưởng gì có chán lìa, có vui thích.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch) Theo cách giải thích này, ngài Thanh Biện cho rằng Tứ đế không phải là thắng nghĩa đế mà chỉ là thế tục đế.



và [thích ứng] bản tánh tịch diệt, gọi là Diệt đế.<sup>145</sup> Theo Thánh giáo [của Phật] và lý mà ông vừa nêu, về mặt chân tánh mà nói, ‘không có trạch diệt’, cho nên tôi không có lỗi này.

### 2.1.5 Phản hồi lời chỉ trích của luận giả Chánh lý (Nyaiyāyika) về chủ nghĩa hư vô

[274b04] [Hỏi:] Một số luận giả Chánh lý không theo lý lẽ đã phản bác như vậy, "*Tông ông thiết lập rằng, ‘Vô vi là không có thực’. Vô vi đã không có, thì sở lập bất thành, sở y cũng bất thành. Hoa đóm giữa trời mà không có, thì hữu pháp<sup>146</sup> bất thành. Sự thiết lập tông, nhân và dụ đều có lỗi.*"

[274b06] [Đáp:] Phê bình này không hợp lý. Bằng lực thi thiết của tướng<sup>147</sup>, chỉ không có ‘vật có chất ngại’ được thiết lập làm hư không. Bằng tuệ giản trạch, chỉ không có ‘phiền não sinh khởi’ được thiết lập làm trạch diệt.<sup>148</sup> Do [các pháp] khuyết các duyên, chỉ không có ‘các pháp sinh khởi’ được thiết lập làm phi trạch diệt.<sup>149</sup> Chỉ không có ‘tất cả sở chấp’ được thiết lập làm chân như. Vì hư không,

---

<sup>145</sup> Kinh Viên Giác, chương Thanh Tịnh Tuệ: “Nhưng chúng sinh mê mờ thác loạn, chưa thể hoàn toàn hủy diệt huyền ảo, và trong giai đoạn chưa hủy diệt mà đang hủy diệt đó, công phu tự lộ ra sai biệt. Đến khi thích ứng được với bản tánh tịch diệt của Như lai thì không còn sự tịch diệt, không còn người tịch diệt.”

<sup>146</sup> Hữu pháp: Trong Nhân minh, tiền cú của tông gọi là hữu pháp, hậu cú gọi là pháp.

<sup>147</sup> Luận Thành Duy Thức: “Tướng, tự tánh là tiếp thu ảnh tượng nơi đối tượng. Chức năng của nó là quy ước (: thi thiết) các loại danh ngôn khác nhau. Nghĩa là, cần phải ấn định hình thái giới hạn của đối tượng mới có thể tùy theo đó phát khởi các thứ danh ngôn khác nhau.” (Thích Tuệ Sĩ dịch)

<sup>148</sup> Theo định nghĩa của Câu-xá, trạch diệt là sự ly hệ (dứt trừ kết phược, phiền não), tức là sự diệt đạt được do tuệ giản trạch.

<sup>149</sup> Du-già sư địa luận, quyển 53, tr. 593a19: “Khi điều kiện cho các pháp sinh khởi đủ, mà những pháp đã xuất hiện thì pháp khác không xuất hiện được, ở trong trạng thái tịch diệt, tịch tĩnh, đó gọi là phi trạch diệt.” Luận Câu-xá: “Các pháp do khuyết các duyên mà tương lai vĩnh viễn không xuất hiện được, gọi là phi trạch diệt.”

v.v. được thừa nhận là giả lập<sup>150</sup> ngang qua lực thi thiết của tướng, v.v., cho nên không có bất kỳ sự khác biệt nào [giữa ông và tôi]. Do sức mạnh của sự đồng thuận mà cùng lập hữu pháp. Nếu có sự khác biệt, phải loại bỏ những gì chẳng phải hiểu biết chung<sup>151</sup> và nó được lập làm tông pháp.<sup>152</sup> Những hiểu biết chung về ‘sự không sinh khởi [của pháp vô vi]’ được lập làm nhân pháp. Do đó, không có bất kỳ sai sót nào về tông và nhân. Mặc dù cái gọi là ‘không hoa’ không có thật thể, nhưng hữu pháp là ‘pháp không sinh khởi’, có tánh chất ‘vô tánh’ (: không có tánh thể tự hữu) [của vô vi].<sup>153</sup> Bằng cách này, nghĩa của năng thành và sở thành được thiết lập. Vì vậy, không có lỗi ‘hữu pháp bất thành’.

---

<sup>150</sup> Chánh Giả lập. Các thuật ngữ khác nhau như thi thiết 施設, giả danh 假名, giả lập 假立, giả danh thi thiết 假名施設, v.v. là từ tiếng Phạn: prajñapti, có thể được dịch là quy ước, chỉ định, hoặc chỉ định thông thường, quy ước của khái niệm.

<sup>151</sup> Chương Trần Luận Sớ 掌珍論疏, Tục tạng kinh, No. 788, tr. 545a: “Luận chủ y thắng nghĩa đế, cho rằng ‘vô vi không thật’. Ngoại nhân y thắng nghĩa đế, cho rằng ‘vô vi là thật’. Nhưng lý ‘không thật’ của tôi chẳng phải sự hiểu biết của ngoại nhân, nên nói là ‘khác biệt’. Nay tôi lập từ ngữ ‘không thật’ là để loại bỏ từ ngữ ‘có thật’ của ông, cho nên nói, ‘loại bỏ những gì chẳng phải hiểu biết chung.’”

<sup>152</sup> Tông pháp 宗法: Tiếng dùng trong Nhân minh. Trong luận thức Nhân minh, Hữu pháp (chủ từ) của Tông (mệnh đề) được gọi là Tông pháp, tức là tên khác của Tiền trần (chủ từ). Đối lại với Tiền trần thì Pháp là tên khác của Hậu trần (Tân từ) trong Tông. Tiền trần và Hậu trần đối với cả mệnh đề của tông mà nói thì Hữu pháp là Thể, còn Pháp là nghĩa. Một Thể có nhiều nghĩa, như âm thanh ngoài tánh chất vô thường, còn có nghĩa là sở văn (cái được nghe), nghĩa sở tác (cái được làm ra). Vì thế, suy rộng ra, hễ cái gì thuộc về nghĩa của Thể này đều có thể gọi là Pháp. Nếu người lập luận lấy đó làm Nhân (lý do) thì cái ấy phải là Tông pháp. Như lập luận thức sau đây: Tông: Âm thanh là vô thường. Nhân: Vì nó là cái được tạo ra. Cái được tạo ra vốn là nghĩa có trong âm thanh của Hữu pháp, là Tông pháp, cho nên có năng lực dùng để chứng minh. Nếu dùng ‘Vì là cái mà mắt thấy’ làm Nhân thì âm thanh chẳng phải là cái mà mắt thấy được, âm thanh không có nghĩa do mắt thấy, cho nên cái mà mắt thấy chẳng phải Tông pháp. Những cái mà mắt thấy tuy đều là vô thường, nhưng âm thanh vốn chẳng phải là cái mà mắt thấy, cho nên cũng không thể dùng cái mà mắt thấy để đoán định âm thanh cũng là vô thường. Loại Nhân này vừa không thể chứng minh âm thanh là vô thường mà cũng không thể chứng minh âm thanh là thường trụ, vì thế nó chẳng phải là Tông pháp và không thể dùng nó làm Nhân. Hậu trần vô thường trong Tông cũng bao hàm pháp âm thanh của Hữu pháp, cho nên cũng có thể gọi là Tông pháp. Để phân biệt, thông thường gọi Tông pháp nói trong Tông là pháp Sở lập, còn gọi Tông pháp nói trong Nhân là pháp Năng lập. Nếu nói theo sự quan hệ giữa Nhân và Tông thì Nhân là Năng lập, còn Tông là Sở lập. Cho nên nói theo thí dụ thực tế người ta quen dùng: Âm thanh là vô thường, vì nó do sự tác động mà có thì vô thường là pháp Sở lập, còn do sự tác động mà có là pháp Năng lập. [X. luận Nhân minh nhập chính lí; Nhân minh nhập chính lí luận ngộ tha môn thiện thích (Trần đại tề)].

<sup>153</sup> Hữu pháp của tông là ‘vô vi’. Không hoa tuy không có thật thể, nhưng nó là đồng dụ cho nhân pháp và hữu pháp, bởi vì ‘không có thực thể’ và ‘vô vi’ giống nhau.

### 2.1.6 Phản đối sự không có trạch diệt của các sư Tỳ-bà-sa

[274b16] [Hỏi:] Các sư Tỳ-bà-sa nói thêm, “Điều này [phủ định sự không có trạch diệt] là không hợp lý. Trạch diệt là thật hữu, vì là sở duyên của tuệ giác và vì trái nghịch với phiền não. Hẳn phải có ‘thật pháp’ có sự thể ấy.”

[274b17] [Đáp:] Lập luận này chỉ có phủ định dị phẩm, giống như phủ định ‘hư không thực sự là hữu tánh’.<sup>154</sup> Lập luận này đã bị bác bỏ trước đây và không nên hiểu nó theo cách này một lần nữa.

### 2.1.7 Phản ứng với lời chỉ trích của Kinh Bộ (Sautrāntika) về hư không

[274b20] [Hỏi:] Các sư Kinh Bộ cảm tác lời rằng, “Về luận điểm rằng, ‘hư không, v.v. chẳng phải thật hữu’; sự tỷ lượng như vậy phạm phải lỗi ngay khi nó được thiết lập.”

[274b21] [Trả lời]: Nếu luận điểm của ông có nghĩa là, “Thể tánh của hư không là thể tánh của các sắc có chất ngại”, thì nó không thiết lập những gì đã thiết lập. Đó là bởi vì ông tranh luận cho sự không tồn tại của nó.<sup>155</sup> Cách diễn đạt luận điểm của tôi, “Vô vi không có thực”, chủ yếu loại bỏ sự chấp ‘thực sự là hữu tánh’ và thứ hai, loại bỏ sự chấp ‘thực sự là vô tánh’.

### 2.1.8 Đáp lại sự phản đối của Đồng Diệp Bộ (Tāmrasāṭīyikas) về tánh Không của hư không

---

<sup>154</sup> Ngài Thanh Biện muốn nói rằng: thứ nhất, không có đồng pháp dụ, và thứ hai, không thể chấp nhận sử dụng hư không là một đối tượng nhận thức để chứng minh sự tồn tại thực tế của nó, bởi vì nếu nó là một đối tượng nhận thức, nó không thể là một pháp vô vi.

<sup>155</sup> Luận Câu-xá, tr. 34a12: “Các luận sư Kinh bộ nói rằng, tất cả các pháp vô vi đều không thực hữu. Chúng không phải là các thực pháp riêng biệt như sắc, thọ, v.v.” (Đạo Sinh dịch)

[274b24] [Hỏi:] Các sư Đồng Diệp Bộ<sup>156</sup> nói thêm, “*Các sắc có những khoảng trống, gọi là hư không. Tông của tôi thiết lập hư không như pháp hữu vi. Nếu ông phủ nhận pháp vô vi, thì ông thiết lập xong trở thành lỗi.*”

[274b25] [Đáp:] Tự tánh của pháp hữu vi đã bị loại bỏ như trên, và do đó lập luận của ông không hợp lý.

Các sư Tỳ-bà-sa và Độc Tử Bộ (Vātsīputrīyās) phần nhiều giống như chấp đây, do đó họ có thể bị bác bỏ bởi cùng một lập luận.

### 2.1.9 Những phê bình về chân như (tathatā) của phái Tương ưng

[274b23] [Hỏi:] Các luận sư Tương ưng khẳng định như vậy, “*Ở trên thắng nghĩa không có thắng nghĩa nào khác. Chân như là thắng nghĩa của các pháp.*<sup>157</sup> Do đó, về mặt thắng nghĩa, chân như được coi là trống không. Khẳng định này là hợp lý. Khẳng định rằng, ‘Chân như chẳng thực có’, là không hợp lý. [Nếu luận điểm của ông là đúng,] làm thế nào mà trí vô phân biệt xuất thế và thế trí thanh

---

<sup>156</sup> Đa-ma-la-bạt 多摩羅跋 (Duomo Luoba) = Xích đồng diệp bộ 赤銅鑠部, hoặc Đồng diệp bộ 銅鑠部 (S: Tāmraparṇīya, P: Tambapaṇṇīya, E: School of red-copper plates), còn gọi là Hồng y bộ 紅衣部. Hai bộ phái Sarvastivāda (Hữu bộ hay Tát bà đa bộ) và Vibhajjavāda (Phân biệt thuyết bộ) được hình thành sau hiện tượng phân phái của Phật giáo xảy ra vào khoảng thế kỷ thứ ba trước kỷ nguyên Tây lịch, vào thời đại vua A Dục (Aśoka). Sau cuộc phân phái này, chư vị thuộc Hữu Bộ dời lên Kashmir ở miền Cực Bắc Ấn Độ, và bộ phái Sarvastivāda đóng đô và thịnh hành ở đó suốt một ngàn năm, và từ đây Kinh luận của bộ phái được đưa vào Trung Hoa và dịch thuật ra chữ Hán. Từ Phân biệt thuyết bộ phát sinh ra nhiều bộ phái trong đó có Đồng diệp bộ (bộ phái của các thầy mặc y màu hỏa hoàng, màu đồng đỏ). Phái này được truyền bá về tận Tích Lan (Sri Lanka) bởi Ma-hi-đà (Mahinda), người được cho là con trai của vua Asoka, và đã được truyền tri lại cho tới ngày nay (không gọi là Tāmraparṇīya mà gọi là Theravāda). Kinh tạng Pali là kinh tạng của Xích đồng diệp bộ.

<sup>157</sup> Duy Thức Tam Thập tụng, kệ 25: Thử chư pháp thắng nghĩa, Diệc tức thị Chân như, Thường như kỳ tánh cố, Tức Duy thức thật tánh. 此諸法勝義，亦即是真如，常如其性故，即唯識實性。(Các pháp thắng nghĩa này, cũng tức là tánh chân như, bởi vì bản tánh của nó vốn chân thực thường tại, đó chính là thật tánh của Duy thức.) Chân như 真如: là nghĩa vô sai biệt, nghĩa là các pháp do tất cả nhân duyên tạo thành nên có các sắc thái khác nhau, nhưng chỉ có tự tánh Không của các pháp không có sai biệt, nên gọi là như.

*ting hậu đắc duyên được với cảnh vô vi? Do đó, [khẳng định của chúng tôi] hợp với chánh lý.”*

[274c03] [Đáp:] [Khẳng định của ông] thực sự không hợp lý. Sự khẳng định rằng, ‘hai trí này duyên với cảnh vô vi’, là không hợp chánh lý, hay ‘hai trí này duyên với cảnh hữu vi’, cũng không hợp chánh lý. Không phải khẳng định ‘chân như thực hữu’ là hợp lý, bởi vì ‘chân như thực sự là hữu tánh’ rất khó thành lập. Trí duyên chân như không thực sự là trí vô phân biệt xuất thế, bởi vì trí ấy có sở duyên và là pháp hữu vi, giống như bất kỳ trí thế gian có đối tượng nhận thức.

[274c07] Thế nên, Khế kinh có nói, “*Này Mạn-thù-thất-lợi, tuệ nhãn thấy gì? Đáp rằng: Tuệ nhãn không thấy bất cứ gì.*”<sup>158</sup> Lại nói, “*Thắng nghĩa đế là gì? Đáp rằng: Ở đây, ngay cả trí cũng không hoạt động, chớ đừng nói đến những danh tự.*”<sup>159</sup> Lại nói, “*Này Phạm chí, tuệ giác của Như Lai chẳng thể hiện quán.*” Hơn nữa, kinh nói, “*Này Mạn-thù-thất-lợi, thế nào là kiến đế? Đáp rằng: Ở đây, không có một pháp nào cần nhận biết và nhớ giữ.*” Những kinh điển đó không cho phép trí vô phân biệt là trí có thể hiện quán và duyên với chân như.

[274c12] Hơn nữa, chân như không phải là thắng nghĩa đích thực, vì nó là sở duyên, giống như sắc, v.v. [là sở duyên của nhãn, v.v.]

---

<sup>158</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 8, tr. 43b13-27: “Lúc bấy giờ, Xá Lợi Tử lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ-tát đắc tuệ nhãn thanh tịnh. Phật bảo cụ thọ Xá Lợi Tử: Xá Lợi Tử! Các đại Bồ-tát đắc tuệ nhãn thanh tịnh, chẳng thấy có pháp hữu vi, hoặc vô vi; chẳng thấy có pháp hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng thấy có pháp thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng thấy có pháp hữu tội, hoặc vô tội; chẳng thấy có pháp tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng thấy có pháp hữu sắc, hoặc vô sắc; chẳng thấy có pháp hữu đối, hoặc vô đối; chẳng thấy có pháp quá khứ, vị lai, hoặc hiện tại; chẳng thấy có pháp trời buộc trong cõi Dục, trời buộc trong cõi Sắc, hoặc trời buộc trong cõi Vô sắc; chẳng thấy có pháp thiện, chẳng thiện, hoặc vô ký; chẳng thấy có pháp kiến sở đoạn, tu sở đoạn, hoặc phi sở đoạn; chẳng thấy có pháp học, vô học, hoặc phi học phi vô học, cho đến tất cả pháp, tự tánh hoặc sai biệt, đều chẳng thấy. Xá Lợi Tử! Đại Bồ-tát này đắc tuệ nhãn thanh tịnh, đối với tất cả pháp, chẳng phải thấy, chẳng phải chẳng thấy, chẳng phải nghe, chẳng phải chẳng nghe; chẳng phải biết, chẳng phải chẳng biết; chẳng phải hiểu rõ, chẳng phải chẳng hiểu rõ. Xá Lợi Tử! Như vậy là đại Bồ-tát đắc tuệ nhãn thanh tịnh.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>159</sup> Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Bồ-tát Tạng, phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, tr. 300c24: “Thế gian có bao nhiêu văn tự, ngữ ngôn, âm thanh, giả thuyết v.v., các tướng như vậy gọi là thế tục đế. Ở chỗ ấy còn chẳng phải tâm hành, huống là văn tự mà có thể trình bày nói năng, các pháp như vậy gọi là thắng nghĩa đế.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

[274c14] Thêm nữa, ông vừa nói, “*Ở trên thắng nghĩa không có thắng nghĩa nào khác*”. Những lời như vậy giống như nói, ‘Ở trên cái này có sự trống không của cái này, nên gọi nó là sự trống không’, hay ‘Ở trên tám vải lụa càng không có tám vải lụa nào khác’. Những người chần cừ có chung hiểu biết về tám vải lụa, và do đó, những người chần cừ ấy nên được gọi là người đã nhận ra chân lý.

[274c17] Hơn nữa, để đối trị những ác kiến, tánh Không đã được dạy. Những ác kiến như, “*Ở trên thắng nghĩa có thêm một thắng nghĩa*”, chưa bao giờ được tìm thấy. Do đó, tánh Không không được dạy để bác bỏ một quan điểm như thế.

[274c19] Một lần nữa, chân như kia không thực sự là hữu tánh, vì trái ngược với nhận thức tỷ lượng đã đề cập ở trên, như nói, “*Như Lai không thấy sinh tử và không thấy Niết-bàn.*”

[274c20] Một người đã liễu tri chính xác rằng, chẳng có bản tánh phiền não được sinh khởi bởi sự điên đảo, và bản tánh rốt ráo [của phiền não] là tự tánh vô sinh. Như vậy, chánh tri về bản tánh rốt ráo [của phiền não] không phải là chánh tri, cũng không phải là bất chánh tri<sup>160</sup>.

[274c23] Theo Thánh giáo này, cần biết rằng, chân như chỉ là sự chấm dứt vĩnh viễn mọi phân biệt, nó thực sự không phải hữu tánh, nó là [phi tức] phi ly, [phi không] phi hữu. Thật tánh chân như lấy sự chuyển y làm tướng<sup>161</sup>, là sự thành

---

<sup>160</sup> Luận Hiển Dương Thánh Giáo, quyển 1, tr. 483a04: “Bất chánh tri: Tự thể của nó là tuệ nhiễm ô<sup>160</sup>, là có sự nhận thức không chính xác nơi thân, ngữ, ý hành. Nghiệp dụng là chướng ngại chánh tri. Như trước [chưa có bất chánh tri] cho đến tăng trưởng bất chánh tri làm nghiệp dụng. Như kinh nói: ‘*Người có thất niệm thì trú bất chánh tri*’, cho đến nói rộng.”

Luận Thành Duy Thức: “Bất chánh tri là gì? Đó là sự nhận thức sai lầm đối với cảnh được quán sát. Nghiệp dụng của nó là chướng ngại chánh tri, làm sở y cho sự hủy phạm. Vì kẻ không có chánh tri thường hay hủy phạm. Có ý kiến nói, bất chánh tri thuộc một phần của tuệ, vì được nói nó là tuệ tương ưng với phiền não. Có ý kiến nói, bất chánh tri thuộc một phần của si; vì Du-già nói nó là si phần. Và vì khiến cho tri không chân chánh nên gọi là bất chánh tri. Có ý kiến nói, bất chánh tri thuộc một phần của cả hai, nhưng do vì hai đoạn văn dẫn trên nói một cách ảnh lược. Và vì Luận cũng nói nó phổ biến khắp trong các nhiễm tâm.” (Tuệ Sỹ dịch)

<sup>161</sup> Chuyển y 轉依: chuyển bỏ 2 trọng chướng (phiền não chướng và sở tri chướng) mà chuyển được 2 đại quả là: đại niết bàn và đại bồ-đề. Hiển dương, quyển 16: “Chuyển y của Thanh văn, nên biết, có 2 thứ: 1.

tự pháp thân. Do có được đạo đối trị chân thật là sự ‘quán Không’, những chủng tử trong thức dị thực (vipākavijñāna)<sup>162</sup> vốn là sở y của mọi biến kế sở chấp, và những chủng tử ấy được vĩnh viễn đoạn trừ không sót. Bởi vì không có nhân và duyên, [những chủng tử đó] hoàn toàn không sinh khởi. Bản tánh ‘vô sinh’ là bản tánh ‘thường trú’. Nó được gọi là pháp thân chuyển y của Như Lai. Như khế kinh có nói, “*Này Mạn-thù-thất-lợi, nói đến Như Lai là nói đến bản tánh hoàn toàn vô sinh. Pháp mà thường ‘vô sinh’ được gọi là Như Lai,*” cho đến nói rộng.

[275a01] Nếu ông nói, “*Chân như mặc dù tách rời ngôn thuyết, nhưng là thật hữu,*” thì đó là khái niệm ‘ngã’ của ngoại đạo, nó chỉ là ‘ý tưởng sai biệt’, được đặt tên là chân như. Chân như ấy đâu là thật hữu, nhưng căn cứ thẳng nghĩa, sự phân biệt: có, chẳng có, v.v. bất thành. Ngoại đạo kế đặc ‘ngã’, cho rằng nó là thật hữu, thường trú, chu biến, là tác giả, là thọ giả<sup>163</sup>, nhưng nó tách rời sự phân biệt. Bởi vì ‘ngã’ không phải chỗ hoạt động của ngôn ngữ và nó không được nhận thức bởi giác tuệ phân biệt, nên được gọi là ‘tách rời sự phân biệt’. Trong học thuyết của họ có nói, “*Cái mà ngôn ngữ không thể hoạt động, tâm ý không thể chứng nhận, nó được gọi là ngã.*”

[275a07] [Hỏi:] Tướng ngã đã vậy mà lại nói, “*Trí duyên chân như có thể đắc giải thoát, chứ chẳng phải trí duyên ngã.*”

[Đáp:] Sự khác biệt giữa chân như và ngã là gì? [Ông khẳng định,] “*Chúng đều tách rời ngôn thuyết và có thật tánh.*” Chỉ những người chấp bè phái mới nói những lời đó. Do đó, tôi không thể tin nhận tợ ngã như vậy. Đã đến lúc phải dừng

---

Đi tới tịch diệt (niết bàn); 2. Đi tới bồ-đề.” Tịch diệt đạo = bồ-đề. Bồ-đề (Bodhi), có khi dịch là đạo, có khi dịch là giác. Bồ-đề mà dịch là đạo, là lấy ý nghĩa đức lý, chỉ cho chân tánh bồ-đề, tức bản thể bất sinh bất diệt của chân như. Chuyển y thì không hý luận, thanh tịnh chân như hiển lộ và phiền não không phát sinh.

<sup>162</sup> Thức A lại da có đặc tánh làm quả trong sự lãnh thọ quả dị thực sau khi chết nên gọi là thức dị thực. Thức dị thực là thức thường hằng, biến khắp, có khả năng duy trì thân mạng không cho hoại dứt.

<sup>163</sup> Đại phẩm bát nhã, quyển 2, (T8n223, tr.230c11), có 16 biệt danh của ngã: chúng sinh, thọ giả, mạng giả, sinh giả, dưỡng dục giả, chúng số nhân, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả.

cuộc tranh luận về chân như là thật hữu, phi hữu,<sup>164</sup> vì những người chán ngán các văn nghĩa dài rộng khó chấp nhận và gìn giữ nó. Sâu rộng thì xem phẩm Nhập Chân Cam Lộ [của Trung Quán Tâm Luận] có phân tích đầy đủ.

### 2.1.10 Đáp lại con đường giải thoát của Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivādin)

[275a12] [Hỏi:] Có những người trong cùng một trường phái hay thuộc trường phái thấp kém<sup>165</sup> đã khẳng định như vậy, "*Mười hai xứ nhiếp hết các pháp hữu vi và vô vi, chúng nhất định có tự tánh. Quán Bốn Thánh đế bằng mười sáu Thánh hành: vô thường, khổ, v.v.*"<sup>166</sup> *Tinh cần tu tập ở hai giai đoạn: kiến đạo và tu*

<sup>164</sup> Đức Phật đã từng dạy là hãy đoạn tuyệt cả hữu và phi hữu, cũng có nghĩa là đoạn trừ thật hữu và thật vô, vì vậy mà biết rằng chân như là phi hữu cũng phi vô.

<sup>165</sup> Đồng loại thừa 同類乘 và liệt thừa 劣乘.

<sup>166</sup> Trong học thuyết của Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivādin), khi hành giả thực hành bốn Thánh đế, có bốn đối tượng nhận thức trong mỗi Thánh đế mà hành giả nên quán chiếu để đạt được giải thoát. Nó được gọi là Thập lục hành tướng.

Thập lục hành tướng 十六行相: Phạm: sodaśākārāh. Cũng gọi Thập lục hành, Thập lục hành quán, Thập lục hành tướng quán, Thập lục Thánh hành, Thập lục đế, Tứ đế thập lục hành tướng. Chỉ cho phương pháp quán xét 16 hành tướng của 4 đế để diệt trừ các kiến chấp. Cứ theo luận Câu xá, quyển 26, thì 16 hành tướng ấy là: 1. Bốn hành tướng của Khổ đế: a. Vô thường (anitya): Vì đời duyên mới có. b. Khổ (duhkha): Vì có tánh bức bách. c. Không (śūnya): Vì trái với ngã sở kiến. d. Phi ngã (anātman): Vì trái với ngã kiến. 2. Bốn hành tướng của Tập đế: a. Nhân (hetu): Lý ấy như hạt giống. b. Tập (samudaya): Giống như lý hiển hiện. c. Sinh (prabhava): Có năng lực làm cho sinh khởi liên tục. d. Duyên (pratyaaya): Có công năng khiến cho thành tựu; ví như các duyên (điều kiện): Đất sét, cái bàn quay, dây và nước hòa hợp thành cái bình. 3. Bốn hành tướng của Diệt đế: a. Diệt (nirodha): Vì các uẩn đều đã hết. b. Tĩnh (śānta): Vì 3 thứ lửa (tham, sân, si) đã tắt. c. Diệu (pranīta): Vì không còn các hoạn nạn. d. Ly (nihsaraīa): Vì đã thoát khỏi mọi tai ách. 4. Bốn hành tướng của Đạo đế. a. Đạo (mārga): Vì có nghĩa là con đường thông suốt. b. Như (nyāya): Vì khế hợp với Chánh lý. c. Hành (pratipad): Vì hướng tới chân chính. d. Xuất (nairyānika): Vì có khả năng vượt thoát vĩnh viễn. Mười sáu hành tướng tuy có 16 tên nhưng thực ra chỉ có 7. Nghĩa là khi duyên Khổ đế thì Danh, Thực đều có 4, nhưng duyên 3 đế còn lại thì Danh có 4, Thực chỉ có 1. Mục đích tu 16 hành tướng là để đối trị các kiến chấp, trong đó, vì đối trị các kiến chấp: Thường, lạc, ngã sở, ngã kiến, cho nên tu các hành tướng: Vô thường, khổ, không, vô ngã; vì đối trị các kiến chấp như: Vô nhân, nhất nhân, biến nhân, tri tiên nhân, cho nên tu các hành tướng: Nhân, tập, sinh, duyên; vì đối trị kiến chấp giải thoát là không, nên tu hành tướng Diệt; để đối trị kiến chấp giải thoát là Khổ, nên tu hành tướng Tĩnh; để đối trị kiến chấp cho cái vui của Tĩnh lự và Đẳng chí là diệu, nên tu hành tướng Diệu; để đối trị kiến chấp cho rằng giải thoát luôn luôn lui sụt chứ chẳng phải vĩnh hằng, cho nên tu hành tướng Ly; vì đối trị các kiến chấp vô đạo, tà đạo, dư đạo, thoái đạo, cho nên tu các hành



đạo, thì có thể diệt trừ kiến sở đoạn và tu sở đoạn<sup>167</sup>, có thể loại bỏ tất cả ngọn lửa phiền não thuộc về ba cõi, và có thể làm cho những đau khổ khác nhau trong ba cõi dừng lại."

[275a16] [Đáp:] Nếu [Đức Phật] không khai thị về tánh Không của các pháp, thì ai có thể từ bỏ những lỗi lầm đó và ai có thể thực hành những công đức đó? [Các đối thủ trả lời,] “*Mặc dù có sự khác biệt về tư lương, căn tánh và thắng giải [giữa các hành giả] của ba thừa, nhưng hiện quán về Thánh đạo không nên khác nhau.*” Tôi tin nhận tất cả những gì các ông vừa nói. Tuy nhiên, để đoạn trừ phiền não chướng, dựa vào nguyên lý thế tục, có những đạo khác nhau. Nếu tách rời sự chứng nhập pháp tánh vô ngã, thì không thể vĩnh viễn đoạn trừ sở tri chướng, và do đó, bậc Thầy vĩ đại (: Đức Phật) chỉ đạt được một phần nhỏ của sự giải thoát. [Những người chống đối đáp lại,] “*Ngài chưa bao giờ nghe nói rằng, sự giải thoát của [một vị Phật] và sự giải thoát của [một vị La Hán] không có sai biệt ư?*” Thực sự có những lời dạy như vậy [trong kinh điển.]<sup>168</sup> Tuy nhiên, lời dạy này là nói về sự giải thoát khỏi phiền não chướng, chứ không phải là sự giải thoát khỏi sở tri chướng. Ví dụ, lỗ chân lông và không gian vũ trụ, mặc dù chúng có cùng một bản chất, nhưng không thể phân biệt được. Nếu không phải như vậy, [Đức Phật] sẽ

---

tướng: Đạo, Như, Hành, Xuất. [X. kinh Tọa thiền tam muội Q.hạ; kinh Chính pháp niệm xứ Q.34; luận Đại tỷ bà sa Q.79].

<sup>167</sup> Kiến sở đoạn (見所斷, Skt. Darzana-prahātavya) là những thứ được đoạn trừ nhờ kiến đạo; còn Tu sở đoạn (修所斷 Bhāvanā-prahātavya) là những thứ được đoạn trừ ở giai đoạn tu đạo. Theo *Câu-xá luận, quyển 2*, Kiến sở đoạn là khi ở giai vị kiến đạo đoạn trừ 88 tùy miên và các pháp câu hữu, tùy hành với nó. Tu sở đoạn là khi ở giai vị tu đạo đoạn trừ 81 phẩm tư hoặc và các pháp câu hữu, tùy hành với nó (còn Phi sở đoạn là người đã chứng quả A-la-hán, không còn lậu hoặc nào để đoạn). Còn theo *Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp luận, quyển 4*: Kiến sở đoạn là đoạn trừ Phân biệt hoặc và các phiền não hoặc nghiệp do Kiến hoặc phát khởi; Tu sở đoạn là đoạn trừ các pháp hữu lậu còn lại, (còn Phi sở đoạn là các pháp vô lậu, vô vi, tự tánh thanh tịnh).

<sup>168</sup> Theo các văn bản Phật giáo thời kỳ đầu như văn hệ A-hàm (Āgama), các vị Nhất thiết hữu bộ nghĩ rằng, sự giải thoát giữa một vị Phật và các vị A-la-hán là không khác nhau. Trong luận Đại Tỷ-bà-sa, tr. 162b22, có ghi: “*Làm thế nào để hiểu kinh điển nói rằng không có sự khác biệt giữa sự giải thoát của Đức Phật và sự giải thoát của các vị A-la-hán khác?*” (契經所說復云何通? 如說:如來解脫與餘阿羅漢等解脫無異.)

không thể phát ra thần thông như ý hay khởi lên tác dụng của thắng quả, sở chứng [của Phật] sẽ không thực sự hoàn hảo. Đã đến lúc dừng tranh luận phụ và quay lại lập luận chánh.

## 2.2 Phản đối pháp vô vi trong các trường phái không thuộc Phật giáo

[275a27] Những hành giả tu quán đã ngộ nhập tánh Không của các pháp vô vi như hư không, v.v. trong tôn giáo của mình, cũng nên ngộ nhập tánh Không của những cú nghĩa như: tự tánh, sĩ phu, cực vi, tự tại, thời, phương, mạng, v.v. của các tôn giáo khác.<sup>169</sup>

### 2.2.1-1 Phản hồi triết học Số luận (Sāṃkhya)

[275b01] [Hỏi:] Ở đây, các luận giả về tự tánh và sĩ phu đưa ra phản đối như vậy, "Theo lý thuyết của chúng tôi, tất cả hiện hữu trong ba cõi đều chuyển biến [từ tự tánh]<sup>170</sup> giống như hoa đốm giữa trời, và chẳng phải 'không có hoa đốm giữa trời'. Vì 'không hoa' là một đồng dụ, nó không vi phạm điều kiện đã thiết lập.

[Đáp:] Bây giờ chúng ta nên cất vấn, "*Các ông nói rằng, 'tất cả hiện hữu trong ba cõi đều chuyển biến [từ tự tánh] giống như hoa đốm giữa trời', như vậy những hiện hữu trong ba cõi là hoa đốm giữa trời hay không phải là hoa đốm giữa trời?*" Nếu nói, 'tất cả hiện hữu trong ba cõi đều là hoa đốm giữa trời', thì không hợp lý vì nó trái hại tông chỉ của mình và nhận thức chung của mọi người. Nếu nói,

---

<sup>169</sup> Các lý thuyết về tự tánh (自性, prakṛti) và sĩ phu (士夫, puruṣaḥ; tức là ngã) là của phái Số luận (Sāṃkhya), và các lý thuyết về cực vi (極微, aṇu), Tự tại (自在, īśvara), thời (時, kāla), phương (方, dik) và mạng (命, jīvita) là của phái Thắng luận (Vaiśeṣika).

<sup>170</sup> Xem mục 2.1.15

‘tất cả hiện hữu trong ba cõi không phải hoa đóm giữa trời’, thì không có đồng dụ thành tựu, và như vậy, các ông đã đánh mất tông chỉ của chính mình.

[275b07] [Đối thủ] trả lời, “*Chúng tôi không đánh mất. Lời lẽ ‘hoa đóm giữa trời không có’ và ‘tất cả hiện hữu trong ba cõi đều là hữu tánh’ cần phải xét lại. Ngài cho rằng tôi nói ‘hoa đóm giữa trời không có’ làm đồng pháp dụ, hay là nói ‘hoa đóm giữa trời’ làm đồng pháp dụ? Nếu ngài cho rằng tôi nói ‘hoa đóm giữa trời không có’ làm đồng pháp dụ, thì đó là một sự thăm sát tệ hại, bởi vì tôi nói ‘hoa đóm giữa trời’ làm đồng pháp dụ. Nếu nói ‘hoa đóm giữa trời’ làm đồng pháp dụ, tức là nó không thuộc về ba cõi, và do đó, không nên nói, ‘tất cả hiện hữu trong ba cõi đều có tự tánh, hoa đóm giữa trời cũng có tự tánh’.*” Lời phát biểu như vậy thể hiện trí tuệ nhỏ hẹp của chính ông.

Hơn nữa, lời nói phủ định ưu việt hơn việc phủ định. Sau khi nó phủ định những gì nó cần phủ định, nó đã hết chức năng của mình, và nó không thể biểu hiện những sai biệt của đối tượng đã phủ định. Loại ngôn từ vắn nạn như vậy đã được giải thích đầy đủ ở trên. Do đó, nó không được người trí lưu tâm tin nhận.

### 2.2.1-2 Phản đối phái Số luận (Sāṃkhya) về Thần ngã (Puruṣa)<sup>171</sup>

[275b16] [Hỏi:] Các sư Số luận lại nói như vậy, “*Mặc dù chúng ta không thể trực tiếp thiết lập với sĩ phu tối thắng (Puruṣa)<sup>172</sup>, nhưng bằng sự kết hợp với sự*

---

<sup>171</sup> Số luận là triết thuyết nhị nguyên luận, với hai bản thể: thần ngã (Puruṣa), bản thể tâm linh; và tự tánh (Prakṛti), bản thể của vật chất. Tự tánh, thần ngã vốn được quan niệm là những bản thể thường hằng, không biến chuyển, không thể là nguyên nhân cho bất cứ cái gì.

<sup>172</sup> Tối thắng sĩ phu 最勝士夫: Đối với phái Số luận, con người tối thắng (đấng tối cao, thần ngã) là một tồn tại siêu hình chứ không phải là một thứ gì đó có thể được cảm nhận trực tiếp bởi các giác quan của chúng ta. Đó là lý do tại sao nó không thể được chứng minh trực tiếp. Puruṣa trong tiếng Phạn có thể được dịch là thần ngã, bản ngã siêu việt, ý thức thuần túy. Nó là tuyệt đối, độc lập, tự do, không thể nhận thấy, không thể biết được thông qua các cơ quan khác, trên bất kỳ kinh nghiệm nào bằng trí óc hoặc giác quan và ngoài bất kỳ lời nói hoặc giải thích nào. Nó vẫn thuần khiết, "ý thức không có cấu trúc".

*biến dị*<sup>173</sup> thường được biết đến, nó đã được thiết lập nhanh chóng. Bản thể của nó là thực hữu. Những yếu tánh hiển nhiên đó<sup>174</sup> lấy ‘hữu tánh’ làm nguyên nhân, bởi vì chúng có nhiều chủng loại. Tất cả những gì có chủng loại đều thấy chúng lấy ‘hữu tánh’ làm nguyên nhân, như các mảnh gỗ đàn hương.<sup>175</sup> Bởi vì yếu tánh hiển nhiên đó có nhiều chủng loại, nên chúng lấy ‘hữu tánh’ làm nguyên nhân.<sup>176</sup>

[275b20] Những yếu tánh hiển nhiên như vậy đều có người thọ dụng và đối tượng thọ dụng. Tất cả đối tượng thọ dụng đều thấy có người thọ dụng, như những thức ăn và đồ uống được các Bà-la-môn thọ dụng.<sup>177</sup> Nếu những yếu tánh hiển

<sup>173</sup> Theo Số luận, tất cả mọi hiện tượng đều được biến dị (pariṇāma) từ tự tánh (prakṛti).

<sup>174</sup> Chỉ cho ba đức (tri-guṇa), 3 yếu tánh (khô, lạc, si) trong tự tánh (prakṛti).

<sup>175</sup> Theo Kim Thát Thập Luận 金七十論 (No. 2137, do ngài Chân Đế dịch, về học thuyết của Số luận), ở đây, chủng loại 種類 có nghĩa là những đặc điểm giống nhau của bản chất. Trong Kim Thát Thập Luận có nói, “Bản chất tự tánh thoát ra về cơ bản (trong mọi hiện tượng). Làm thế nào chúng có thể được biết đến? Ví dụ, đối với các mảnh gỗ đàn hương, dù có bao nhiêu mảnh đi chăng nữa thì bản chất của gỗ đàn hương là như nhau. Sự biến đổi cũng trong hoàn cảnh tương tự. Mặc dù Đại (Māha) và [hiện tượng] khác nhau, nhưng bản chất của ba đức (guṇa) đều giống nhau. Bởi vì các bản chất giống nhau, chúng được biết là tồn tại ban đầu. Do đó, tự tánh được biết là tồn tại.” (自性實有，云何得知？…同性故者。譬如破檀木，其片雖復多，檀性終是一。變異亦如是，大等雖不同，三德性是一。以此一性故，知其皆有本，故知有自性。) tr. 1248c06-17

<sup>176</sup> Theo Kim thát thập luận, có 5 lý do cho sự tồn tại tuyệt đối của tự tánh là: (1) Từ thực tế là các loại sự vật biểu hiện khác nhau tồn tại với một số lượng nhất định, người ta có thể biết rằng phải có một nguyên nhân nào đó mà những thứ này được sản xuất. Nếu không, mọi thứ sẽ không tồn tại với một số lượng cụ thể và hoàn toàn không tồn tại. Giống như người thợ gốm tạo ra một số lượng bình từ những cục đất sét, do đó, người ta biết rằng phải có một nguyên nhân, đó là tự tánh (prakṛti), đối với những thứ trong vũ trụ; (2) Từ thực tế là ngay cả khi một số gỗ đàn hương bị vỡ thành nhiều mảnh, các mảnh đó vẫn là gỗ đàn hương, do đó người ta biết rằng mặc dù những thứ biểu hiện không phải là tự tánh, chúng có cùng bản chất với tự tánh; tất cả chúng đều có ba thành phần: khô, lạc và si (: rajas, sattva và tamas); (3) Như một người thợ gốm chỉ có hiệu quả để sản xuất một cái nồi chứ không phải một tấm vải, việc sản xuất cái nồi phụ thuộc vào hiệu quả cụ thể mà lần lượt phụ thuộc vào người thợ gốm; từ điều này, người ta biết rằng hiệu quả để tạo ra những thứ hiển hiện trong vũ trụ phụ thuộc vào tự tánh; (4) Nguyên nhân khác với tác dụng của nó; giống như cục đất sét, là nguyên nhân, không giữ được nước, nhưng tác dụng của nó, cái nồi có thể. Do đó, người ta biết rằng phải có một nguyên nhân, tức là tự tánh, khác với những tác động của nó, tức là những thứ được biểu hiện ra; (5) Vì tất cả mọi thứ trước khi xuất hiện đều không có sự khác biệt, nên phải có một cái gì đó khác với chúng tạo ra chúng. Từ điều này, người ta biết rằng các yếu tố thô, 11 căn, các yếu tố vi tế, bản ngã và trí tuệ không khác nhau trước khi chúng được biến đổi từ tự tánh, và do đó, nếu không có tự tánh thì sẽ không xuất hiện bất kỳ sự vật nào, khác nhau, trong vũ trụ. (tr. 1248c04-1249a03)

<sup>177</sup> Ở đây, các sư Số luận cố gắng sử dụng sự tồn tại của ba đức (tri-guṇa) để chứng minh sự tồn tại thực chất của tất cả các hiện tượng, và sau đó, tiếp tục sử dụng sự tồn tại của các hiện tượng để thiết lập sự tồn tại của đẳng tối cao.

*nhiên đó là đối tượng thọ dụng thì cần phải có người thọ dụng. Tỷ lượng trước đây của ông bị phá hỏng bởi lý luận của đối thủ.”<sup>178</sup>*

[275b23] [Đáp:] Về mặt thể tục, nếu lấy đặc tánh chung để thiết lập yếu tánh hiển nhiên lấy ‘hữu tánh’ làm nguyên nhân, thì không cần bàn đến sự khác biệt, bởi vì ông đã thiết lập những gì đã được chứng minh.<sup>179</sup> Nếu thiết lập yếu tánh hiển nhiên: khổ, lạc và si (: rajas, sattva và tamas) làm nguyên nhân của mọi hiện tượng, thì không có đồng dụ. Nguyên nhân cũng bất thành, vì chủng loại: khổ, lạc và si không được chấp nhận phổ biến. Nếu ông cố gắng sử dụng tỷ lượng để thành lập [khổ, lạc và si] làm nguyên nhân, bằng cách khẳng định, "*Tự tánh của bốn uẩn là khổ, lạc và si, bởi vì chúng là tự tánh của các uẩn, chẳng hạn như thọ uẩn.*" [Sự bác bỏ của tôi là,] cái gọi là si không được nhiếp trong thọ uẩn, và do đó, đồng dụ không thành lập.

[275b28] Hơn nữa, thể tướng của sĩ phu [tối thắng] là phổ biến, có cái nghĩa ‘tích tụ’, tức là nghĩa của uẩn. Bởi vì nguyên nhân này mà nguyên nhân của sĩ phu [tối thắng] không thể xác định được. Thêm nữa, khổ, lạc và si không thể hoạt động riêng lẻ, do đó, tự tánh của các uẩn không thể được thiết lập như là nguyên nhân.

[275c02] Về mặt thắng nghĩa, việc khẳng định rằng, ‘có những mảnh đàn hương thực sự, lấy hữu tánh làm nguyên nhân’, sẽ không được chấp nhận, vì không có đồng dụ. Hơn nữa, về mặt thể tục, nếu lấy tổng tướng [của các pháp] để thiết lập yếu tánh hiển nhiên có tự tánh làm nguyên nhân của chúng, thì không cần bàn đến sự khác biệt, bởi vì đã thiết lập những gì đã được chứng minh. Đó là vì người ta chấp nhận rằng, phải có người thọ dụng. Nếu thiết lập yếu tánh hiển nhiên qua người thọ dụng thực sự, thường trú, chu biến và có tư duy làm tự tánh, thì đồng dụ

---

<sup>178</sup> Đó là luận điểm cho rằng những pháp vô vi không hiện hữu sẽ bị phá hủy bởi luận điểm cho rằng những pháp vô vi thì hiện hữu.

<sup>179</sup> Ngài Thanh Biện chấp nhận rằng, mọi hiện tượng đều có bản chất riêng của chúng trong thực tế thông thường. Tuy nhiên, đối với các sư Sô luận, ba đức (tri-guṇas: khổ, lạc, si) là thực tại tối thượng. Đó là lý do ngài Thanh Biện phải từ chối họ.

bất thành. Thể tướng [của sĩ phu tối thắng] như vậy không được các Bà-la-môn chấp nhận. Về mặt thắng nghĩa, đồng dụ không được thành lập, cho nên ‘người thọ dụng thức ăn và đồ uống đều thực sự là hữu tánh’, không được mọi người chấp nhận. Không có bất kỳ lập luận nào của đối thủ có thể làm hỏng tỷ lượng trước đây của tôi.

### 2.2.2-1 Phản đối học thuyết Thắng luận (Vaiśeṣika)

[275c10] [Hỏi:] Các sư Thắng luận khẳng định, “*Những tướng trạng của sự thở vào thở ra, nhắm mắt mở mắt, làm cho tâm ý hoạt động, các căn biến đổi, nhất định có tánh chất đối tượng (: sở tướng), vì có tánh chất chủ thể (: năng tướng), giống như nhìn thấy khói.*”<sup>180</sup>

[275c12] [Đáp:] [Trả lời:] Về mặt thể tục, khi các tướng khác nhau được thiết lập theo đặc tánh chung để có tánh chất đối tượng (: sở tướng), thì không cần bàn đến sự khác biệt, bởi vì ông đã thiết lập những gì đã được chứng minh.<sup>181</sup> Tự ngã (ātman) không phải là không tồn tại theo hiểu biết chung của thể tục. Tuy nhiên, nếu các tướng khác nhau được thiết lập để có tánh chất đối tượng (: sở tướng) như là ‘tự ngã thường trú, chu biến, sở y cho yếu tánh hiển nhiên: khô, lạc và si (: rajas, sattva và tamas)’, thì không có đồng dụ, bởi vì nó trái ngược với luận điểm của ông.<sup>182</sup> Nếu nó được thiết lập trên mặt thắng nghĩa, nó vẫn có lỗi về thí

---

<sup>180</sup> Các sư Thắng luận sử dụng một lý luận chung để chứng minh mối liên hệ giữa đối tượng suy luận và chủ thể suy luận, và bằng cách suy luận này, để chứng minh thêm sự tồn tại của tự ngã (xem đoạn sau). Theo chú giải, trong ví dụ nhìn thấy khói, khói là tánh chất suy luận và lửa là tánh chất được suy luận, vì lửa có thể được suy luận khi nhìn thấy khói.

<sup>181</sup> Một lần nữa, đối với ngài Thanh Biện, mối liên hệ hợp lý giữa đối tượng được suy luận và chủ thể suy luận được chấp nhận ở mặt thể tục, bởi vì sự suy luận như vậy là phương pháp suy luận chính yếu của Thanh Biện.

<sup>182</sup> Ngài Thanh Biện muốn nói rằng, lý luận của mối liên hệ giữa chủ thể suy luận và đối tượng suy luận chỉ có thể chứng minh sự tồn tại của con người thể tục chứ không thể chứng minh được bản ngã siêu việt.

dụ không hợp lệ. Liên quan đến [các khái niệm của họ về] thời, phương, không, v.v.<sup>183</sup>, chúng nên được bác bỏ theo đạo lý tương tự.

### 2.2.2-2 Phản đối học thuyết Thắng luận (2)

[275c17] [Hỏi:] Các sư Thắng luận lại nói như vậy, “*Cực vi (paramāṇu) và ý (manas) được thiết lập như là pháp vô vi bởi chúng tôi. Thiết lập ‘nhân’ của tánh Không là ‘những gì không sinh khởi’, thì ‘nhân’ ấy là không hợp lệ theo nguyên tắc của chính mình.*<sup>184</sup> Nếu ngài cho rằng hai thứ này (: cực vi và ý) thuộc về pháp hữu vi, và thiết lập ‘nhân’ của tánh Không là ‘những gì sinh khởi từ các duyên’, thì ‘nhân’ ấy là không hợp lệ theo nguyên tắc của người khác. [Trong trường hợp đó], sẽ có ít cơ hội để ngộ nhập tánh Không.”

[275c20] [Đáp:] [Trả lời:] Nếu ý và cực vi được chấp nhận như là pháp vô vi dựa trên thế tục đế, thì có thể có vấn nạn này. Tuy nhiên, [khái niệm] ‘ý’ mà các ông thiết lập, nó không phải là pháp vô vi, vì nó là trí sinh nhân<sup>185</sup>, giống như sắc, v.v. Cú nghĩa<sup>186</sup> như vậy là vì ‘đồng dị tánh’<sup>187</sup> và ‘sinh nhân của niệm’. Có những

---

<sup>183</sup> Trong Thắng luận, thời gian, phương phần và không gian đều thuộc về thực cú nghĩa, trong đó chín bản chất là yếu tố cơ bản của vũ trụ. Thực cú nghĩa (dravya-padārtha: phạm trù vật thể hay thực thể) có 9: địa (pṛthivi), thủy (ap), hỏa (tejas), phong (vāyu), không (ākāśa), thời (kāla), phương (diś), ngã (ātman), ý (manas).

<sup>184</sup> Đối với Thắng luận, cực vi và ý đều là những tồn tại cuối cùng, chúng phải là những tồn tại không kết hợp.

<sup>185</sup> Trí sinh nhân: Tức tri thức, trí tuệ của người lập luận. Như trong Luận thức: “Âm thanh là vô thường”, nếu người Lập luận không có tri thức về bản chất của âm thanh thì đã không thể nêu lý do (nhân): “Vì âm thanh có tánh cách được tạo ra”, cho nên trí là Sinh nhân. Nhân ở đây đã giúp người địch luận (đôi phương) mở được chánh trí, như hạt giống sinh mầm, cho nên, đứng về phương diện người lập luận mà gọi là Sinh nhân.

<sup>186</sup> Sáu bản thể tồn tại (padārtha: cú nghĩa) của Thắng luận (Vaiśeṣika): 1. Thực (dravya), 2. Đức (guṇa), 3. Nghiệp (karma), 4. Đồng (sāmānya), 5. Dị (viśeṣa), 6. Hòa hợp (samavāya). Hoặc 10 cú nghĩa, Thắng tông thập cú nghĩa luận (T54n2138, tr.1262c16): như trên, thêm, 7. Năng (śakti), 8. Vô năng (aśakti), 9. Câu phần (ubhayatobhāga), 10. Vô thuyết (abhāva).

nguyên nhân khác sẽ nói vào một dịp thích hợp. [Do đó, ‘ý’ không nên là pháp vô vi.] Hơn nữa, những cực vi đó cũng không phải là pháp vô vi, bởi vì chúng là nguyên nhân [cho những pháp khác], ví dụ như một sợi vải.<sup>188</sup> Chúng cũng là nguyên nhân cho các phẩm tánh khác như: hợp (saṃyoga), ly (vibhāga), lượng (parimāṇa), đồng (sāmānya), dị (viśeṣa), v.v., sẽ nói vào một dịp thích hợp.

[275c25] Thêm nữa, hai cực vi hợp thành thô vật<sup>189</sup>, có ‘nhân’ là vô thường. Thô vật được hợp thành [bởi những cực vi], giống như một chiếc bình, v.v. Những nguyên nhân khác như sau: chúng được tạo ra, chúng có thể bị hoại diệt và chúng có nhân tố. Những nguyên nhân đó nên được chứng minh vào một dịp thích hợp. Theo đạo lý này, người ta chấp trước rằng, ‘ý và cực vi đều là tự tánh Không’, cho nên, luận điểm của tôi không có lỗi như ông nói.

### 2.2.3 Kỳ-na giáo (Jaina) và những học thuyết khác

[276a01] Bằng những đạo lý được sử dụng để phá hủy các cú nghĩa của Số luận và Thắng luận, những cú nghĩa mà các hành giả Vô y (Kỳ-na giáo) chấp vào<sup>190</sup>, cũng phải được xác lập là trống rỗng, tùy theo cách họ phản ứng.

---

<sup>187</sup> Dị cú nghĩa (viśeṣa-padārtha). Thành Duy thức luận Thuật ký (tr. 256c21): “Cụm dịch là đồng dị tánh. Vừa đồng vừa dị, nên nói là đồng dị tánh.” Thuật ký (tr. 260a22): “Thật tánh, đức tánh, nghiệp tánh, tức đồng dị tánh.” Đồng dị tánh chỉ là khái niệm giả lập.

<sup>188</sup> Những cực vi có thể được tập hợp lại với nhau và tách ra. Chúng có số lượng. Một số có đặc điểm giống nhau và một số có đặc điểm khác nhau. Do đó, những cực vi không phải là sự tồn tại phi kết hợp.

<sup>189</sup> Hai cực vi (paramāṇu) sơ bản, gọi là cực vi cha mẹ, từng đôi một kết hợp thành một cực vi con, còn gọi là vi thể cấp hai (dvyaṇuka). Lượng của vi thể con bằng với lượng cực vi cha mẹ. Hai vi thể con kết hợp thành vi thể cấp ba (tryaṇuka).

<sup>190</sup> Vô y ngoại đạo 無衣外道: Còn gọi Ngoại đạo Vô hệ 無繫外道, ngoại đạo Ni-kiền tử (Nigantha-nataputta), về sau phát triển thành Kỳ-na giáo, là một tôn giáo rất thịnh hành trong thời đức Phật còn tại thế, là một trong sáu phái triết học Ấn độ (Lục phái ngoại đạo). Kỳ-na giáo cho rằng, lý do con người không được giải thoát vì sự trói buộc của nghiệp, con người muốn được giải thoát giác ngộ, cần phải diệt trừ nghiệp, bằng cách tu tập khổ hạnh. Trên thật tế, tư tưởng này vốn là sự kế thừa tư tưởng về nghiệp của Bà-la-môn. Cứ theo Huyền ứng âm nghĩa, quyển 10, thì ngoại đạo này cạo tóc, lỏa thể, không cất chứa vật gì, dùng tay khất thực chứ không có bát, hề được vật gì thì bỏ vào bát tay và ăn liền. Vì có rất nhiều điểm giống với Phật giáo, cho nên đã có thời các học giả Âu tây cận đại cho rằng Kỳ-na giáo đã thoát thai



## IV. Phần kết luận

### 1. Trí tuệ có được từ tư duy (cintāmayī)

[276a03] Sau khi loại bỏ các lỗi lầm, hành giả tu quán sử dụng sức mạnh của sự tỷ lượng chính xác để ngộ nhập tánh Không của pháp vô vi mà người của tông mình và tông khác chấp trước. Mặc dù hành giả đã ngộ nhập tánh Không nhờ sức mạnh như thêm thang của trí tuệ có được từ sự nghe pháp<sup>191</sup>, họ vẫn thiếu năng lực thắng tu<sup>192</sup> nên không thể loại bỏ vĩnh viễn những chướng ngại phải loại bỏ. Do đó, hành giả tinh cần huân tập năng lực thắng tu.

[276a06] Ở đây, khi bất kỳ một đặc tướng nào của pháp vô vi hiện hành có gián đoạn hay không gián đoạn, hành giả nên như lý quán sát tánh Không của các pháp để loại bỏ những đặc tướng đó và làm cho chúng không hiển hiện nữa. Để

---

từ Phật giáo mà ra, nhưng sau khi nghiên cứu hai tôn giáo này một cách sâu sát mới biết giữa hai tôn giáo có những điểm khác xa nhau, như Kỳ-na giáo phủ nhận giáo quyền Phệ đà, cấm chỉ cúng tế, không cho giết hại..., những điểm này giống với Phật giáo; còn như khuyến khích khổ hạnh, phân biệt 4 chủng tánh, thì giống với Bà-la-môn mà khác xa với Phật giáo. Trung Bộ kinh, Tiểu kinh khổ uẩn, phái Ni kiền tử đã trình bày quan điểm của mình như sau: “Này Mahànàma, một thời Ta ở tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, rất nhiều Nigantha (Ni-kiền Tử) tại sườn núi Isigili, trên Kalasila (Hắc Nham), đứng thẳng người, không chịu ngồi và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khóc liệt, bèn nhảy. Này Mahànàma, rồi Ta vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độ cư đứng dậy, đi đến sườn núi Isigili, tại Kalasila chỗ các Nigantha ấy ở, khi đến nơi Ta nói với các Nigantha ấy: "Chư Hiền, tại sao các Ngươi lại đứng thẳng người, không chịu ngồi xuống và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khóc liệt, bèn nhảy như vậy?" Này Mahànàma, được nói vậy các Nigantha ấy trả lời Ta như sau: "Này Hiền giả, Nigantha Nataputta - là bậc toàn tri, toàn kiến, tự xưng là có tri kiến toàn diện như sau: 'Dầu ta có đi, có đứng, có ngủ và có thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại liên tục ở nơi ta'. Vị ấy nói như sau: 'Này các Nigantha, nếu xưa kia Ngươi có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh khóc liệt này. Sự không làm ác nghiệp trong tương lai chính do sự hộ trì về thân, sự hộ trì về lời nói, sự hộ trì về ý ngay trong hiện tại, ở tại nơi đây. Như vậy chính nhờ sự thiêu đốt, sự chấm dứt các nghiệp quá khứ, sự không làm các nghiệp mới, mà không có sự tiếp tục trong tương lai. Do sự không tiếp tục trong tương lai, các nghiệp được diệt trừ; do nghiệp được diệt trừ, khổ được diệt trừ; do khổ được diệt trừ, cảm thọ được diệt trừ; do cảm thọ được diệt trừ, tất cả khổ đau sẽ được tiêu mòn'. Và vì chúng tôi chấp nhận điều ấy, và chúng tôi kham nhẫn điều ấy, nên chúng tôi được hoan hỷ. '" (H.T Thích Minh Châu dịch)

<sup>191</sup> Đây là văn tuệ, trong đó có năng lực tư duy quyết trạch (: tư trạch lực, 思擇力)

<sup>192</sup> Thắng tu lực 勝修力: là tu tập thất giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tiến, hỷ, khinh an, định và xả. Ở luận này, thắng tu là tu tập vô tướng.

ngộ nhập các pháp, hành giả như lý quán sát như sau: tách rời [khái niệm] tự tánh, vì tự tánh của các pháp vốn là Không. Bởi vì các pháp là tánh Không, nên các đặc tướng là không thật, nên gọi là vô tướng. Do vô tướng nên không có gì để nguyện cầu, nên gọi là vô nguyện.<sup>193</sup> Vì không bị nhiễm ô bởi các tướng, nên thành tựu sự viên ly.

[276a11] Thêm nữa, do tách rời [khái niệm] tự tánh cho nên khi duyên với các pháp, phiền não hoàn toàn không sinh khởi, [tâm ý] trở thành tịch tĩnh. Vì [khái niệm] tự tánh không khởi mà [các pháp] trở thành vô sinh. Vì [các pháp] vô sinh nên không vô thường, cũng không hữu khổ, cũng không vô ngã. Hơn nữa, vì [các pháp] vô sinh cho nên không hữu tướng. Bởi vì vô tướng, hành giả có thể quán chiếu tất cả các pháp và ngộ nhập tánh ‘không hai’ thông qua việc thực hành ‘nhất tướng vô tướng’<sup>194</sup>.

[276a15] Từ hành tướng này, hành giả tinh cần huân tập thắng tu. Do tăng trưởng năng lực thắng tu như vậy, hành giả có thể loại bỏ các thô tướng và làm cho nó không còn hiển hiện nữa. Bằng cách này, hành giả đạt được hành tướng ‘không còn gì để hành’ (: vô sở hành), nghĩa là thực hiện trên hành tướng hữu vi và vô vi.

---

<sup>193</sup> Tam giải thoát môn 三解脱門 (Trīni vimoksa-mukhāni): Ba pháp môn giúp hành giả được giải thoát, đến niết bàn. Đó là: 1. Không môn (Sūnyatā): Quán xét tất cả các pháp đều không tự tánh, do nhân duyên hòa hợp mà sinh; nếu thông suốt lý ấy thì đối với các pháp được tự tại. 2. Vô tướng môn (Animitta), cũng gọi Vô tướng môn: Đã biết tất cả pháp là Không, liền quán tướng các tướng nam nữ, nhất dị... thực bất khả đắc; nếu thông suốt lý các pháp vô tướng, thì lìa tướng sai biệt mà được tự tại. 3. Vô nguyện môn (Apranihita), cũng gọi Vô tác môn, Vô dục môn: Nếu biết tất cả pháp vô tướng thì trong 3 cõi không mong cầu điều gì; nếu không mong cầu thì không tạo tác nghiệp sinh tử; nếu không tạo nghiệp sinh tử thì không phải chịu quả khổ, do đó được tự tại.

<sup>194</sup> Nhất tướng vô tướng 一相無相: Một tướng không tướng. Pháp chân như thực tướng tịch lặng, bình đẳng nên gọi là Nhất tướng (eka-laksana); nhưng Nhất tướng cũng bất khả đắc nên gọi là Vô tướng (animitta). Mỗi một pháp gồm thu tất cả pháp, các pháp bao trùm lẫn nhau không có giới hạn; đương thể của các pháp là thực tướng vắng lặng, bình đẳng, xưa nay vốn lìa tướng ngôn thuyết, tướng danh từ, tướng tâm duyên, cho nên gọi là Nhất tướng vô tướng.

Như người bị bệnh màng mắt<sup>195</sup> không còn bị hoa mắt nữa, có lại được đôi mắt trong sáng. Họ sẽ không nhìn thấy những hình tướng mà trước đó họ nhìn thấy.

[276a18] Mặc dù ở đây, hành giả đã đạt được sự vô trú, nhưng sự phân biệt về tánh Không vẫn hiện hành, tâm ‘hữu công dụng’ vẫn tương tục có mặt, chưa được sự bất động.<sup>196</sup> Nhận biết rằng, ‘sự phân biệt về tánh Không vẫn hiện hành’ đã làm chướng ngại tuệ vô phân biệt xuất thế. Để loại bỏ chướng ngại này, hành giả dũng mãnh chánh cần, quán sát như sau, “*Về mặt thẳng nghĩa đế, trên cảnh tánh Không, sự phân biệt về tánh Không cũng chẳng thật hữu, bởi vì nó cũng phát sinh từ các duyên, giống như huyễn ảo, v.v.*”<sup>197</sup> Sự thực hành tinh tiến như vậy có thể loại bỏ sự phân biệt về tánh Không, v.v. Một khi loại bỏ sự phân biệt, hành giả

---

<sup>195</sup> Bệnh màng mắt: bệnh timira. Những người mắc bệnh timira thì mắt của họ bị bạch nội chướng ảnh hưởng đến cái nhìn của họ; họ có thể nhìn thấy mọi thứ mà chúng ta với cặp mắt bình thường không nhìn thấy. Như vậy, những ai mà cái nhìn của họ bị tác động bởi các định kiến cũng có thể nhìn thấy một đối tượng khác với chúng ta. Trong kinh Lăng-già, đức Phật dạy: “Phàm phu chấp cái được tạo ra như một người bị nhắm mắt chấp vào cái bóng của chính mình.” Kinh Giải thâm mật, quyển 2, phẩm Nhất thiết pháp tướng: “Đức bản, như người bị bệnh màng mắt, cái màng mắt ấy biến kể chấp tánh cũng vậy. Như người bị bệnh màng mắt thấy những ảo ảnh tóc lông, ong ruồi, lá diếp, giấy sắn, hay xanh, vàng, đỏ, trắng, những ảo tượng ấy y tha khởi tánh cũng vậy. Như người mắt đã trong sáng, hết hẳn màng mắt, bản tánh con mắt trong sáng nhìn thấy cảnh vật không thác loạn, cảnh vật không thác loạn ấy viên thành thật tánh cũng vậy.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>196</sup> Hữu công dụng 有功用: Phạm: sābhoga. Tạm mượn động tác của thân, khẩu, ý để tu tập vô tướng quán; tức là chưa có thể đạt đến chỗ không cần dụng công để tu tập mà vẫn còn phải nhờ vào phương tiện gia hạnh. Trái lại, nếu không cần nhờ vào thân, miệng, ý để tu hành, mà nhậm vận tự như, tùy thuận pháp tánh mà tu tập thì gọi là Vô công dụng (Phạm: an-ābhoga). Trong 10 địa của Bồ tát thì Bồ tát ở 7 địa trước phải nỗ lực gia hạnh để tu tập Vô tướng quán, nên gọi là Hữu công dụng địa; còn Bồ tát từ địa thứ 8 trở lên thì đã nhậm vận tự như nên gọi là Vô công dụng địa. Tuy nhiên, nếu nói theo Phật quả thì Bồ tát từ địa thứ 8 trở trên cũng thuộc về Hữu công dụng, chỉ có Phật quả là Vô công dụng. Ngoài ra, tông Thiên thai cho rằng Bồ tát trước Sơ địa của Biệt giáo và Bồ tát trước Sơ trụ của Viên giáo đều thuộc Hữu công dụng và được gọi chung là Sơ địa Sơ trụ chứng đạo đồng viên. [X. kinh Thập địa Q.6; luận Nhiếp đại thừa Q.hạ (bản dịch đời Lương); luận Thành duy thức Q.9; Hoa nghiêm kinh thám huyền kí Q.9, Q.13; Tứ giáo nghi Q.11].

<sup>197</sup> Câu này giải thích rằng, hành giả không thể dính mắc vào tánh Không, bởi vì nó chỉ là một phương tiện tu tập. Trung luận, phẩm Quán Tứ Đế, kệ 18: Chúng nhân duyên sinh pháp, Ngã thuyết tức thị không, Diệc vi thị giả danh, Diệc thị trung đạo nghĩa. 眾因緣生法, 我說即是空, 亦為是假名, 亦是中道義. (Pháp do các duyên sinh, ta nói tức là không, cũng là giả danh, và cũng là nghĩa trung đạo.) Bằng cách so sánh với câu kệ của Long Thọ, có thể thấy rằng Thanh Biện thêm ‘Về mặt thẳng nghĩa đế’ như một điều kiện để định nghĩa về Không. Điều này có thể cho thấy sự khác biệt giữa Thanh Biện và Long Thọ.

rời xa hai bên: Không và bất Không, và không còn sử dụng hành tướng về Không, v.v. để quán sát các pháp.

[276a25] [Kinh Đại Bát-nhã] có nói, “*Khi thực hành hiện quán Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bồ-tát đối với sắc, không quán là thường, không là vô thường, không quán là vui, cũng không là khổ, không quán là ngã cũng chẳng phải vô ngã, không quán tịch tĩnh cũng chẳng phải không tịch tĩnh, không quán là Không cũng chẳng phải Bất không, không quán là tướng cũng chẳng phải vô tướng, không quán là nguyện cũng chẳng phải vô nguyện, không quán viễn ly cũng chẳng phải không viễn ly.*”<sup>198</sup>

[276b01] Cũng vậy, [hiện quán] đối với thọ, tưởng, hành, thức; tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tất cả nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; niệm trú, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi; tĩnh lự, vô sắc đẳng chí; thần thông, mười lực, vô úy, các vô ngại giải, pháp bất cộng Phật, các Tam-ma-địa, môn Đà-la-ni, Nhất thiết trí, đều không quán là thường cũng chẳng phải vô thường, cho đến nói rộng.<sup>199</sup>

## 2. Trí tuệ có được từ thiền định (bhāvanāmayī)

[276b07] Khi hành giả rời xa hai bên như vậy, thì sinh trưởng diệu hạnh của sự trú ở nơi trung đạo. Sự rời xa hai bên ấy là đạo lý của sự trú ở nơi trung đạo. Theo cách giải thích ở trên, ngang qua hai loại tỷ lượng về pháp hữu vi và pháp vô

---

<sup>198</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, No. 220, quyển 464, phẩm Biến Học, tr. 347a28: “Phật bảo Thiện Hiên: - Các Đại Bồ-tát quán sắc cho đến thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc không viễn ly, đó là hý luận.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch) Có thể tìm thấy rất nhiều đoạn văn tương tự trong Kinh Đại Bát-nhã (tr. 326c16, tr. 678c06, tr. 787c17-789c03, v.v.)

<sup>199</sup> Đoạn này kể đối tượng của hiện quán gồm có: 5 uẩn, 12 xứ, 6 độ, 37 giác phần: 4 niệm trú, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi và 8 Thánh đạo; 4 sắc giới tĩnh lự, 4 vô sắc định, 6 thần thông, 10 lực, 4 vô úy, 4 vô ngại, 18 bất cộng pháp, tam-ma-địa, đà-la-ni, nhất thể trí.

vi, không có một loại sắc nào cả, nên gọi là ‘không có sắc’.<sup>200</sup> Do không có sắc nên cũng không có những phân biệt, tức không có một chút pháp nào được biểu thị bằng hình tướng. Pháp kia đã vậy, pháp này cũng như vậy, nên gọi là ‘không có biểu thị’. Bởi vì [các pháp] không có tự tánh, nên cái sở y và cái năng y đều không thành tựu.<sup>201</sup> Bởi vì không có trú trước và bám giữ, nên gọi là ‘không có trú ở’.<sup>202</sup>

[276b12] Bất kể là tướng hữu vi hay tướng vô vi, là đối tượng phân biệt hay chẳng phải đối tượng phân biệt, là chủ thể phân biệt hay chẳng phải chủ thể phân biệt; bởi vì giác tuệ không hoạt động trên những tướng như vậy, nên gọi là ‘không có hiển hiện’. Rồi xa tất cả hữu tướng, vô tướng, cảnh giới của ý thức không sinh khởi, nên gọi là ‘không có liễu biệt’. Bởi vì không có màu sắc, không có hình chất, không có định hướng hay chỉ dẫn, nên gọi là ‘không có dấu hiệu’.<sup>203</sup>

[276b17] Thí dụ, Đức Thế Tôn bảo tôn giả Ca-diếp-ba (Kāśyapa), “*Thường là một bên và vô thường là một bên thứ hai. Giữa hai điều này, không có sắc, không có biểu thị, không có trú ở, không có hiển hiện, không có liễu biệt và không có dấu hiệu, và đó gọi là diệu hạnh của sự trú ở nơi trung đạo. Như thật quán sát tất cả pháp tánh.*” Nói rộng cho đến, “*Hữu vi là một bên, vô vi là một bên thứ hai, v.v.*” Như Đức Phật bảo tôn giả Ca-diếp-ba, “*Minh và vô minh đều không có hai, không có hai sai biệt. Chánh trí như vậy gọi là diệu hạnh của sự trú ở nơi trung đạo.*”<sup>204</sup>

---

<sup>200</sup> Hai loại tỷ lượng là hai tuyên bố chứng minh chính thức mà luận này thiết lập: “Chân tánh, hữu vi không, Như huyền vi duyên sinh. Vô vi không có thật, Chẳng khởi, tự không hoa.”

<sup>201</sup> Năng y là tâm sở; sở y là ý thức. Năng y là phiền não; sở y là A-lại-da thức.

<sup>202</sup> Trú ở, nghĩa là đắm mê, vướng mắc, lấy làm đất đứng, lấy làm yếu tố hỗ trợ. Vô trú = vô sở trú: không trú ở vào bất cứ chỗ nào, một pháp nào.

<sup>203</sup> Sáu mô tả như ‘không có sắc’, ‘không có biểu thị’, ‘không có trú ở’, ‘không có hiển hiện’, ‘không có liễu biệt’ và ‘không có dấu hiệu’ được sử dụng để nói về nguyên tắc của con đường trung đạo.

<sup>204</sup> Kinh Đại bảo tích, No. 310, Pháp hội Phổ Minh Bồ tát, thứ 43, tr. 633c09-634a01: “Này Đại Ca Diếp! Bồ Tát thường muốn học kinh Đại Bảo Tích này thì phải thường tu tập chánh quán các pháp. Thế nào là chánh quán? Đó là chân thật tư duy các pháp. Người chân thật chánh quán thì chẳng quán ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.”

[276b23] Nếu đã rời xa hai bên như vậy, nơi sự an trú ý tưởng ‘không hai’ mà khởi phân biệt trên ý tưởng ‘không hai’<sup>205</sup>, thì phải hiểu rõ rằng, nó chướng ngại trí tuệ vô phân biệt xuất thế và sự an trú tịch tĩnh. Nếu nguyên nhân vừa nói có thể được loại bỏ nhanh chóng và vĩnh viễn, thì sẽ không có những sự phân biệt như vậy, như vậy; và do đó, ngữ ngôn và ý ngôn<sup>206</sup>, cả hai [phân biệt] sẽ chấm dứt. Hành giả sẽ chứng đắc thực tướng các pháp là không lay động, không hiển hiện, không các tướng, tách rời các hý luận. Hành giả sẽ chứng nhập tự tướng của diệu trí từ từ các đối tượng được nhận thức và liên tục an trú [trong tự tướng của diệu

---

Lại này Đại Ca Diếp! Người chân thật quán thì quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Lại này Đại Ca Diếp! Người chân thật quán thì quán địa chủng chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường, quán thủy, hỏa và phong chủng chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Tại sao vậy? Vì thường là một bên, vô thường là một bên, còn giữa thường và vô thường thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có trí giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp. Ngã là một bên, vô ngã là một bên, còn giữa ngã và vô ngã thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có trí giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại này Đại Ca Diếp! Nếu tâm có thật thì là một bên, nếu tâm phi thật cũng là một bên, nếu không có tâm thức thì cũng không có tâm số pháp, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Như thế thì pháp thiện và pháp bất thiện, pháp thế gian và pháp xuất thế gian, pháp có tội và pháp không có tội, pháp hữu lậu và pháp vô lậu, pháp hữu vi và pháp vô vi, nhân đến pháp có cấu uế và pháp không có cấu uế cũng đều như vậy, rời lìa hai bên mà chẳng thể thọ được, cũng chẳng thể nói được, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại này Đại Ca Diếp! Hữu là một bên, vô cũng là một bên, còn giữa hữu và vô thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có trí giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Này Đại Ca Diếp! Thập nhị nhơn duyên đã được ta thuyết pháp: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử ưu bi khổ não.

Nhơn duyên như vậy chỉ là hợp lại thành, là khối đại khổ. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử ưu bi khổ não diệt mà khối đại khổ diệt. Minh cùng vô minh không có hai không có khác. Biết rõ như vậy thì gọi là trung đạo thiết quán các pháp.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

<sup>205</sup> Tức là trên cảnh sở duyên (tướng phần) phát sinh thêm khái niệm phân biệt (kiến phần). Còn thấy có cảnh tướng sở thủ và trí năng thủ là còn sự phân biệt tán động.

<sup>206</sup> Ngữ ngôn là phân biệt qua những khái niệm (: các pháp, danh ngôn). Ý ngôn là phân biệt bởi ý thức (: ý địa: ý thức, giác quán, tư duy). Ngài Huyền Trang dịch là ý ngôn, ngài Chân Đế dịch là phân biệt.

trí]. Mặc dù hành giả siêng năng tu tập ‘quán Không’ chẳng điên đảo, nhưng đối với tánh Không hoàn toàn không có tác chứng, như vậy gọi là ‘tĩnh lự [chứng đắc] thắng nghĩa’.

[276c01] Như Đức Thế Tôn đã nói: “*Mặc dù hành giả tu tĩnh lự nhưng không nương sắc mà tu tĩnh lự. Như vậy, không nương thọ, tưởng, hành, thức mà tu tĩnh lự. Không nương nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý mà tu tĩnh lự. Không nương sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà tu tĩnh lự. Không nương nơi thân phân biệt an trú mà tu tĩnh lự. Không nương nơi tâm phân biệt an trú mà tu tĩnh lự. Không nương nơi đất, nước, lửa và gió mà tu tĩnh lự.*

[276c06] *Không nương nơi hư không, mặt trời, mặt trăng, tinh tú mà tu tĩnh lự. Không nương nơi Đé thích (Śakra), Phạm vương (Brahmā), Thế chủ (Lokesvara) mà tu tĩnh lự. Không nương nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới mà tu tĩnh lự. Không nương nơi đời này và đời khác mà tu tĩnh lự. Không cao không thấp, chứng trú vô động mà tu tĩnh lự. Không nương vào ngã kiến mà tu tĩnh lự.*

[276c10] *Như vậy, không nương nơi khái niệm về hữu tình (sattva), mạng giả (jīvaḥ), dưỡng dục (poṣa), sĩ phu (puruṣaḥ), Bỏ-đặc-già-la (pudgalaḥ), ý sinh (manujah), Ma-nạp-bà (māṇavaka) mà tu tĩnh lự. Không nương đoạn kiến, thường kiến, [nhất kiến, dị kiến], hữu kiến, vô kiến mà tu tĩnh lự. Không vì lậu tận mà tu tĩnh lự. Không vì thú nhập chánh tánh ly sinh<sup>207</sup> mà tu tĩnh lự. Không vì chứng quả mà tu tĩnh lự. Không vì rốt ráo không có sự tạo tác mà tu tĩnh lự. Tuy vì tu tập*

---

<sup>207</sup> Chánh tánh ly sinh 正性離生: Là cái tánh sinh ra trí vô lậu mà đoạn trừ phiền não. Chánh tánh ly sinh còn gọi là Thánh tánh ly sinh. Ngài Chân Đế dịch là chánh định, tên khác của Kiến đạo, nghĩa là khi tu đến địa vị Kiến đạo thì hành giả đạt được chánh tánh niết bàn, và đây là Kiến đạo vị của Bồ tát. Theo luận Đại Tỳ-bà-sa, quyển 3, chánh tánh tức là niết bàn (thánh đạo), tánh của nó thuần chánh, không tà; sinh là tên khác của phiền não, hoặc do thiện căn chưa thành thực có thể khiến chúng sinh luân hồi sinh tử. Niết bàn hay vô lậu trí có thể khiến chúng sinh thoát ly sinh tử nên gọi chánh tánh ly sinh. Kinh Đại bát nhã, quyển 468 nói hữu sở đắc là sinh, trí vô sở đắc là ly sinh: “Thiện Hiện! Các Bồ tát Ma ha tát dùng nhiều thứ pháp môn như thế thầy, không hành, không đắc, không nói, không chỉ làm vô sở đắc, tức vô sở đắc nói tên ly sinh. Các Bồ tát Ma ha tát chứng vào ngôi Chánh tánh ly sinh rồi, viên mãn tất cả tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí. Vẫn chẳng theo thế lực định mà sinh, huông theo phiền não tham sân si thầy. Nếu theo thế lực phiền não mà sinh, không có lẽ ấy.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

*‘quán Không’ chẳng điên đảo mà tu tĩnh lự, nhưng đối với tánh Không, không vì tác chứng mà tu tĩnh lự.’<sup>208</sup>*

### **3. Trí vô phân biệt (avikalpajñāna)**

#### **3.1 Khái niệm về trí vô phân biệt**

[276c17] [Hỏi:] Các luận giả Tương ưng định chấp, *“Tất cả phân biệt sở thủ và phân biệt năng thủ đều rời xa, đó là trí vô phân biệt xuất thế gian.”<sup>209</sup>* Theo điều này, hành giả khởi niềm tin chắc thật và siêng năng tu tập."

[276c19] [Đáp:] Một người nào đó xem xét nghiêm túc về khẳng định này, nói, *“Trí như vậy phát sinh, tuy nó không có sự phân biệt [sở thủ và năng thủ] như*

---

<sup>208</sup> Không tìm thấy kinh văn chính xác, nhưng ý tưởng nằm trong kinh Đại Bát-nhã và kinh Đại Bảo Tích. Kinh Đại Bảo Tích, Pháp hội Bồ-tát tạng, phẩm Khai hóa trưởng giả, tr. 202b24: “Này các Trưởng Giả ! Ta nói sắc ấy, tánh nó là khổ mà lại cháy phùng. Những gì cháy phùng? Đó là lửa tham lửa sân lửa si cháy phùng, lửa sinh già bệnh chết rầu lo khổ sở cháy phùng. Thanh hương vị xúc pháp cũng vậy. Sắc uẩn đến thức uẩn cũng vậy. Địa đại chủng đến thức đại chủng, ta nói tánh nó là khổ mà lại cháy phùng. Những gì cháy phùng? Đó là lửa tham lửa sân lửa si cháy phùng, lửa sinh già bệnh chết rầu lo khổ sở cháy phùng. Vì thế nên, này các Trưởng Giả! Nay ta chẳng chấp nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, các ông cũng phải học theo như vậy. Nay ta chẳng chấp sắc thanh hương vị xúc pháp, các ông cũng phải học theo như vậy. Nay ta chẳng chấp sắc uẩn thọ tướng hành thức uẩn, các ông cũng phải học theo như vậy. Nay ta chẳng chấp địa đại thủy hỏa phong không thức đại, đời này đời sau, các ông cũng phải học theo như vậy. Này các Trưởng Giả! Ở nơi nhãn tỷ thiệt thân ý, nếu các ông chẳng chấp trước thì chẳng y cứ nhãn mà an trụ, chẳng y cứ nhĩ tỷ thiệt thân ý mà an trụ. Lúc các ông chẳng y cứ nơi sắc thanh hương vị xúc pháp thì các ông chẳng y cứ nơi tất cả pháp mà an trụ. Lúc các ông chẳng y cứ nơi sắc uẩn nhãn đến thức uẩn, thì các ông chẳng an trụ nơi sắc uẩn nhãn đến thức uẩn. Lúc các ông chẳng y cứ nơi địa đại chủng nhãn đến thức đại chủng thì các ông chẳng an trụ nơi địa đại chủng nhãn đến thức đại chủng. Các ông chẳng y cứ nơi đời này đời sau và tất cả thế gian để an trụ, lúc các ông chẳng lấy tất cả pháp như vậy thì các ông chẳng y cứ tất cả pháp để an trụ. Nếu các ông có thể chẳng y cứ tất cả pháp để an trụ, thì gọi là chẳng phải sẽ có chẳng phải chẳng sẽ có. Các ông nếu rõ biết chẳng phải sẽ có chẳng phải chẳng sẽ có ấy, ta gọi các ông giải thoát những khổ sinh lão bệnh tử.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

<sup>209</sup> Trong Duy Thức Tam Thập tụng, kệ 28 và nửa kệ 29 nói: “Nhuộc thời ư sở duyên, Trí đô vô sở đắc, Nhĩ thời trú Duy thức, Ly nhị thủ tướng cố. Vô đắc bất tư nghị, Thị xuất thế gian trí.” (若時於所緣, 智都無所得, 爾時住唯識, 離二取相故. 無得不思議, 是出世間智. Khi hành giả đối với đối tượng sở duyên, quán trí không còn thấy có đối tượng sở đắc. Bảy giờ hành giả ấy mới thực sự an trú Duy thức tánh, vì đã xa lìa hai tướng năng thủ và sở thủ. Trí tuệ mà viễn ly được đối tượng sở đắc là trí tuệ siêu phàm không thể suy lường, đó là trí xuất thế gian.)



đã nói ở trên, nhưng vì không có [kiến] tướng và cảnh tướng<sup>210</sup> sinh khởi, vì tự tánh phân biệt luôn theo sau, vì là pháp hữu vi, giống như nhận thức hiện lượng vẫn có giác huệ (buddhi) phân biệt, cho nên nó không thể là trí vô phân biệt xuất thế gian.”

### 3.2 Thảo luận về chân như của phái Tương ưng

[276c22] Thêm nữa, các luận giả Tương ưng chấp rằng, “Chân như ly tướng ly ngôn chính là thắng nghĩa đế, vì nó là sở duyên, giống như những sở duyên khác không thành thắng nghĩa.”<sup>211</sup> Đó là lý do mà [hai] nhân này<sup>212</sup> đều chẳng phải là tối thắng. Thí dụ, trong Khế kinh có nói, “Vì sao ở đây nó được gọi là thắng nghĩa đế? Ở đây, ngay cả trí cũng không hoạt động, [chứ đừng nói đến những danh tự].”<sup>213</sup> Lại nữa, Đức Phật hỏi ngài Mạn-thù-thất-lợi (Mañjuśrī), “Tuệ nhãn thấy gì?” Ngài trả lời, “Nếu có thể thấy bất cứ gì, đó không phải là tuệ nhãn.”<sup>214</sup> Bởi vì

---

<sup>210</sup> Năng kiến tướng (năng kiến, kiến tướng, chuyên tướng) và Cảnh giới tướng (năng hiện, cảnh tướng, hiện tướng).

<sup>211</sup> Chân như ly tướng ly ngôn chính là thắng nghĩa đế (tông), vì nó là sở duyên (nhân), giống như những sở duyên khác không thành thắng nghĩa (đồng pháp dụ). Chương Trần Luận Sớ giải thích: “Giống như những sở duyên của năm thức trước chính là năm trần cảnh. Khi ở trong cảnh giới thiền định, nhất niệm thức đang nắm giữ trần cảnh, và trần cảnh ấy, cũng ly tướng ly ngôn, đã không thành chân như thắng nghĩa. Tại sao riêng sở duyên này trở thành chân như thắng nghĩa?”

<sup>212</sup> Hai nhân của hai sự tỷ lượng về hữu vi và vô vi.

<sup>213</sup> Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Bồ-tát Tạng, phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, tr. 300c24: “Thế gian có bao nhiêu văn tự, ngữ ngôn, âm thanh, giả thuyết v.v., các tướng như vậy gọi là thế tục đế. Ở chỗ ấy còn chẳng phải tâm hành, huống là văn tự mà có thể trình bày nói năng, các pháp như vậy gọi là thắng nghĩa đế.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

<sup>214</sup> Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển 8, tr. 43b13-27: “Lúc bấy giờ, Xá Lợi Tử lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ-tát đắc tuệ nhãn thanh tịnh. Phật bảo cụ thọ Xá Lợi Tử: Xá Lợi Tử! Các đại Bồ-tát đắc tuệ nhãn thanh tịnh, chẳng thấy có pháp hữu vi, hoặc vô vi; chẳng thấy có pháp hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng thấy có pháp thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng thấy có pháp hữu tội, hoặc vô tội; chẳng thấy có pháp tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng thấy có pháp hữu sắc, hoặc vô sắc; chẳng thấy có pháp hữu đối, hoặc vô đối; chẳng thấy có pháp quá khứ, vị lai, hoặc hiện tại; chẳng thấy có pháp trói buộc trong cõi Dục, trói buộc trong cõi Sắc, hoặc trói buộc trong cõi Vô sắc; chẳng thấy có pháp thiện, chẳng thiện, hoặc vô ký; chẳng thấy có pháp kiến sở đoạn, tu sở đoạn, hoặc phi sở đoạn; chẳng thấy có pháp học, vô học, hoặc phi học phi vô học, cho đến tất cả pháp, tự tánh hoặc sai biệt, đều chẳng thấy. Xá

tuệ nhãn thì vô phân biệt, nó không thấy pháp hữu vi, cũng không thể thấy pháp vô vi. Đó là vì pháp vô vi không phải là đối tượng mà tuệ nhãn quan sát. Do giáo lý này, các luận giả Tương ưng nên loại bỏ một định chấp như vậy.

[276c29] Sau khi xét kỹ, có thể nói, "*Về mặt thắng nghĩa để, trí vô phân biệt xuất thế như vậy cũng chẳng thật hữu, bởi vì nó được sinh ra từ các duyên, giống như người huyễn.*" Nếu có bao nhiêu vương mắc, lầm lỗi, thì nên như lý quán chiếu và loại bỏ chúng. Nếu trí tuệ này có thể loại bỏ định chấp như vậy, thì trí tuệ này có cùng lỗi lầm với định chấp kia. Không cần siêng năng thẩm sát và khai thị

---

Lợi Tử! Đại Bồ-tát này đặc tuệ nhãn thanh tịnh, đối với tất cả pháp, chẳng phải thấy, chẳng phải chẳng thấy, chẳng phải nghe, chẳng phải chẳng nghe; chẳng phải biết, chẳng phải chẳng biết; chẳng phải hiểu rõ, chẳng phải chẳng hiểu rõ. Xá Lợi Tử! Như vậy là đại Bồ-tát đặc tuệ nhãn thanh tịnh." (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Bảo Kế Bồ Tát, tr. 663c16: “Này Tộc Tánh Tử! Người quán sát nơi pháp biết pháp vốn không có làm y chỉ, chẳng hoại pháp giới tâm ý tự nhiên mà được ý chỉ, nhập vào pháp giới hiểu rõ các pháp, quán pháp giới ấy cùng với nhơn giới, nơi pháp giới kia cũng không hư hoại chẳng hư nhơn giới. Pháp giới và nhơn giới, hai sự ấy đồng như hư không giới. Bồ Tát này dùng một giới mà thấy khắp các pháp. Dùng tuệ nhãn thấy thì dùng pháp giới quán sở hành của Phật. Giả sử có người chẳng tuyền trạch pháp, Bồ Tát này không thấy, do có đây nên các pháp bao nhiêu đều thấy không có bốn pháp chẳng thấy có bao nhiêu. Nếu do quán pháp mà thấy vốn không có, thì chẳng nhục nhãn thấy, chẳng thiên nhãn thấy, chẳng tuệ nhãn thấy. Tại sao? Vì nhãn ấy rời lìa phân biệt vậy. Chẳng nhục nhãn thấy thì nhãn ấy chẳng sa vào hành sinh tử. Chẳng thiên nhãn thấy thì chẳng dùng nhãn ấy hành nơi phóng dật. Chẳng tuệ nhãn thấy thì quán pháp rõ pháp vốn không có. Khắp thấy các pháp không có xứ sở, pháp không có sở trụ. Đã thấy các pháp không có sở trụ thì hành pháp ý, thì chẳng trái mặt thế nguyện xa xưa. Đây là Bồ Tát tùy thuận lời Phật dạy mà tự lập ý quán sát các pháp thâm diệu chẳng bỏ Vô thượng Bồ đề vậy.”

nữa. Sau khi diệt trừ những chấp trước như vậy, không có hành giải<sup>215</sup> về cảnh tánh ‘vô tướng’ mà cần được biết, bởi vì thiếu vắng các duyên. Các trí khác không sinh là do không có hành giải, cho nên nói là ‘hành giải chân thật’.

[277a07] Như Đức Thế Tôn nói, "*Thế nào gọi là hành giải chân thật? Không có bất kỳ hành giải nào đối với các pháp, đó gọi là hành giải chân thật.*" Hơn nữa, như trong kinh ghi, "*Bồ-đề của Như Lai thì không có hiện quán.*"<sup>216</sup> Lại

---

<sup>215</sup> Hành giải 行解: I. Hành Giải. Khi tâm vương và tâm sở tiếp xúc với đối tượng thì phát sinh tác dụng nhận thức, hiểu biết, gọi là Hành giải. Hành giải có tổng tướng và biệt tướng khác nhau mà trong các bộ luận Phật giáo giải thích bằng nhiều cách: 1. Tâm vương thu nhiếp lấy tổng tướng của đối tượng (như sắc, thanh), chứ không thể thu nhiếp lấy biệt tướng (như thuận, nghịch). Trái lại, tâm sở thu nhiếp biệt tướng chứ không thể thu nhiếp tổng tướng. 2. Tâm vương vừa thu nhiếp tổng tướng lại vừa thu nhiếp biệt tướng, còn tâm sở thì chỉ thu nhiếp biệt tướng mà thôi. Bởi vì thuyết này cho rằng sức tác dụng của tâm vương mạnh hơn tâm sở. 3. Tâm sở thu nhiếp cả biệt tướng và tổng tướng, còn tâm vương thì chỉ thu nhiếp tổng tướng. Bởi vì thuyết này cho rằng hễ tâm vương tác dụng chỗ nào thì chắc chắn tâm sở cũng y theo chỗ đó. 4. Tâm vương và tâm sở đều có thể thu nhiếp tổng tướng và biệt tướng. Ngoài ra, tông Câu xá và tông Duy thức đều cho Hành giải là tác dụng liễu biệt của tâm vương và tâm sở, nhưng vì tông Câu xá gọi những ảnh tượng (bóng dáng) hiện lên trong tâm thức là Hành tướng, cho nên đặc biệt gọi tác dụng liễu biệt của tâm thức là Hành giải. Còn tông Duy thức thì trực tiếp gọi tác dụng liễu biệt của tâm thức là Hành tướng, cho nên giữa Hành tướng và Hành giải không có sự sai khác. [X. luận Đại tỳ bà sa Q.34; luận Thành duy thức Q.5; Thành duy thức luận thuật ký Q.5 phần cuối; Câu xá luận quang ký Q.1 phần cuối].

II. Hành Giải. Gọi chung Hành (thực hành) và Giải (hiểu biết). Hiểu biết và thực hành những giáo lý được chỉ dạy. Đây là 2 điều kiện căn bản để đạt đến quả vị Phật.

<sup>216</sup> Hiện quán 現觀 là tuệ giác vô lậu chứng được chân thật. Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập luận, quyển 11, phẩm Quyết trạch phân trung pháp: “Địa này (Du-già địa) lược có 5 thứ: trì, nhậm, kính, minh, y. Trì, là tích tập tư lương bồ đề rồi, ở nơi noãn vị v.v... dựa vào các thánh đế mà có được đa văn; từ những gì đa văn an lập đối cảnh sở duyên cho chỉ quán, gọi là trì. Lại tích tập tư lương bồ đề rồi, vì cầu hiện quán chắc thật mà lắng nghe và tiếp nhận giáo pháp nơi khế kinh v.v..., gọi là đa văn (huân tập). Nhậm, là duyên đối cảnh chỉ quán mà tác ý đúng lý; do tác ý như vậy và dựa vào sự đa văn mà tư duy không điên đảo về nghĩa tướng (của giáo pháp), nắm giữ nội tâm một cách tự nhiên. Kính, duyên đối cảnh chỉ quán mà tu chánh định hữu tướng; chánh định này duyên với sự đa văn; vì đối cảnh và ấn tượng trong định cùng có mặt nên gọi là hữu tướng. Do chánh định này còn mang ấn tượng có phân biệt của quán, và chánh định này có năng lực quán sát thấu hiểu các pháp cần thấu hiểu, nên ví như tấm gương. Minh, là trí không có thủ đắc năng thủ và sở thủ; do trí này mà nhiếp lấy hiện quán chuyên y ở kiến đạo. Vì sao các bồ tát dựa vào phương tiện tu học của Du-già địa để chứng sự không thể thủ đắc? Đó là các bồ tát đã khéo đôn chứa hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ, trải qua vô số đại kiếp thứ nhất, đa văn và tùy thuận sự thấu triệt chân như, tác ý đúng lý về giáo pháp nơi khế kinh v.v... mà tu tập chánh định dựa vào sự khinh an nơi tâm, tư duy đối với ấn tượng được xác lập trong định, quán ấn tượng ấy không biệt lập với sự khinh an nơi tâm. Dựa vào ấn tượng này để buông xả phân biệt ngoại cảnh, chỉ quán chuyên chú vào ấn tượng có phân biệt của chánh định. Bấy giờ bồ tát liễu tri các pháp chỉ là tự tâm, trú ở nơi nội tâm, biết tất cả cảnh giới sở thủ đều không sở hữu. Vì sở thủ không có nên tất cả năng thủ cũng chẳng phải chân thật, cho nên liễu tri năng thủ chẳng có. Lại nữa, nơi nội tâm xả ly hai thứ sở đắc, nơi tự tánh chứng vô sở đắc. Dựa vào đạo lý này mà đức Phật khéo tuyên thuyết, bồ tát ở định vị quán ấn tượng chánh định là tâm

nữa, Đức Phật hỏi ngài Mạn-thù-thất-lợi, "Những người kiến đế sẽ thấy gì?" Trả lời, "Không có một chút pháp có thể thấy. Vì sao? Hễ có thấy gì đều là hư vọng. Nếu không thấy gì mới gọi là kiến đế."<sup>217</sup>

[277a12] Hơn nữa, có người hỏi, "Vì sao nên siêng năng tu tập hiện quán?" Đáp rằng, "Không có một chút pháp có thể tư duy và phân biệt, như vậy là nên siêng năng tu tập hiện quán." Lại hỏi, "Thế nào là đã chứng hiện quán?" Trả lời, "Có thể thấy tất cả pháp đều là tánh bình đẳng." Lại hỏi, "Liệu rằng có thể thấy tất cả pháp đều là tánh bình đẳng được chăng?" Trả lời, "[Người đã chứng hiện quán] không thể thấy [tất cả pháp đều là] tánh bình đẳng, bởi vì nếu có thấy gì thì trở thành cái thấy bất bình đẳng."<sup>218</sup>

[277a17] Hành giải chân thật, hiện quán và kiến đế đều đồng một nghĩa. Hành giả tu quán thì tâm, ý, thức và trí lúc ấy không hoạt động, đó gọi là chánh hành tuệ vô phân biệt. Nếu có thể hành mà không có gì hành, như vậy thì hành giả nhận được sự thọ ký chân thật từ Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

[277a20] Như Khế kinh có nói, "Bạch Thế Tôn! Bỏ tất tu hành thế nào đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề để nhận được sự thọ ký chân thật từ chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác? Nay Phạm chí! Bỏ-tất nếu ở lúc này không hành nơi sinh, không hành nơi diệt, không hành nơi thiện, không hành nơi bất thiện, không hành thế gian, không hành xuất thế gian, không hành hữu lậu, không hành vô lậu, không hành hữu tội, không hành vô tội, không hành hữu vi, không hành vô vi, không hành tương ưng, không hành bất tương ưng, không hành nơi đoạn, không hành nơi bất đoạn, không hành sinh tử và Niết-bàn, không hành nơi kiến, văn, giác, tri; không hành nơi thí và xả bỏ, không hành nơi giới và luật nghi, không

---

thức, phân biệt về nghĩa đã dứt trừ, thấu triệt chỉ là sự tự phân biệt, biết đã an trú nội tâm, biết sở thủ chẳng có, biết năng thủ cũng không, sau đó chạm đến sự vô sở đắc. Y, là chuyển y, nghĩa là rời xa tất cả (tạp nhiễm) thô trọng mà được thanh tịnh chuyển y."

<sup>217</sup> Không thể tìm thấy văn bản chính xác.

<sup>218</sup> Không thể tìm thấy văn bản chính xác.

*hành nơi nhẫn, không hành tinh tiến, không hành tinh lự, không hành đẳng trì, không hành nơi tuệ, không hành nơi giải, không hành nơi trí, không hành nơi chứng. Bồ-tát hành mà không có gì hành như vậy, thì đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vị ấy nhận được sự thọ ký chân thật từ chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.”<sup>219</sup>*

[277b03] Tuệ hành như vậy gọi là sự im lặng như bậc Thánh. Như Khế kinh có nói, “*Nơi ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, như lời Phật dạy mà khai thị như thật, đó gọi là thuyết pháp. Lại đối với pháp ấy, tuy dùng thân để chứng mà không quán sát rời thân có pháp, cũng không quán sát rời pháp có thân. Quán sát như vậy là quán không hai, cũng chẳng không hai. Lúc quán như vậy, không có trí kiến theo sự quán sát hiện lượng. Vì không có sự quán sát, nên gọi là sự im lặng như bậc Thánh.*”<sup>220</sup>

[277b09] Nhờ giáo lý này mà khi quán sát kỹ về tất cả tự tánh của hữu vi và vô vi, chúng không bao giờ là tự tánh của những cảnh giới của tâm hoặc tuệ, của

---

<sup>219</sup> Kinh Tư Ích Phạm Vương Sở Vấn, No. 586, quyển 2, phẩm Vấn Đàm, tr. 45c14: “Bấy giờ Phạm thiên Tư Ích bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đã tu tập hạnh gì mà được chư Phật thọ ký quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Đức Phật bảo: - Nếu Bồ-tát không hành nơi pháp sinh, không hành nơi pháp diệt, không hành thiện, không hành bất thiện, không hành thế gian, không hành xuất thế gian, không hành pháp hữu tội, không hành pháp vô tội, không hành pháp hữu lậu, không hành pháp vô lậu, không hành pháp hữu vi, không hành pháp vô vi, không hành tu đạo, không hành trừ đoạn, không hành sinh tử, không hành Niết-bàn, không hành kiến pháp, không hành văn pháp, không hành giác pháp, không hành tri pháp; không hành thí, không hành xả, không hành giới, không hành phước, không hành nhẫn, không hành thiện, không hành phát, không hành tinh tiến, không hành thiền, không hành tam muội, không hành tuệ, không hành hành, không hành tri, không hành đắc. Phạm thiên! Nếu Bồ-tát hành như vậy, thì được chư Phật thọ ký quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Vì mọi sở hành đều là thủ đắc các tướng. Vô tướng, vô phân biệt là Bồ-đề. Có sở hữu thì không phải Bồ-đề. Không sở hữu mới là Bồ-đề. Có hành điều gì là phân biệt. Không phân biệt là Bồ-đề. Có hành điều gì đều là khởi tác. Không khởi tác là Bồ-đề. Có hành điều gì đều là hý luận. Không hý luận là Bồ-đề. Vì vậy nên biết, nếu Bồ-tát vượt qua mọi sở hành thì được thọ ký.”

<sup>220</sup> Kinh Thắng Tư Duy Phạm Vương Sở Vấn, No. 587, quyển 4, tr. 83a21: “Này thiện nam! Ở trong ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề mà có thể dùng ngôn ngữ để kiến lập, khai thị, phân biệt, diễn thuyết, thì gọi là thuyết pháp như thật. Bởi vì thuyết giảng đúng như thật nên được gọi là thuyết pháp như thật. Nếu tự thân chứng pháp ấy mà không rời thân để thấy pháp, cũng không rời pháp để thấy thân, ở trong sự quán sát ấy mà không thấy hai tướng, không thấy không hai tướng. Như vậy là hiện tiền thấy mà không thấy, đó gọi là im lặng như bậc Thánh.” Xem Tập A-hàm, kinh số 501, Thánh Mặc Nhiên.

hữu phân biệt hoặc vô phân biệt. Biết được điều này, ánh sáng mặt trời của minh tuệ có thể xua tan mọi bóng tối của ngu si.

*Chư cảnh tâm, tuệ hiện  
Người trí do không thủ  
Tuệ hành vô phân biệt  
Không sở hành mà hành.*<sup>221</sup>

[277b14] Ở đây, cái có khả năng tích tập chủng tử các hành (: các pháp) và là nơi chủng tử các hành tích tập, được gọi là *tâm*. Cái có khả năng duy trì những thắng đức, hoặc nhờ sự duy trì ấy mà khiến những thắng đức không tan mất, được gọi là *tuệ*. Sở hành của tâm và tuệ được gọi là cảnh của tâm và tuệ. Cảnh, địa, sở hành là những tên gọi khác nhau. *Cảnh của tâm* là các tướng của pháp hữu vi và pháp vô vi. *Cảnh của tuệ* là tánh Không của pháp hữu vi và pháp vô vi. Như Khế kinh có nói, “*Tuệ vô phân biệt là [tâm] không hề lay chuyển.*”<sup>222</sup>

[277b19] *Hiện*, là hiển hiện, nghĩa là hiển hiện tánh tướng tương tự nơi cảnh giới sở hành của tâm và tuệ.

*Chư*, là các địa, v.v., theo cùng một loại: tổng quát hoặc chi tiết. Cũng vậy, nhãn, nhĩ, v.v. và sắc, thanh, v.v., theo cùng một loại: tổng quát hoặc chi tiết. Cũng vậy, sắc, thọ, tưởng, hành và thức, theo cùng một loại: tổng quát hoặc chi tiết.

---

<sup>221</sup> Chư tâm tuệ cảnh hiện, Trí giả do bất thủ, Tuệ hành vô phân biệt, Vô sở hành nhi hành. 諸心慧境現, 智者由不取, 慧行無分別, 無所行而行. Đoạn văn sau giải thích kệ tụng này.

<sup>222</sup> Nhiếp luận: “Tự trung, tự tánh của trí vô phân biệt là không phải 5 trạng thái: một là không phải không tác ý, hai là không phải không tầm tư, ba là không phải không thọ tướng, bốn là không phải sắc tự tánh, năm là không phải kế đạt đối với chân như. Không phải 5 trạng thái như vậy thì nên biết đó gọi là trí vô phân biệt.” H.T Thích Trí Quang giải thích: “Trí vô phân biệt dĩ nhiên không tác ý, tầm tư và thọ tướng, nhưng không tác ý như trạng thái hôn mê, không tầm tư như nhị thiền sắp lên, không thọ tướng như diệt tận định thì không phải là trí vô phân biệt. Trí này cũng không vô tri giác như sắc chất. Đối tượng hóa chân như ra mà kế đạt, sự kế đạt ấy cũng không phải trí vô phân biệt.” Nhiếp Đại Thừa Luận Thích, No. 1597, tr. 364a05: “Trong trạng thái tướng thọ diệt, tâm và tâm pháp không chuyển là trí vô phân biệt.”

Cũng vậy, niệm trú, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi và đạo chi, ba-la-mật-đa, tất cả thần thông, mười lục, vô úy, pháp Phật bất cộng, các tam-ma-địa, các môn đà-la-ni, Dự lưu, Nhất lai và Bất hoàn, hoặc tất cả đạo quả A-la-hán, theo cùng một loại: tổng quát hoặc chi tiết. Nói rộng cho đến trí nhất thiết trí.

[277b26] Người nào hiểu đúng bản chất của tất cả các pháp một cách không sai lầm, được gọi là *người trí*.

*Do*, là giải thích lý do buông xả các tướng.

*Không thủ*, nghĩa là không chấp trước, không nhìn thấy, đó là sự không khái niệm hóa bởi giác tuệ. Nếu ‘do không thủ’ thì có gì để chứng đắc?

[277b29] *Tuệ hành vô phân biệt, không sở hành mà hành*: Tuệ, đó là trí vô phân biệt. Mặc dù [trí vô phân biệt] viễn ly tất cả phân biệt, ‘giác tuệ tăng ích’ tạm được gọi là trí.<sup>223</sup> Bởi vì không có ảnh tượng, không có các tướng, không có ngôn ngữ, cũng không có cảnh giới khởi tướng và tự tánh phân biệt, nên gọi là vô phân biệt. Mặc dù ‘vô trú’ [là đặc tánh của trí vô phân biệt], nhưng dựa vào giai đoạn khác nhau mà giả danh được thiết lập, như nói, “*Ngọn đèn tắt, A-la-hán diệt*.”<sup>224</sup> *Giác tuệ tăng ích*, là dựa vào thể tục mà nói, nơi sự tương tục của giác tuệ này mà gọi là vô phân biệt. Giống như trí phân biệt được gọi là hữu phân biệt.

[277c06] Ý nghĩa của chữ ‘hành’ [sau] trong câu này là: Trí vận hành trên cảnh ‘không sinh’, đó gọi là hành. Do trí này vận hành trên pháp tánh của mình và người, trên tất cả chủng tướng [bình đẳng], nên chẳng có ‘sở kiến’ (cái bị thấy)’, không gọi là ‘năng kiến’ (cái thấy). Chính là không phải ‘năng kiến’, gọi là chân

---

<sup>223</sup> Giác tuệ tăng ích: đặc tánh của trí vô phân biệt được thêm vào (tăng ích) trên giác tuệ (buddhi).

<sup>224</sup> Hình ảnh của một vị A-la-hán diệt độ được ví như một ngọn lửa đã tắt sau khi không còn thêm củi vào, hay ví với một ngọn đèn đã hết dầu. Một ngọn lửa hay ngọn đèn đã tắt chính là chỉ cho con người chứ không phải Niết-bàn. Con người gồm 5 uẩn đã thực hiện Niết-bàn.

kiến, giống như sự chứng đắc. Không phải ‘phi sở kiến’ làm ra tánh chất của ‘sở kiến’, bất kể là hữu phân biệt hay vô phân biệt, thì chân kiến được thành.<sup>225</sup>

[277c10] Nếu chân như có tánh chất ‘bị thấy’, không nên nói nó có tánh chất ‘chẳng thể thấy’. Dựa vào thế tục, cái thấy ‘bình đẳng’ được gọi là chân kiến; nhưng không nên chấp quan điểm này: cái thấy ‘bất bình đẳng’ được gọi là chân kiến.<sup>226</sup> Những gì ‘có thể thấy’ đều chẳng chân thật, vì chúng là nhân tố khởi hiểu biết. Giống như nước của sóng nắng<sup>227</sup>, những gì ‘có thể thấy’ đều chẳng chân thật. Nếu chân như có tánh chất ‘có thể thấy’, thì sự nắm giữ tánh chất ‘có thể thấy’ sẽ không thành chân kiến. Nếu ‘chẳng thể thấy’ [chân như], thì không nên nói ‘thấy và chứng chân như’. Thấy cái ‘không thể thấy’ thì không được gọi là ‘cái thấy bình đẳng’.<sup>228</sup>

[277c16] Hơn nữa, trí là hữu vi và chân như là vô vi. Bản chất của chúng là bất bình đẳng. Nếu [trí có thể thấy chân như], thì cái thấy ấy nên thành cái thấy ‘bất bình đẳng’.

---

<sup>225</sup> Ở đây, ‘năng kiến’ không thể thấy bất cứ thứ gì, giống như ‘sở kiến’ không thể được thấy. Điều đó có nghĩa là, một mặt, chân kiến không nhận thức được gì, và mặt khác, thực tại không được nhận thức bởi chân kiến.

<sup>226</sup> Trí vô phân biệt và chân như đều bình đẳng, tuyệt đối bình đẳng, cả hai đều loại bỏ các đặc tánh năng thủ và sở thủ, và vì các đặc tánh năng thủ và sở thủ đều là tâm phân biệt, còn có cái để nắm bắt, là hiện hành của hý luận.

<sup>227</sup> Dương diệm thủy 陽焰水: một hiện tượng thiên nhiên trông giống như nước ở phía xa khi lớp bụi trời nổi được ánh sáng mặt trời chiếu vào. Kinh Phật thường sử dụng nó như một ẩn dụ cho sự ảo ảnh của các pháp. Kinh Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo, quyển 2, tr. 491a07: “Vị như bầy nai khát nước, thấy dương diệm (sóng nắng) tưởng là nước, mê hoặc đuổi theo mà không biết chẳng phải nước.”

<sup>228</sup> Thấy cái ‘không thể thấy’ thì cái thấy ấy là cái thấy điên đảo, sao được gọi là ‘cái thấy bình đẳng’? Trong Quán Sở Duyên Duyên Luận (觀所緣緣論, Ālambanaparīkṣā), No. 1624, ngài Trần Na (陳那, Dignāga) đề xuất một lý thuyết cho rằng, ‘sắc tướng bên trong hiện ra như là có mặt bên ngoài, nhưng đó chỉ là đối tượng của thức (sở duyên và duyên), chỉ có thể nói rằng cái tướng trạng ấy chỉ có mặt nơi thức, và có công năng làm phát sinh ra thức.’ (內色如外現, 為識所緣緣, 許彼相在識, 及能生識故.) Tuy nhiên, theo Du-già tông, trí vô phân biệt và chân như đều là tồn tại chủ quan. Như vậy, vấn đề là, trong khi trí vô phân biệt đang nhận thức chân như, thì đối tượng được nhận biết là chân như, tự nó được tạo ra bởi trí vô phân biệt. Nếu đó là bản thân của chân như, thì lý thuyết của Trần Na sẽ có vấn đề. Nếu là trí hậu đắc, thì trí vô phân biệt không phải là nhận thức thực tại (trí vô phân biệt được coi là chân trí trực tiếp nhận thức thực tại). Ở đây, ngài Thanh Biện sử dụng mô típ lập luận tương tự để tấn công lý thuyết của Du-già vào thời của ông.



[277c17] Hơn nữa, bản tánh của các pháp đều chẳng thể thấy, và cái thấy cũng chẳng thể thấy, vì cả hai đều lấy ‘vô sinh’ làm tự tánh. Như vậy, cái chẳng thấy (: trí) tạm gọi là cái thấy, nó không phải là bất bình đẳng. Ngoài ra, trong một sát-na ngộ nhập tất cả các pháp, mà không có hiện quán nào cả, đó gọi là chân hiện quán.

[277c20] Không nên vấn nạn rằng, "*Sự phản chiếu tự thể*<sup>229</sup> *khó thành lập, nghĩa là trí không thể chứng biết thật tánh của trí.*" Cả hai [: cảnh và trí] đều chẳng thể thấy. Bởi vì cảnh và tánh [của trí] không có sai biệt, cho nên đồng thời cùng chứng biết. Về mặt thẳng nghĩa, bản tánh của tự cảnh tượng và trí là ‘không sinh’, do đó, không có hiện quán, cũng không có chứng đắc.

[277c23] Như Khế kinh có nói, “*Ông không nên dùng hiện quán và chứng đắc để quán sát bản thể của Như Lai là vô vi, siêu việt tất cả những gì mắt thường nhìn thấy. Như thế, này Phạm chí, khi Như Lai ngồi trên tòa Bồ-đề, chứng tất cả pháp đều vô sở hữu, thì đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não khởi lên từ sự hư vọng điên đảo.*”<sup>230</sup> Nên tùy thuận những bản kinh như thế.

[277c27] Hãy dừng cuộc tranh luận nhỏ và quay lại cuộc thảo luận chánh. *Hành*, có nghĩa là đi tới. Không có đi tới, gọi là *không sở hành*. Ở đây là nghĩa không hành giải, không sinh khởi. Tuệ vô phân biệt là vì không hành tướng mà là hành, tức ‘không sở hành’ gọi đó là ‘hành’. Đây chỉ là lược nói, như sự thành lập quả bởi chánh căn, đã nói ở trước.

[278a03] Hành giả tu quán bằng tuệ hành vô phân biệt như vậy, nghĩa là ‘không hành mà hành, hành mà không hành’. Tuệ hành vô phân biệt thì rời xa tất

---

<sup>229</sup> Chỉ cho Tự chứng phần (Tự thể phần), chính là tác dụng chứng biết tự thể, phản chiếu tự thể. Tự chứng phần là bản thể của sự nhận biết, là bản thể của Kiến phần (ở đây là trí).

<sup>230</sup> Không thể tìm thấy văn bản chính xác.

cả tác ý về sở duyên<sup>231</sup>, đối với tất cả pháp đều không trú ở đâu cả (: vô sở trú), giống như hư không. Hành giả xả bỏ tất cả phân biệt biến kế, quán bản tánh của các pháp là trong sáng<sup>232</sup>, vắng lặng, như nhập diệt [tận] định<sup>233</sup>.

[278a06] Pháp thân chư Phật thì không thể nghĩ bàn, không thể liễu biệt, không hai, không chứa, không tướng, không thấy, không thể biểu thị. Pháp thân thì không sinh, không diệt, không có khởi tận, trong sáng, vắng lặng, không có sai biệt. Pháp thân thì không tướng, không ảnh, lia các vết dơ, vượt qua mọi con đường của cảnh giới, của ngữ ngôn, của giác tuệ.

[278a10] Tuy quán như vậy mà không thấy gì cả, không thấy mà thấy, thấy tức không thấy. Nhờ nhiếp thọ cái thấy nhiệm màu như vậy, hành giả có thể tăng trưởng khối phước đức vô lượng, có thể cảm nhận quả vi diệu lạc vô biên. Một vị thanh tịnh có thể diệt trừ những khổ đau của người khác, như cây dược vương<sup>234</sup> đem lại lợi ích cho tất cả mong cầu chánh đáng.

---

<sup>231</sup> Bảy thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý phương tiện cứu cánh; 7. Tác ý phương tiện cứu cánh quả. Xem Du-già sư địa luận, quyển 33, tr. 465b29~466c23.

<sup>232</sup> Thuật ngữ *Đạm bạc* 淡泊 trong kinh Đại Bát-nhã do ngài Huyền Trang dịch, được dùng để mô tả bản chất của tất cả pháp, tr. 988a03: “Phật dạy: - Này Thiện Hiện! Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, như thật biết tất cả pháp từ duyên sinh ra, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng một chẳng khác, chẳng đến chẳng đi, dứt các hý luận, bản tánh trong sáng.” (佛告善現! 若菩薩摩訶薩修行般若波羅蜜多時, 如實知一切從緣所生法, 不生不滅, 不斷不常, 不一不異, 不來不去, 絕諸戲論本性淡泊) Ở đoạn văn sau đây, thuật ngữ tương tự được sử dụng để mô tả pháp thân của Đức Phật.

<sup>233</sup> Diệt tận định (滅盡定, *nirodhasamāpatti*), gọi đủ là diệt thọ tưởng định, hay tưởng thọ diệt tận định (*saṃjñāvedanīyanirodhasamāpatti*). Luận Thành Duy Thức, tr. 37c12: “Diệt tận định, là loại định của hàng Thánh giả, hữu học hay vô học, đã trừ phục hoặc xả ly tham thuộc Vô sở hữu, tham cõn trên bất định, do bởi tác ý đình chỉ tưởng dẫn đầu, dập tắt tâm sở không thường trực hiện hành và thường trực hiện hành nhiễm ô; đó gọi là diệt. Nó khiến cho thân an hòa nên cũng gọi là định. Do riêng nhằm chán thọ và tưởng nên nó cũng được nói là loại định diệt tận hai thứ đó.” (Tuệ Sỹ dịch) Xem Thành Thật Luận *成實論*, phẩm Diệt Tận Định, thứ 171, tr. 344c11-346b13.

<sup>234</sup> Dược thọ vương 藥樹王: còn gọi là Dược vương thọ 藥王樹. Cây cỏ có khả năng trị bệnh, và loài cây tối thắng trong các loài cây dược gọi là dược vương (vua thuốc). Kinh Nại Nữ và Kỳ-bà 奈女耆婆經, No. 554, tr. 903b01: “Một hôm Kỳ-bà đi vào cung, trước cổng gặp một đứa bé đang gánh củi. Kỳ-bà trông thấy rõ ràng từng bộ phận của năm tạng trong cơ thể của đứa bé: nào là ruột, bao tử, v.v. Kỳ-bà suy nghĩ: ‘Sách thảo dược nói, hễ có cây dược vương thì từ bên ngoài chiếu vào sẽ thấy bên trong bụng của

[278a13] Như vậy, chánh quán pháp thân của Như Lai là không thấy tướng hữu hay tướng vô của các pháp, nên gọi là chánh kiến. Vì dứt bật tất cả phân biệt biến kế, gọi là chánh tư duy. Do chúng các pháp, lia các hý luận, tất cả ngữ ngôn đều lặng dừng, gọi là chánh ngữ. Do tất cả pháp chẳng phải là tánh được tạo tác, nên không tạo tác nhân tố cho các nghiệp của thân, khẩu và ý, gọi là chánh nghiệp. Vì tất cả pháp đều là pháp tánh không tăng không giảm, tất cả sự tăng giảm vĩnh viễn đều không sinh, gọi là chánh mạng. Vì tất cả các pháp đều không phát khởi, không có tạo tác, điều này là phương tiện cho sự dừng mãi, gọi là chánh tinh tiến. Vì tất cả các pháp cuối cùng đều không chứng đắc cảnh tánh hữu – vô, không có nhớ nghĩ, không có bất cứ tư duy, gọi là chánh niệm. Vì không chấp thủ tất cả chủng tướng của các pháp và không có gì để nương trú, gọi là chánh định. Chánh quán như vậy là có thể tu tập tám chi Thánh đạo này. Nghĩa này được tuyên thuyết rộng ở nhiều chỗ trong Bồ-tát tạng<sup>235</sup>.

[278a25] Chính quán như vậy chẳng những có thể tu tập tám chi Thánh đạo, mà cũng lược thuyết về sự viên mãn sáu thứ ba-la-mật-đa. Tuy không có gia hành nhưng có sự này. Nghĩa ấy thế nào? Có thể xả bỏ tất cả chủng tướng và xả bỏ tất cả phiền não, đó gọi là thí ba-la-mật-đa. Có thể dứt tất cả tác ý về sở duyên, tu vô sở đắc, đó gọi là giới ba-la-mật-đa. Có thể không nhận chịu với mọi sở duyên, đó gọi

---

con người. Trong gánh củi của đứa bé này, có cây dược vương sao?” Kinh Đại Bát-nhã, quyển 569, tr. 941a11: “Bồ-tát làm y chỉ cho các hữu tình như thế để chữa trị các bệnh, như cây dược vương. Có cây dược vương tên là Thiện Kiến, thân cây, gốc rễ, cành lá, hoa quả, sắc hương, mùi vị đều chữa lành bệnh. Cũng vậy, các Bồ-tát này từ khi mới phát tâm cho đến cứu cánh thường chữa lành bệnh phiền não cho hữu tình. Bồ-tát có nhiều phước đức trí tuệ thì người nào được thấy nghe đều lành bệnh.” (H.T Thích Trí Nghiêm dịch)

<sup>235</sup> Cái gọi là Bồ tát hạnh có thể có cả định nghĩa hẹp và rộng. Bồ tát hạnh được đề cập đến nhiều trong Pháp tạng bộ (法藏部, Dharmaguptā) và Đại chúng bộ (大眾部, Mahāsāṅghikā). Trong Pháp tạng bộ, các chuyện tiền thân của Đức Phật (Jātaka) được xếp vào loại Bồ tát đạo. Trong Đại chúng bộ, ngoài Jātaka, có một số bản kinh được gọi là Phương quảng (方廣, Vaipulya), như bộ Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương (金光明最勝王經, Suvarṇaprabhāsottamasūtra) mà nội dung xoay quanh chương trung tâm là chương thứ ba của bộ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm (大方廣佛華嚴經, Buddhāvataṃsaka-mahāvaiṇya-sūtra). Hơn nữa, có một số kinh điển Đại thừa được gọi là kinh điển Bồ-tát. Theo nghĩa rộng, Bồ-tát tạng (Bodhisattvapitaka) chỉ cho tất cả các kinh điển Đại thừa.

là nhãn ba-la-mật-đa. Không thủ, không xả, liả tất cả hành, đó gọi là tinh tiến ba-la-mật-đa. Tất cả tác ý đều không hiện hành, đều không sở trú, đó gọi là tinh lự ba-la-mật-đa. Đối với tất cả pháp, không khởi hý luận, rời xa hai tướng, đó gọi là bát nhã ba-la-mật-đa. Nghĩa này được tuyên thuyết rộng ở nhiều chỗ trong kinh Phạm Vấn<sup>236</sup>, v.v..

[278b06] Theo cách này, sự an trú vi diệu có vô lượng môn mà trong Kinh Vô Lượng [Nghĩa]<sup>237</sup> Đức Thế Tôn đã nói rộng, có đại nghĩa lợi<sup>238</sup>, nhiều sự lợi ích. Các bậc hữu trí nên biết đúng như sự thật, liả các phóng dật, phải siêng năng tu học.

---

<sup>236</sup> Tư Ích Phạm Vương Sở Vấn Kinh 思益梵天所問經 (Brahma-viśeṣa-cintī-paripṛcchā), còn gọi là Phạm Thiên Sở Vấn Kinh 梵天所問經, Võng Minh Bồ Tát Kinh 網明菩薩經, Tư Ích Kinh 思益經, Phạm Vấn Kinh 梵問經, Minh Võng Kinh 明網經; Đại Chánh Tạng, Kinh Tập Bộ, No. 586.

<sup>237</sup> Kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa 大乘無量義經 hay Kinh Vô Lượng Nghĩa (Amitartha-sūtra), No. 276, do ngài Tam tạng Đàm-ma-già-đà Da-xá (曇摩伽陀耶舍, Dharmagatayaśas). Trước khi Đức Phật đưa chúng hội vào cảnh giới Pháp Hoa, Ngài nói kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa. Bồ tát Đại Trang Nghiêm hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Kinh pháp này từ đâu mà đến? Đi đến đâu? An trú chỗ nào? Mới có sức không lường công đức không thể nghĩ nghĩ ấy, khiến các chúng sinh chóng thành đạo vô thượng Bồ-đề?” Ngài trả lời: ““Thiện nam tử! Kinh pháp này vốn từ trong nhà các đức Phật mà ra đi, đến nơi tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, và an trú nơi chỗ ở của các vị Bồ-tát, thiện nam tử ! Kinh pháp này đến như vậy, đi như vậy và an trú như vậy. Vậy nên có sức không lường công đức không thể nghĩ nghĩ được ấy, hay khiến chúng sinh chóng thành đạo vô thượng Bồ-đề.”

<sup>238</sup> Đại nghĩa lợi 大義利, được hiểu là mục đích, hay ích lợi to lớn.